

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Lawaco

Chất lượng nước vì cuộc sống



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG**

NỘI DUNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

DANH SÁCH VIẾT TẮT

HĐQT	Hội đồng quản trị
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BĐH	Ban điều hành
BKS	Ban kiểm soát
CTCP	Công ty cổ phần
HĐKD	Hoạt động kinh doanh
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LSTT	Lợi nhuận sau thuế
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông

TLK	Thủy lượng kế
UBND	Ủy Ban nhân dân
TNHH	Trách nhiệm Hữu hạn
NMN	Nhà máy nước
HT	Hệ thống
TNMT	Tài nguyên môi trường
TNLĐ – BNN	Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp
VĐL	Vốn điều lệ
DVKH	Dịch vụ khách hàng

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Báo cáo tài chính năm 2025

01

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG
Tên quốc tế	LAM DONG WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	LAWACO
Mã cổ phiếu	LDW
Giấy CNĐKDN	5800000174 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu ngày 11/11/2005 và đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 12 ngày 15/07/2025
Địa chỉ	Số 50 đường Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
Điện thoại	02633 834 304
Fax	02633 824 050
Email	lawacoldg@gmail.com
Website	https://lawaco.com



Vốn điều lệ

788.000.000.000

đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn 1918 - 1938: Chính quyền Pháp cho xây dựng Nhà máy nước số 1 (Nhà máy Hồ Than Thở). Nhà máy Hồ Than Thở được sửa chữa lần 1 vào năm 1927 và nâng cấp vào năm 1938 với công suất 2.700m³ /ngày đêm.

Năm 1949: Xây dựng Nhà máy nước số 2 (Nhà máy Hồ Xuân Hương). Công suất 2.700m³ /ngày đêm.

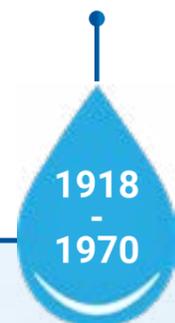
Năm 1970: Sản xuất nước tại TP. Đà Lạt với tên gọi là Công quản nước Đà Lạt. Sản lượng nước sản xuất bình quân 5.400 m³ /ngày đêm.

Năm 1978: Xây dựng trạm bơm Hồ Chiến Thắng để bổ sung nguồn nước cho Nhà máy xử lý nước Hồ Xuân Hương.

Năm 1979: Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2 bàn giao lại cho Công ty Quản lý công trình công cộng tỉnh quản lý.

Năm 1991: UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 131/QĐ-UB về việc thành lập Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng. Công ty tiếp nhận các đơn vị khác trong tỉnh là Nhà máy nước Bảo Lộc, Nhà máy nước Di Linh, Nhà máy nước Đức Trọng.

Năm 1998: Với sự tài trợ của Chính phủ Đan Mạch, TP. Đà Lạt đã triển khai dự án cải tạo hệ thống cấp nước: thay toàn bộ bơm nước sạch của trạm bơm cấp II nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng, nâng cấp Nhà máy nước Hồ Xuân Hương đạt công suất 6.000 m³/ ngày đêm, thay mới và mở rộng mạng lưới chuyển tải đến các bể chứa.



Năm 1971: Đổi tên thành Nha Cấp thủy Đà Lạt, sau đổi lại thành Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt. Thành lập Trung tâm Cấp thủy Bảo Lộc và Trung tâm Cấp thủy Di Linh.

Năm 1975: Trung tâm Cấp thủy Đà Lạt được Ban Quân quản TP. Đà Lạt tiếp quản, điều hành.

Năm 1976: Các Trung tâm Cấp thủy được đổi tên thành Nhà máy nước Đà Lạt, Nhà máy nước Bảo Lộc và Nhà máy nước Di Linh trực thuộc Công ty Xây dựng Cấp thoát nước số 2.

Năm 1982: Nhà máy trực thuộc Công ty Xây dựng Lâm Đồng.

Năm 1984: UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 313/QĐ/UB về việc thành lập và quy định chức năng nhiệm vụ của Nhà máy Cấp nước Đà Lạt và bổ nhiệm chính thức Ban Giám đốc nhà máy. UBND tỉnh giao Nhà máy Cấp nước Đà Lạt quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng.

Năm 1985: Nhà máy xử lý nước Đan Kia Suối Vàng chính thức hoạt động, cung cấp nước cho 4.000 hộ khách hàng với công suất 8.000 m³ / ngày đêm.

Năm 2000: Xây dựng hoàn thành Nhà máy nước Lâm Hà, công suất 1.400 m³ /ngày đêm.

Giai đoạn 2002 - 2004: Năm 2002, Công ty xây dựng Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng và đi vào hoạt động từ năm 2004.

Năm 2005: UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 2873/QĐ-UBND về việc chuyển Doanh nghiệp nhà nước Công ty Cấp thoát nước Lâm Đồng thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Năm 2008: Nhà máy nước Di Linh cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Di Linh và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng; Nhà máy nước Bảo Lộc cổ phần hóa thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Bảo Lộc và là công ty con của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng; thành lập Nhà máy nước Đà Lạt, hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

Năm 2009: Nhà máy nước Đà Lạt được tách thành 2 đơn vị là Nhà máy nước Đà Lạt (sản xuất nước) và Phòng Kinh doanh (sau đổi tên thành XN Cấp nước Đà Lạt) - kinh doanh nước máy, quản lý và phát triển khách hàng trên địa bàn TP. Đà Lạt và huyện Lạc Dương.

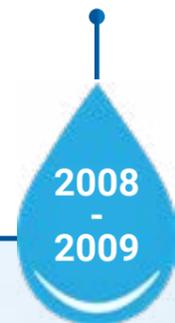
Năm 2011: Vườn sinh thái Thung Lũng Vàng chuyển thành Công ty cổ phần dịch vụ Du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Năm 2012: Thành lập đội quản lý lòng hồ Đankia; Thành lập Nhà máy nước Đạ Huoai, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Đạ M'ri; Thành lập Nhà máy nước Đam Rông, có chức năng quản lý và khai thác hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Bằng Lãng; Bàn giao Nhà máy xử lý nước Nam Ban cho Nhà máy nước Lâm Hà quản lý và khai thác.

Năm 2017: UBND tỉnh Lâm Đồng ký ban hành Quyết định số 774/QĐ-UBND thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Năm 2018: Chính thức trở thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng với vốn điều lệ 788 tỷ đồng.

Năm 2019: UBND tỉnh Lâm Đồng chuyển giao quyền đại diện sở hữu Nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.



Năm 2010: Xí nghiệp Tư vấn thiết kế cổ phần hóa thành Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế Cấp thoát nước và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng; Nhà máy nước Đức Trọng cổ phần hóa thành Công ty Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng và là công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.

Năm 2015: Nhà máy nước Hồ Xuân Hương ngừng hoạt động vì thuộc khu vực giải tỏa thực hiện công viên đô thị Gold Valley.

Năm 2016: Thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ du lịch Thung Lũng Vàng Đà Lạt, Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng; Chuyển giao phần vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Cấp thoát nước và xây dựng Bảo Lộc về cho Thành phố Bảo Lộc.

Giai đoạn 2020 - 2022: Tái cấu trúc bộ máy của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Năm 2023: Sửa đổi lần II điều lệ Công ty, bổ sung thêm vào ngành nghề của Công ty với dịch vụ thử nghiệm Hóa và thử nghiệm Sinh học.

Năm 2024: Thực hiện thoái vốn thành công 02 Công ty liên kết bao gồm: (1) Công ty cổ phần Cấp thoát nước và Xây dựng Đức Trọng; (2) Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Di Linh.

Năm 2025: Công ty đã hoàn tất thủ tục thay đổi mẫu con dấu và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (thay đổi lần thứ 12). Nội dung cập nhật bao gồm địa chỉ trụ sở chính và người đại diện theo pháp luật, nhằm phù hợp với kế hoạch sáp nhập địa giới hành chính tỉnh có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng <i>Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai.</i>	1104
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng <i>Chi tiết: Bán buôn kính phẳng, đồ ngũ kim và khóa, ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước, thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác.</i>	4663
Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh <i>Chi tiết: Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị cấp thoát nước.</i>	4752
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600 (Chính)
Thoát nước và xử lý nước thải	3700
Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan <i>Chi tiết: Tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước, giám sát thi công công trình xây dựng. Giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình, thẩm tra dự án đầu tư, đánh giá tác động môi trường. Thiết kế dự toán công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi.</i>	7110
Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết: dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đồng hồ đo nước lạnh kiểu cơ khí, đường kính từ 50mm đến 100mm.</i>	7120
Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên <i>Chi tiết: Thử nghiệm hóa, thử nghiệm sinh học</i>	7211

ĐỊA BÀN KINH DOANH

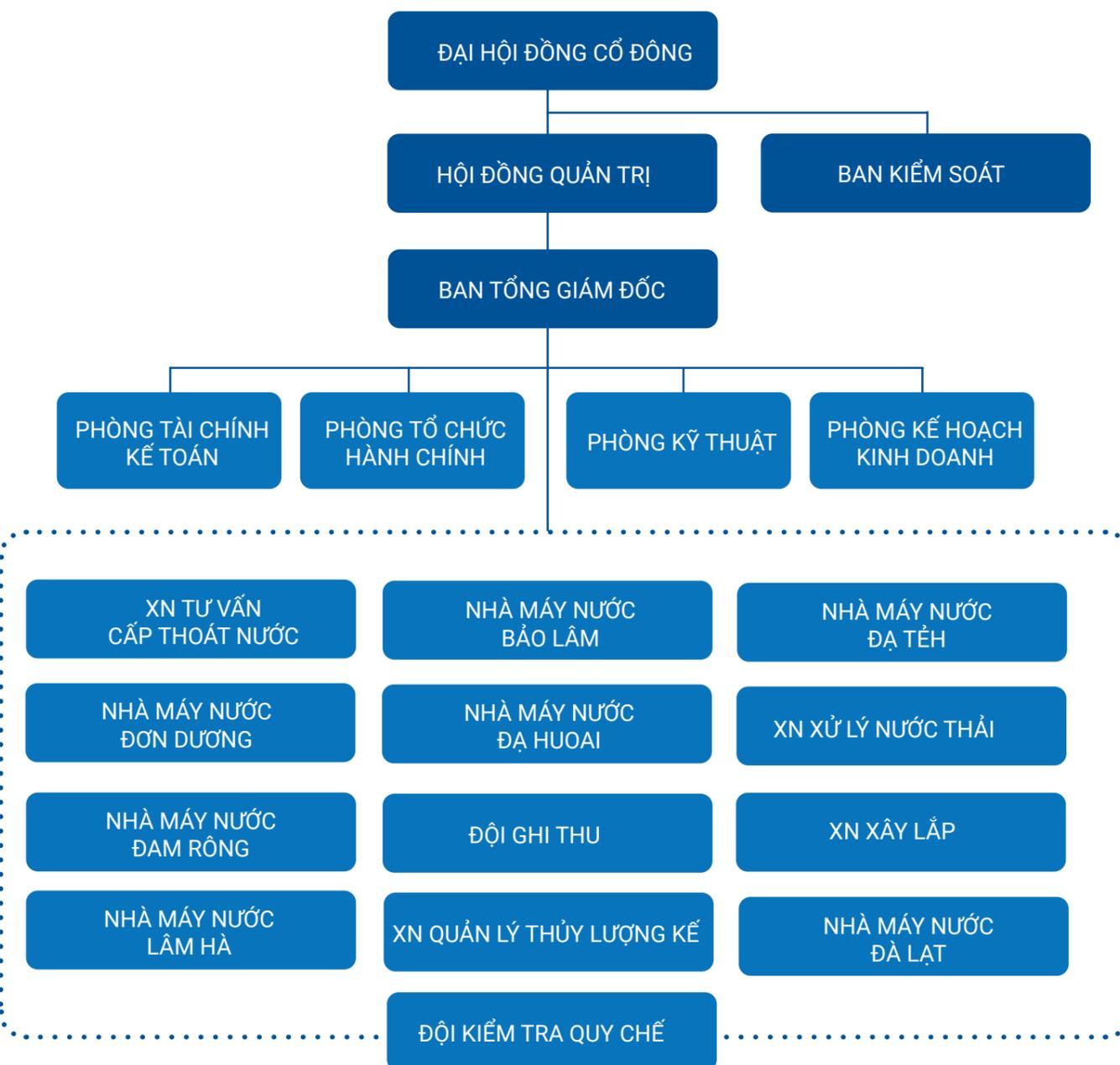
Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp nước sạch cho một số phường xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Bên cạnh đó, Công ty là đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải trên địa bàn một số phường xã thuộc tỉnh Lâm Đồng.



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

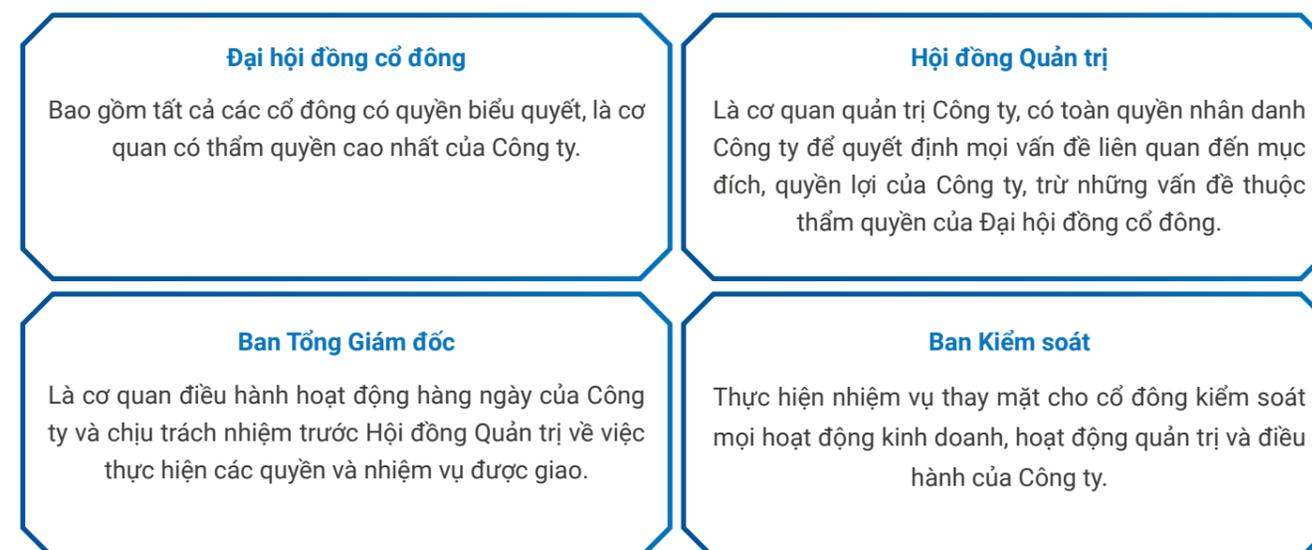
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các quy định pháp luật liên quan, với cơ cấu bộ máy quản lý được tổ chức như sau:



CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC CÔNG TY

STT	Tên đơn vị thành viên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Nhà Máy Nước Lâm Hà	Xã Đinh Văn Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
2	Nhà Máy Nước Bảo Lâm	Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
3	Nhà Máy Nước Đạ Tẻh	Xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
4	Nhà Máy Nước Đơn Dương	Xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
5	Nhà Máy Nước Đam Rông	Xã Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
6	Nhà Máy Nước Đạ Huoai	Xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
7	Nhà Máy Nước Đà Lạt	Phường Langbiang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Sản xuất, kinh doanh nước sạch
8	Xí nghiệp Quản lý Nước thải	Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Quản lý hệ thống thu gom và xử lý nước thải
9	Xí nghiệp Tư vấn Cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Tư vấn thiết kế, giám sát công trình xây dựng cơ bản
10	Xí nghiệp Xây lắp cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Thi công, lắp đặt hệ thống cấp nước, xây dựng cơ bản
11	Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Kiểm định Nhà nước đồng hồ đo nước lạnh từ 15 - 100 mm.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

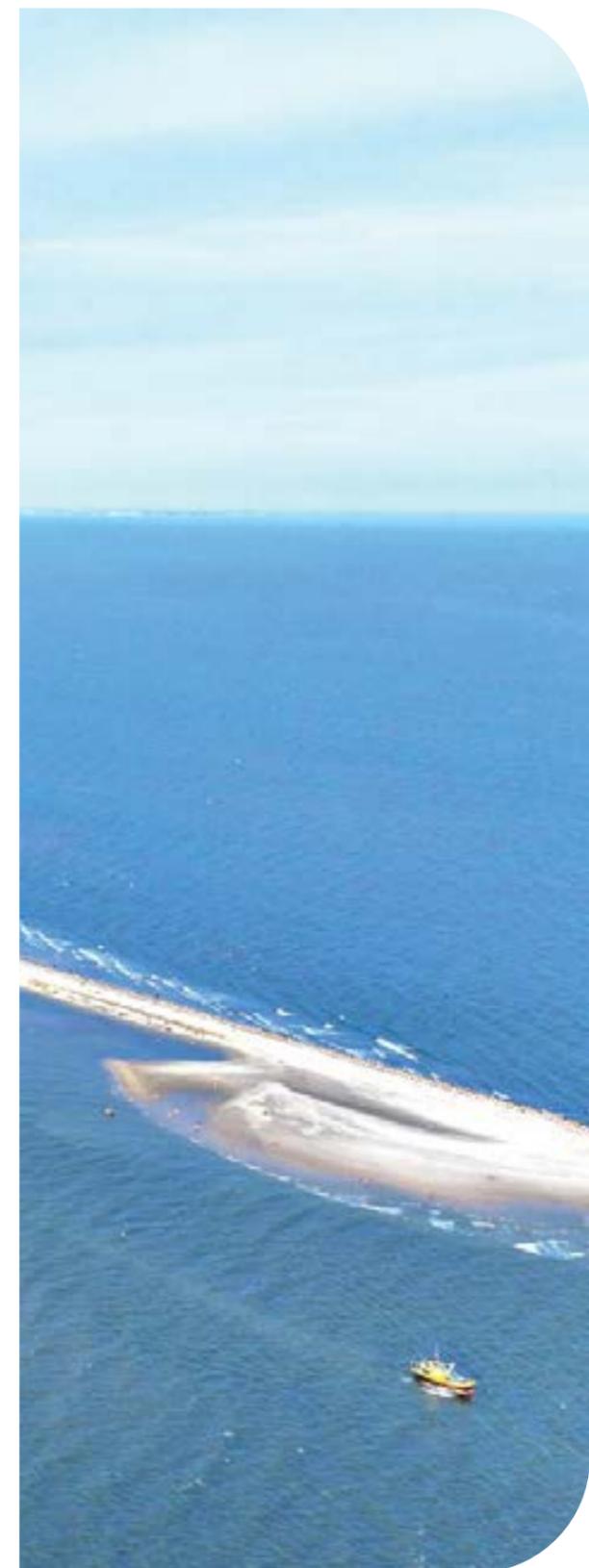
CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu nước tại nhiều khu vực thuộc phạm vi cấp nước của Công ty. LAWACO ưu tiên xúc tiến đàm phán mua nước hoặc mua lại Nhà máy xử lý nước Tuyền Lâm, đồng thời nghiên cứu đầu tư thêm tuyến ống chuyển tải từ Nhà máy Đan Kia 1 về Đà Lạt nhằm tăng khả năng cấp nước cho các khu vực trung tâm. Song song đó, Công ty triển khai nâng công suất Nhà máy Đan Kia 1 từ 25.000 m³/ngày đêm lên 49.000 m³/ngày đêm, cải tạo các khu vực nước yếu, tại các phường, xã khác khai thác thêm nguồn nước mới để bổ sung cho các vùng bị ô nhiễm hoặc cạn kiệt.
- Tiếp tục triển khai hiệu quả chương trình chống thất thoát nước trên toàn hệ thống, đồng thời hoàn thiện và thực hiện đồng bộ Phương án Chống thất thoát theo chỉ đạo của UBND tỉnh Lâm Đồng nhằm đạt được kết quả triệt để hơn. Công ty tăng cường công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống đường ống chính - nhánh, các trạm bơm và nhà máy, kịp thời phát hiện và khắc phục các sự cố kỹ thuật để đảm bảo hoạt động vận hành ổn định, liên tục và an toàn.
- Thực hiện tái sắp xếp bộ máy theo hướng tinh gọn, phù hợp với chiến lược phát triển đa ngành nghề và định hướng sáp nhập đơn vị hành chính theo chủ trương của Chính phủ. Công ty chú trọng bố trí lại nguồn nhân lực hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, chất lượng dịch vụ và khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- Xây dựng và triển khai phương án nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh nhằm đảm bảo duy trì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) trong các năm tiếp theo. Trọng tâm là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện năng lực điều hành và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý hoạt động của Công ty.



CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung thực hiện đồng bộ hóa hệ thống cấp nước bằng cách ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất và kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thiểu thất thoát nước và tối ưu hóa năng suất tại các trạm cung cấp. Định hướng này không chỉ góp phần ổn định đầu ra cho doanh nghiệp mà còn đảm bảo chất lượng dịch vụ ngày càng tốt hơn.
- Đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống cấp nước hiện đại, phục vụ các đô thị trung tâm của tỉnh cũng như các khu dân cư thuộc vùng sâu, vùng xa thuộc vùng cấp nước của LAWACO. Mục tiêu cuối cùng là đảm bảo 100% dân số được tiếp cận nguồn nước sạch đạt tiêu chuẩn vệ sinh, mang lại cuộc sống chất lượng hơn cho cộng đồng.
- Tiếp tục tập trung khắc phục tình trạng thiếu nguồn nước tại một số khu vực bất lợi cụ thể, đồng thời triển khai đồng bộ và toàn diện công tác kiểm tra, bảo trì hệ thống ống dẫn nước và trang thiết bị định kỳ. Những nỗ lực này nhằm đảm bảo nguồn nước cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn chất lượng do Bộ Y tế quy định.
- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào quy trình vận hành, không chỉ để nâng cao chất lượng nước mà còn tối ưu hóa hiệu suất hệ thống, giảm thiểu chi phí và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.
- Ưu tiên tập trung nghiên cứu và xây dựng chiến lược chuyển đổi số một cách bài bản, từng bước áp dụng AI vào các lĩnh vực hoạt động của Công ty với trọng tâm là xây dựng văn hóa số. Việc này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình làm việc mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



01

Với môi trường



- Tích cực đồng hành cùng các chương trình bảo vệ môi trường của địa phương, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về tầm quan trọng của việc sử dụng nguồn nước sạch có nguồn gốc rõ ràng và đáp ứng quy chuẩn của Bộ Y tế. Thông qua đó, Công ty khuyến khích người dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tình trạng khai thác tài nguyên nước không kiểm soát, góp phần bảo vệ môi trường và duy trì cân bằng hệ sinh thái.
- Chú trọng đầu tư nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến trong hoạt động xử lý và cung cấp nước sạch. Nổi bật là việc triển khai các hệ thống giám sát vận hành theo thời gian thực,

góp phần tối ưu hóa chất lượng nước, nâng cao tính minh bạch và đảm bảo an toàn trong toàn bộ quá trình cung cấp nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội hiện đại.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2026 cho toàn hệ thống, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh đều gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường. LAWACO cam kết tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến khai thác, sử dụng nguồn nước trong sản xuất, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

02

Với xã hội và người lao động



- Song song với việc theo đuổi mục tiêu tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, Công ty luôn đặt chất lượng dịch vụ cung cấp nước sạch lên hàng đầu, đảm bảo tuân thủ đầy đủ, nghiêm ngặt các quy định pháp luật. Định hướng này góp phần củng cố nền tảng phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo sức khỏe cho người dân sử dụng nước sạch, nâng cao chất lượng cuộc sống và đóng góp tích cực vào an sinh xã hội tại địa phương.
- Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt quan tâm đến phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc minh bạch, tạo điều kiện thăng tiến rõ ràng và phù hợp năng lực. Công ty duy trì thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo an toàn lao động trong mọi khâu sản xuất, góp phần hình thành thành đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, có trình độ, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của ngành cũng như đáp ứng hiệu quả các mô hình hoạt động mà Ban lãnh đạo định hướng trong giai đoạn tới.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Theo Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam năm 2025 tiếp tục giữ được xu hướng phục hồi tích cực, với GDP cả năm ước tăng 8,02%. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ khu vực công nghiệp và dịch vụ, ghi nhận mức tăng lần lượt 8,80% và 8,82%, nhờ sự ổn định của khu vực sản xuất có vốn FDI và hoạt động xuất nhập khẩu. Dù vậy, triển vọng kinh tế vẫn đối mặt với nhiều yếu tố khó lường, khi các rủi ro bên ngoài như căng thẳng thương mại, xung đột địa chính trị và biến động trên thị trường tài chính quốc tế còn diễn biến phức tạp, qua đó gây sức ép nhất định lên công tác điều hành kinh tế vĩ mô trong nước.

Đối với ngành cấp nước, các yếu tố kinh tế vĩ mô tuy không tác động trực tiếp và mạnh như đối với các ngành thương mại hoặc tài chính, nhưng vẫn là rủi ro có ảnh hưởng đáng kể. Tăng trưởng GDP thuận lợi góp phần thúc đẩy nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, cầu nước sạch lại phụ thuộc nhiều hơn vào tốc độ đô thị hóa và gia tăng dân số đô thị hơn là biến động ngắn hạn của sản lượng kinh tế. Theo Bộ Xây dựng, tỷ lệ đô thị hóa năm 2025 đạt 45% và dự kiến vượt 50% vào năm 2030 với 1.000 - 1.200 đô thị trên cả nước. Áp lực đô thị hóa nhanh chóng cùng nhu cầu nước sạch ngày càng tăng (dự báo nhu cầu nước đạt 122,5 tỷ m³/năm vào 2030 và 131,7 tỷ m³/năm vào 2050) đặt gánh nặng lớn lên hạ tầng cấp nước hiện tại, buộc các đơn vị như LAWACO phải đầu tư nâng cấp công suất và hệ thống phân phối để đáp ứng nhu cầu.

Trước bối cảnh đó, LAWACO đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và thích ứng với những biến động của nền kinh tế. Cụ thể, Công ty tiến hành đánh giá chính xác nhu cầu sử dụng nước hiện tại, đồng thời xây dựng các kịch bản dự báo dài hạn để lập kế hoạch khai thác và phân phối nước hợp lý, qua đó giảm áp lực quá tải cho hệ thống cấp nước.

Bên cạnh đó, LAWACO đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ giám sát thông minh như đồng hồ đo nước điện tử và hệ thống quản lý lưu lượng nhằm kịp thời phát hiện các dấu hiệu bất thường, từ đó nâng cao hiệu quả vận hành và quản lý hệ thống. Công ty cũng tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng về việc sử dụng nước tiết kiệm và khai thác bền vững tài nguyên nước. Đồng thời, LAWACO phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc kiểm soát hoạt động khai thác nước ngầm và bảo vệ các nguồn nước thô phục vụ sản xuất.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên, Công ty hướng tới mục tiêu giảm thiểu tác động từ những rủi ro kinh tế vĩ mô, đảm bảo hệ thống cấp nước vận hành ổn định, bền vững và duy trì khả năng thích ứng linh hoạt trước các biến động trong thời gian tới.

RỦI RO VỐN ĐẦU TƯ

Ngành cấp nước đòi hỏi vốn đầu tư ban đầu rất lớn và thời gian thu hồi kéo dài do đặc thù phải xây dựng hệ thống hạ tầng quy mô lớn, vận hành liên tục và có tuổi thọ dài. Chi phí đầu tư không chỉ bao gồm xây dựng nhà máy xử lý nước, hệ thống đường ống truyền tải - phân phối mà còn các chi phí bảo trì, nâng cấp định kỳ để đảm bảo hoạt động ổn định và duy trì chất lượng dịch vụ. Trong khi đó, giá bán nước sạch được cơ quan quản lý kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận cho người dân, dẫn đến biên lợi nhuận thấp và hạn chế tính linh hoạt trong việc điều chỉnh giá theo biến động chi phí đầu vào. Những yếu tố này tạo ra áp lực đáng kể lên năng lực tài chính của Công ty, đặc biệt là trong việc huy động nguồn vốn mới để mở rộng công suất, cải tạo - nâng cấp đường ống hoặc triển khai các dự án cải thiện chất lượng dịch vụ. Rủi ro càng gia tăng khi nhu cầu đầu tư cho hạ tầng ngành nước ngày càng lớn trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa tăng nhanh và yêu cầu về chất lượng nước sạch ngày càng cao.

Hiện nay, Công ty đang sử dụng các khoản nợ vay từ Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và LAWACO để triển khai các dự án quan trọng như Dự án Cấp nước Thành phố Đà Lạt và Tiểu dự án Cấp nước tỉnh Lâm Đồng. Với mức lãi suất cố định 6,75%/năm kèm 0,2%/năm phí quản lý trên dư nợ và không thay đổi trong suốt thời gian vay, rủi ro biến động chi phí vốn được đánh giá ở mức tương đối thấp so với các nguồn vay thương mại.

Bên cạnh đó, Công ty thực hiện đánh giá định kỳ hàng năm đối với các dự án đã và đang triển khai nhằm nhận diện sớm các rủi ro liên quan đến nhu cầu vốn, biến động lãi suất, tỷ lệ lạm phát và thay đổi trong chính sách tín dụng. Trên cơ sở đó, LAWACO xây dựng kế hoạch tài chính linh hoạt, chú trọng đa dạng hóa nguồn vốn thông qua kết hợp vốn vay thương mại, vốn hỗ trợ ngân sách và các quỹ đầu tư quốc tế, nhằm tránh phụ thuộc vào một kênh tài chính duy nhất. Công ty cũng thường xuyên rà soát hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo các dự án được triển khai đúng tiến độ, đúng mục tiêu và mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất, qua đó giảm thiểu rủi ro tài chính và tối ưu hóa lợi nhuận dài hạn.

CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch chịu sự điều chỉnh chặt chẽ bởi hệ thống pháp luật đa ngành, bao gồm các đạo luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, pháp luật thuế, và các quy định đặc thù của lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường như Luật Tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường cùng nhiều quy chuẩn kỹ thuật bắt buộc. Sự thay đổi liên tục của khung pháp lý, đặc biệt là việc ban hành các văn bản mới như Luật số 56/2024/QH15, Thông tư 68/2024/TT-BTC, Luật Thuế Thu nhập Doanh nghiệp 2025 (Luật số 67/2025/QH15), Nghị định 05/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Bảo vệ Môi trường, hay các Thông tư kỹ thuật về nước thải có hiệu lực từ tháng 9/2025 (04-06/2025/TT-BTNMT), có thể tạo ra tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty. Các yêu cầu tuân thủ mới có thể làm gia tăng chi phí vận hành, phát sinh nhu cầu đầu tư bổ sung hoặc dẫn đến gián đoạn trong quy trình khai thác - xử lý - cung cấp nước. Đồng thời, việc không tuân thủ nghiêm túc quy định của pháp luật có thể khiến doanh nghiệp đối mặt với rủi ro bị xử phạt hành chính, đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép, và ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty đã xây dựng hệ thống quản trị tuân thủ toàn diện, bảo đảm các hoạt động từ khai thác nguồn nước, xử lý đến cung cấp nước sạch đều tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thực hiện đầy đủ hồ sơ cấp phép khai thác theo Luật Tài nguyên nước, kiểm soát chất lượng nước đầu ra theo quy chuẩn vệ sinh an toàn, tuân thủ các yêu cầu bảo vệ môi trường, đồng thời cập nhật các tiêu chuẩn kỹ thuật mới liên quan đến xử lý và xả thải từ năm 2025. Song song đó, Công ty hợp tác với các đơn vị tư vấn chuyên môn để giám sát tuân thủ pháp luật về chứng khoán, kế toán - thuế và các quy định đặc thù ngành. Công ty cũng chú trọng minh bạch hóa thông tin và tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý nhà nước bằng việc thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, bao gồm yêu cầu công bố bằng tiếng Anh theo quy định mới, đồng thời chủ động cập nhật các thay đổi chính sách để điều chỉnh hoạt động sản xuất - kinh doanh kịp thời.

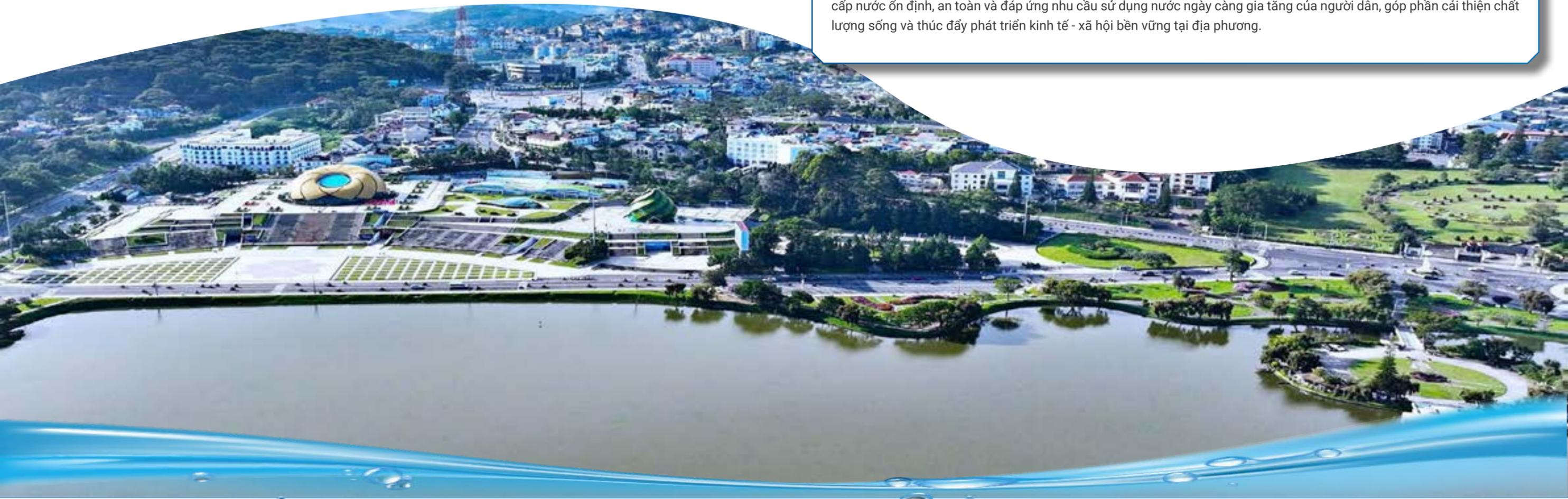
RỦI RO THỜI TIẾT

Lâm Đồng nằm trên vùng cao nguyên với đặc điểm khí hậu ôn hòa nhưng có sự phân hóa rõ rệt giữa mùa mưa và mùa khô. Vào mùa khô kéo dài, lượng mưa giảm mạnh có thể dẫn đến suy giảm mực nước tại các hồ chứa và nguồn nước mặt, gây khó khăn cho hoạt động khai thác nước thô. Ngược lại, mùa mưa thường xuất hiện mưa lớn, lũ quét và sạt lở đất, làm gia tăng nguy cơ ô nhiễm nguồn nước, cuốn trôi cặn bẩn, đất đá vào các dòng chảy, từ đó đòi hỏi chi phí xử lý cao hơn. Những biến động khí hậu cực đoan, nếu xảy ra liên tục, có thể ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng duy trì sản lượng, chất lượng nước đầu vào và an toàn tài sản của hệ thống cấp nước tại địa phương.

Để giảm thiểu các tác động bất lợi này, Công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, bao gồm:

- Quản lý và bảo vệ nguồn nước bền vững: Thực hiện quy hoạch, giám sát và quản lý nguồn nước nhằm đảm bảo cân đối cung - cầu trong cả mùa mưa và mùa khô; đồng thời triển khai các biện pháp bảo vệ môi trường, chống xói mòn, kiểm soát ô nhiễm và tăng cường bảo vệ rừng đầu nguồn để giảm nguy cơ bồi lắng, gia tăng độ đục tại các nguồn nước thô.
- Đầu tư và nâng cấp hạ tầng kỹ thuật: Tăng cường đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng và trang thiết bị bằng các vật liệu phù hợp với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, đảm bảo khả năng chịu áp lực và duy trì vận hành an toàn trong điều kiện mưa bão hoặc khô hạn.
- Tăng cường năng lực ứng phó và phối hợp quản lý: Xây dựng các phương án dự phòng, đào tạo nhân sự về quản lý sự cố và ứng phó thiên tai; đồng thời tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan tài nguyên - môi trường và các đơn vị quản lý lưu vực nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng ngừa rủi ro do biến đổi khí hậu và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan.

Những nỗ lực trên giúp Công ty chủ động hạn chế tác động bất lợi của điều kiện khí hậu - thời tiết, đảm bảo việc cung cấp nước ổn định, an toàn và đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ngày càng gia tăng của người dân, góp phần cải thiện chất lượng sống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương.



CÁC RỦI RO

RỦI RO THẤT THOÁT NƯỚC SẠCH

Thất thoát nước sạch là một trong những rủi ro vận hành quan trọng, bắt nguồn từ cả yếu tố chủ quan và khách quan. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tình trạng xuống cấp của mạng lưới đường ống, đặc biệt tại các khu vực có hạ tầng cũ kỹ hoặc chưa được nâng cấp, dẫn đến rò rỉ, nứt vỡ và giảm áp lực nước ngoài ra địa hình đồi núi tạo chênh lệch độ cao lớn làm tăng áp lực thủy tĩnh cũng thường xuyên gây vỡ đường ống. Bên cạnh đó, công tác quản lý - giám sát chưa đồng bộ, chẳng hạn thiết bị đo đếm chưa hiện đại, sai số đồng hồ nước hoặc thiếu hệ thống phát hiện sớm bất thường, cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát. Các yếu tố tự nhiên như địa hình phức tạp, lún sụt đất, mưa lớn, thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu khiến hệ thống dễ bị hư hỏng hơn. Ngoài ra, tình trạng sử dụng nước trái phép, đấu nối bất hợp pháp vào đường ống vẫn xảy ra, gây thất thoát đáng kể và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh. Tỷ lệ thất thoát ở mức cao có thể làm giảm biên lợi nhuận gộp và gia tăng chi phí duy tu, bảo trì của doanh nghiệp.

Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã triển khai đào tạo nhân viên kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực vận hành và xử lý sự cố, thiết lập quy trình kiểm tra, giám sát định kỳ hệ thống đường ống và thiết bị, đồng thời ứng dụng công nghệ như hệ thống SCADA để phát hiện rò rỉ, thất thoát sớm. Công ty cũng xây dựng văn hóa chủ động báo cáo và khắc phục sự cố trong toàn hệ thống nhằm cải thiện hiệu quả quản lý. Song song đó, Công ty phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để xử lý hành vi sử dụng nước trái phép hoặc xâm phạm hệ thống cấp nước, lập kế hoạch dự phòng ứng phó biến đổi khí hậu, bao gồm tăng trữ lượng nước mùa mưa để bù cho mùa khô. Cuối cùng, Công ty ưu tiên đầu tư nâng cấp và bảo trì các tuyến ống cũ, các khu vực có địa hình phức tạp hoặc dễ chịu tác động thiên tai nhằm hạn chế thiệt hại và nâng cao tính ổn định của hệ thống cấp nước.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi, công nghiệp và sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng nguồn nước thô. Tại các khu vực gần trang trại, nhà máy chế biến nông sản hoặc khu dân cư tập trung, việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xả thải không qua xử lý hay ô nhiễm từ rác thải sinh hoạt có thể làm tăng hàm lượng chất hữu cơ và tạp chất trong nguồn nước. Khi mức độ ô nhiễm vượt ngưỡng, LAWACO buộc phải gia tăng chi phí hóa chất, nâng cấp công nghệ xử lý hoặc tạm dừng khai thác để đảm bảo chất lượng nước đầu ra theo quy chuẩn. Bên cạnh đó, tốc độ phát triển du lịch nhanh tại Lâm Đồng cũng tạo thêm áp lực lên môi trường. Lượng khách lớn làm gia tăng rác thải, đặc biệt là rác thải nhựa từ các điểm tham quan, chợ đêm, nhà hàng và khách sạn, trong khi hệ thống thu gom - xử lý chưa đáp ứng kịp. Nước thải từ cơ sở lưu trú và dịch vụ ăn uống chưa qua xử lý triệt để tiếp tục góp phần gây ô nhiễm nguồn nước mặt, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái sông hồ. Hoạt động nông nghiệp quy mô lớn, nhất là canh tác rau, hoa và cây công nghiệp, cũng là một trong những nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường. Việc lạm dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu và chất kích thích sinh trưởng làm suy thoái đất và ô nhiễm nguồn nước. Đặc

biệt, tình trạng phát triển nhà kính ồ ạt trên địa hình đồi dốc mà không có quy hoạch phù hợp dẫn đến xói mòn, sạt lở đất và biến động dòng chảy, tiềm ẩn nguy cơ tác động lên các khu vực khai thác nước thô. Ngoài ra, các sự cố môi trường bất ngờ như tràn hóa chất, ô nhiễm cục bộ hay biến động nguồn nước từ các dự án thượng nguồn có thể ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn nguồn nước và hoạt động sản xuất của Công ty.

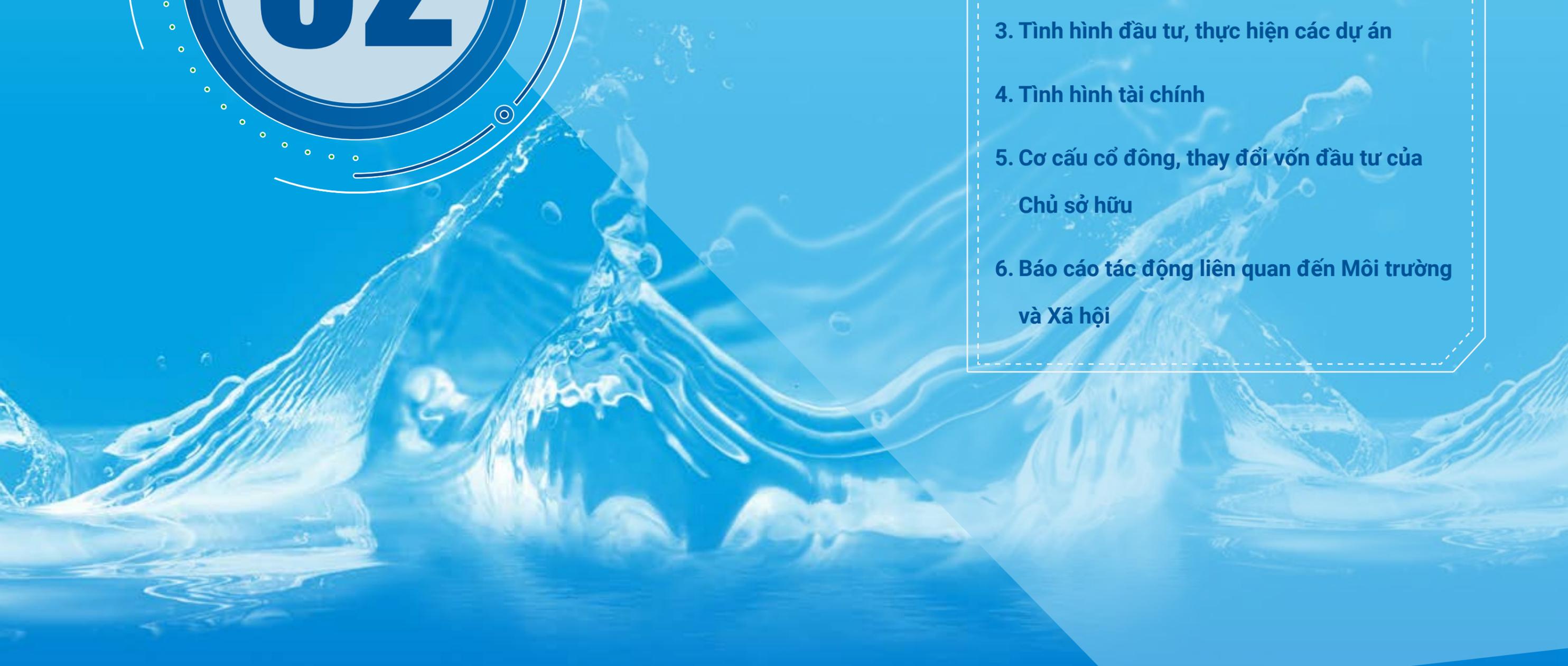
Trước các rủi ro trên, Công ty đã tăng cường hiện đại hóa hệ thống hạ tầng cấp nước, bao gồm nâng cấp mạng lưới đường ống và trạm xử lý nhằm giảm thiểu rò rỉ và ổn định chất lượng nước đầu vào. Công ty cũng ứng dụng công nghệ giám sát tiên tiến như cảm biến chất lượng nước, hệ thống cảnh báo sớm ô nhiễm hoặc suy giảm nguồn nước để chủ động xử lý sự cố, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các bên liên quan trong quản lý nguồn nước, giám sát xả thải và ngăn chặn ô nhiễm từ nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt, hướng tới đảm bảo nguồn nước bền vững và an toàn lâu dài.

RỦI RO KHÁC

Thiên tai, hỏa hoạn, sạt lở, dịch bệnh hoặc chiến tranh có thể gây thiệt hại lớn đến cơ sở hạ tầng, thiết bị và nguồn nhân lực của doanh nghiệp. Điều này dẫn đến gián đoạn cung cấp nước và gia tăng chi phí khắc phục.

Để hạn chế tác động của các rủi ro bất khả kháng, Công ty xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó khẩn cấp, thực hiện kiểm tra định kỳ hệ thống cấp nước và triển khai các biện pháp dự phòng như gia cố hạ tầng, lắp đặt cảnh báo sớm và đảm bảo trữ lượng nước dự trữ. Bên cạnh đó, Công ty tăng cường bảo hiểm cho tài sản, công trình và người lao động, đồng thời phối hợp chặt chẽ với chính quyền và cơ quan chức năng để xử lý kịp thời các tình huống phát sinh. Công tác đào tạo nhân viên về quy trình ứng phó sự cố cũng được chú trọng nhằm giảm thiểu thiệt hại và duy trì hoạt động ổn định.





02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tổ chức và nhân sự**
- 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án**
- 4. Tình hình tài chính**
- 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu**
- 6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và Xã hội**

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2025	TH 2025	% TH 2025/ KH 2025	TH 2024	% TH 2025/ TH 2024
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	368.411	367.617	99,78%	389.627	94,35%
1.1	Doanh thu hoạt động SXKD	Triệu đồng	328.314	319.622	97,35%	319.686	99,98%
1.2	Doanh thu tài chính	Triệu đồng	39.471	47.632	120,68%	69.321	68,71%
1.3	Doanh thu khác	Triệu đồng	1.239	363,57	58,17%	619,31	58,71%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	-	101.644	-	125.214	81,18%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	95.136	100.773	105,93%	124.672	80,83%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	80.369	-	99.702	80,61%
5	Tỷ lệ thất thoát	%	17,00	17,00	100,00%	17,94	94,76%

Tổng doanh thu 2025



Tỷ lệ thất thoát



Lợi nhuận sau thuế



Kết thúc năm tài chính 2025, các chỉ tiêu hoạt động của Công ty nhìn chung cơ bản hoàn thành và tiệm cận kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được duy trì ổn định trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều khó khăn.

Cụ thể, tổng doanh thu của Công ty đạt 367.617 triệu đồng, bằng 94,35% so với thực hiện năm 2024 và đạt 99,78% kế hoạch năm 2025. Trong đó, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 319.622 triệu đồng, tương đương 99,98% so với cùng kỳ, phản ánh hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty vẫn duy trì ổn định.

Các mảng hoạt động SXKD chính tiếp tục vận hành ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch trên địa bàn. Công ty chú trọng công tác quản lý vận hành hệ thống, tăng cường kiểm soát chi phí và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản, góp phần duy trì hiệu quả hoạt động trong năm.

Doanh thu tài chính năm 2025 đạt 47.632 triệu đồng, hoàn thành 120,68% kế hoạch năm, tuy nhiên giảm so với cùng kỳ do năm 2024 ghi nhận các khoản thu nhập mang tính đột biến từ hoạt động thoái vốn tại các công ty liên kết. Trong năm 2025, doanh thu tài chính chủ yếu đến từ hoạt động tiền gửi và đầu tư tài chính, phản ánh việc quản lý và sử dụng dòng tiền tương đối hiệu quả của Công ty.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế trong năm 2025 đều giảm so với năm 2024, chủ yếu do doanh thu tài chính giảm đáng kể như đã nêu trên. Trong khi đó, các khoản

chi phí chủ yếu như chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đều được kiểm soát tốt và giảm so với năm trước. Kết thúc năm 2025, lợi nhuận trước thuế đạt 100.773 triệu đồng, tương ứng 105,93% kế hoạch năm, thể hiện nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành linh hoạt, kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả hoạt động. Lợi nhuận sau thuế đạt 80.316 triệu đồng, duy trì ở mức tích cực, đảm bảo năng lực tích lũy và nguồn vốn phục vụ tái đầu tư, phát triển hệ thống trong các năm tiếp theo.

Sản lượng nước sản xuất trong năm đạt 26.379 nghìn m³, bằng 98,83% so với năm 2024; sản lượng nước ghi thu đạt 21.895 nghìn m³, tương đương 99,97% so với cùng kỳ. Tỷ lệ thất thoát nước được kiểm soát ở mức 17,00%, hoàn thành 100% kế hoạch năm và cải thiện so với năm trước, cho thấy hiệu quả của các giải pháp quản lý mạng lưới và giảm thất thoát. Công tác phát triển khách hàng đạt kết quả khả quan với 3.705 hộ mới, vượt 19,52% kế hoạch và gần tương đương mức thực hiện năm 2024, góp phần mở rộng phạm vi phục vụ và tạo dư địa tăng trưởng bền vững.

Trước những biến động của môi trường kinh doanh trong năm 2025, Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp đảm bảo cung cấp nước sạch an toàn, liên tục cho khách hàng, đồng thời xử lý kịp thời các yêu cầu kỹ thuật, duy trì công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nước theo đúng quy chuẩn hiện hành, qua đó duy trì ổn định hoạt động SXKD và tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN 2025

STT	CHỈ TIÊU - DOANH THU THUẦN	TH 2025		TH 2024		%TH 2025/TH 2024
		GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ (TRIỆU ĐỒNG)	TỶ TRỌNG	
1	Kinh doanh nước sạch	288.984	90,41%	291.335	91,13%	99,19%
2	Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước	10.327	3,23%	7.809	2,44%	132,24%
3	Xử lý nước thải	19.351	6,05%	19.315	6,04%	100,19%
4	Khác	960	0,30%	1.227	0,38%	78,25%
Tổng		319.622	100,00%	319.686	100,00%	99,98%



Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước



Doanh thu kinh doanh nước sạch



Doanh thu xử lý nước thải



Kinh doanh nước sạch tiếp tục là mảng hoạt động cốt lõi và giữ vai trò chủ lực trong cơ cấu doanh thu thuần của LAWACO khi đóng góp tỷ trọng lớn nhất. Năm 2025, doanh thu từ kinh doanh nước sạch đạt 288.984 triệu đồng, chiếm 90,41% Tổng doanh thu thuần, duy trì nền tảng ổn định so với năm trước. Trong bối cảnh giá bán nước bình quân điều chỉnh nhẹ, đạt 13.199 đồng/m³ so với 13.302 đồng/m³ năm 2024, Công ty vẫn giữ vững quy mô doanh thu nhờ sản lượng tiêu thụ nước sạch ổn định, nhu cầu sử dụng nước của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tiếp tục được duy trì.

Mảng thu gom và xử lý nước thải tiếp tục được Công ty chú trọng đầu tư, vận hành hiệu quả và duy trì ổn định. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải hoạt động liên tục với lưu lượng bình quân đạt khoảng 9.405 m³/ngày đêm; tổng lượng nước thải xử lý trong năm đạt 3.400.079 m³, tương đương 97,92% kế hoạch năm. Doanh thu từ hoạt động này đạt 19.351 triệu đồng, chiếm 6,05% Tổng doanh thu thuần và tăng nhẹ so với năm trước.

Hoạt động xây dựng và lắp đặt hệ thống cấp, thoát

nước cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực, đóng góp 10.327 triệu đồng doanh thu, chiếm 3,23% Tổng doanh thu thuần, tăng 32,24% so với năm 2024. Sự tăng trưởng này đến từ việc mở rộng triển khai các dịch vụ thiết kế, thi công công trình cấp thoát nước phục vụ khách hàng tổ chức và cá nhân, đặc biệt là các dự án đấu nối và nâng cấp hạ tầng cấp nước. Đây là mảng hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động kinh doanh cốt lõi, đồng thời góp phần đa dạng hóa nguồn thu và nâng cao giá trị dịch vụ tổng thể của Công ty.

Nhìn chung, trong năm 2025, các mảng hoạt động chính của LAWACO tiếp tục duy trì sự ổn định trong bối cảnh thị trường còn nhiều thách thức. Kinh doanh nước sạch giữ vai trò trụ cột, dịch vụ thu gom và xử lý nước thải vận hành hiệu quả và bền vững, trong khi xây dựng – lắp đặt hệ thống cấp nước ghi nhận mức tăng trưởng nổi bật. Cơ cấu doanh thu hợp lý và đa dạng là nền tảng quan trọng giúp Công ty củng cố vị thế, nâng cao hiệu quả hoạt động và hướng tới mục tiêu phát triển ổn định, bền vững trong các năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU CÁ NHÂN	SỐ LƯỢNG CP ĐẠI DIỆN SỞ HỮU (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU (%)
1	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc	-	22.059.047	27,99
2	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	3.600	9.453.877	12,00
3	Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	1.300	-	0,00

(*): Căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày: 31/12/2025



LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 25/11/1966.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC): 22.059.047 cổ phiếu (chiếm 27,99% vốn điều lệ).

Thời gian	Quá trình công tác
09/1987 – 05/1989	Kỹ thuật viên Xí nghiệp Công trình Giao thông Lâm Đồng.
05/1989 – 1998	Công nhân Phân xưởng nước Đà Lạt - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng
1998 – 09/2004	Kỹ thuật viên Đội KSTK - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
09/2004 – 04/2006	Đội phó đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
04/2006 – 10/2007	Đội trưởng đội Xây dựng cơ bản Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
10/2007 – 02/2009	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
02/2009 – 07/2009	Phó Giám đốc Nhà máy nước Đà Lạt - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
07/2009 – 10/2011	Giám đốc kiêm Bí thư chi bộ Xí nghiệp xây lắp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
10/2011 – 09/2012	Chuyên viên phòng Quản lý Xây dựng Sở Xây dựng Lâm Đồng.
09/2012 – 09/2017	Phó trưởng phòng Phát triển Đầu tư và Hạ tầng Kỹ thuật - Sở Xây dựng Lâm Đồng.
09/2017 – 06/2018	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 – 08/2020	Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
09/2020 – nay	Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN VĂN DŨNG

Thành Viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh: 02/06/1968.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 3.600 Cổ phiếu, chiếm 0,00% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: đại diện Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC): 9.453.877 cổ phiếu (chiếm 12,00% vốn điều lệ).

Thời gian	Quá trình công tác
1990	Nhân viên Cục Thống kê Lâm Đồng.
1991 – 1994	Nhân viên phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
1995 – 2008	Phó phòng Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
2009 – 05/2018	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 – nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
28/04/2021 – nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.



Ông BUI HOÀNG TRƯỜNG VĨ

Kế toán trưởng

- Ngày sinh: 07/03/1982.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay (cá nhân): 1.300 Cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Thời gian	Quá trình công tác
03/2004 – 10/2007	Nhân viên phòng Kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
11/200 – 12/2011	Nhân viên phòng Quản lý chất lượng Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
01/2012 – 06/2018	Nhân viên phòng kế toán tài chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 – 05/2023	Quyền kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.
27/05/2023 – nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

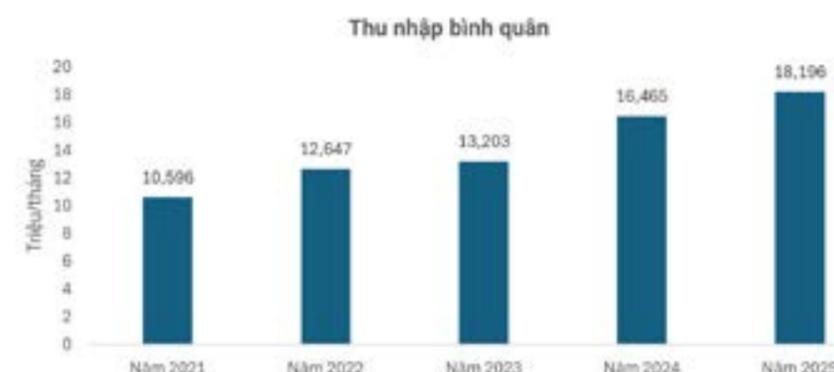
NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH 2025: Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	TIÊU CHÍ	NĂM 2025		NĂM 2024	
		SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG (%)	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG (%)
I	Theo trình độ lao động	363	100,00	369	100,00
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	148	40,77	146	39,57
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	60	16,53	58	15,72
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	155	42,70	165	44,71
II	Theo giới tính	363	100,00	369	100,00
1	Nam	261	71,90	268	72,7
2	Nữ	102	28,10	101	23,3
III	Theo thời hạn HĐLĐ	363	100,00	369	100,00
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	23	6,34	23	6,24
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	340	93,66	346	93,76
Tổng cộng		363	100,00	369	100,00

THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	363	369
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	18,196	16,465



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



VỀ TUYỂN DỤNG

VỀ ĐÀO TẠO



VỀ LƯƠNG THƯỞNG

VỀ PHÚC LỢI ĐÃI NGỘ



1

Về tuyển dụng

LAWACO xác định con người là yếu tố then chốt quyết định hiệu quả quản trị và sự phát triển bền vững của Công ty. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách nhân sự theo hướng chuyên nghiệp, gắn kết chặt chẽ giữa chiến lược phát triển dài hạn và công tác tuyển dụng, sử dụng lao động.

Hoạt động tuyển dụng được triển khai có chọn lọc, ưu tiên thu hút lao động có tay nghề và đội ngũ kỹ sư thuộc các chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực hoạt động của Công ty. Đồng thời, Công ty chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhằm bổ sung kịp thời nhân sự cho các đơn vị khi phát sinh nhu cầu do nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc thay đổi về cơ cấu lao động, qua đó đảm bảo duy trì ổn định nguồn nhân lực phục vụ hoạt động SXKD.

Song song với đó, LAWACO cũng chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới và sáng tạo, tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực, nâng cao kỹ năng và gắn bó lâu dài với Công ty. Công tác đánh giá hiệu suất làm việc định kỳ được thực hiện nhằm ghi nhận đóng góp của người lao động và làm cơ sở cho công tác đào tạo, phát triển và đãi ngộ.



2

Về đào tạo

Đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực tiếp tục là một trong những trọng tâm trong chiến lược phát triển của LAWACO năm 2025. Trong năm, Công ty đã cử nhiều cán bộ, nhân viên tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghiệp vụ và đáp ứng yêu cầu công việc. Cụ thể, Công ty đã cử nhân sự tham gia các kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng, chứng chỉ đấu thầu; tham gia các hội thảo chuyên đề về chống thất thoát nước, ứng dụng công nghệ và phần mềm trong công tác vận hành, quản lý hệ thống cấp nước. Đồng thời, Công ty cũng tổ chức và cử người lao động tham gia các khóa tập huấn liên quan đến chính sách lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Thông qua các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng này, LAWACO từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và khả năng ứng dụng công nghệ của đội ngũ nhân sự, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và đáp ứng yêu cầu phát triển dài lâu của Công ty.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

3

Về lương, thưởng

LAWACO duy trì chính sách tiền lương và thưởng theo hướng minh bạch, công bằng và gắn với hiệu quả công việc. Thu nhập của người lao động được xem xét, điều chỉnh trên cơ sở năng suất lao động, năng lực chuyên môn và mức độ đóng góp vào kết quả hoạt động chung của Công ty. Bên cạnh đó, các chính sách khen thưởng theo thành tích, xét thăng tiến và ghi nhận kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có đóng góp tích cực tiếp tục được thực hiện nhằm tạo động lực làm việc và khuyến khích tinh thần cống hiến. Qua đó, chính sách khen thưởng được xây dựng theo hướng cân bằng lợi ích giữa người lao động có kinh nghiệm và nhân sự mới, góp phần tạo môi trường làm việc đoàn kết, ổn định và khuyến khích người lao động không ngừng nâng cao hiệu suất.

4

Về phúc lợi, đãi ngộ

Bên cạnh chính sách tiền lương và thưởng, LAWACO cũng chú trọng triển khai đầy đủ các chế độ phúc lợi nhằm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm theo quy định của pháp luật, đồng thời duy trì các chính sách bảo hiểm bổ sung nhằm tăng cường bảo vệ sức khỏe và an toàn cho người lao động.

Công tác chăm lo đời sống người lao động được thực hiện thông qua các hoạt động thăm hỏi, hỗ trợ kịp thời đối với cán bộ, người lao động và thân nhân trong các trường hợp khó khăn, ốm đau, cũng như đối với lao động hưu trí và người lao động hết tuổi lao động. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe định kỳ, tham quan – nghỉ dưỡng, đào tạo và thi tay nghề nhằm nâng cao thể chất, tinh thần và tay nghề cho người lao động.

Các hoạt động phúc lợi và phong trào nội bộ được duy trì thường xuyên đã góp phần tạo động lực làm việc, nâng cao năng suất lao động và tăng cường sự gắn bó của người lao động với LAWACO, qua đó hỗ trợ Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu SXKD.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN TRONG NĂM

STT	ĐƠN VỊ/ HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ QUYẾT TOÁN
1	Mua xe ô tô 7 chỗ	1,387 tỷ đồng
2	Lắp đặt hệ thống châm Soda & Phèn tự động NMN Hồ Than Thở	0,946 tỷ đồng
3	Lắp đặt thiết bị quan trắc online, quan trắc lưu lượng và chất lượng nước hồ Đankia	1,3 tỷ đồng

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tính đến thời điểm 31/12/2025, Công ty không còn khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

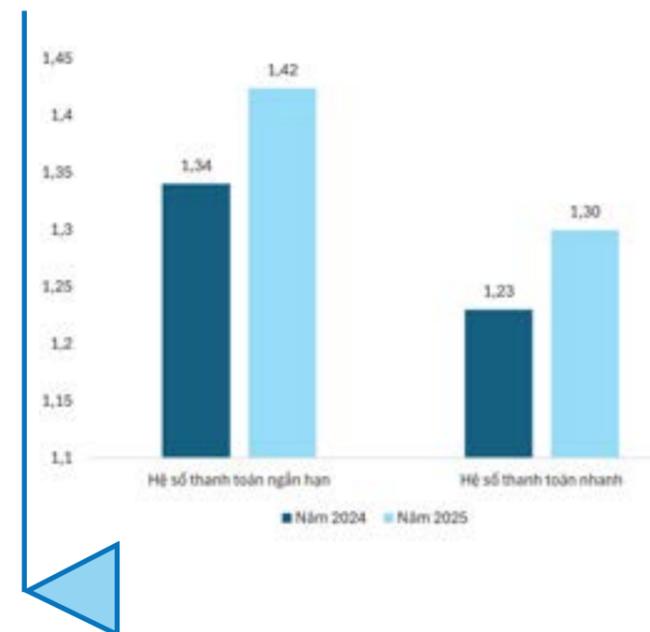
STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2025	TH 2024	% TH 2025 /TH 2024
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.179.681	1.197.826	98,49%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	367.617	389.627	94,35%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	Triệu đồng	101.644	125.214	81,18%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100.773	124.672	80,83%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	80.369	99.702	80,61%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	2025	2024	% TĂNG/GIẢM
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,42	1,34	6,26%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,30	1,17	11,08%
Chỉ tiêu cơ cấu vốn				
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	17,67	19,13	-1,46%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	21,47	23,65	-2,18%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	28,90	29,18	-0,96%
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,27	0,27	-0,42%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	25,15	31,19	-6,04%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	8,29	10,49	-2,20%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,76	8,40	-1,64%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	31,80	39,17	-7,37%



Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của Công ty ghi nhận xu hướng cải thiện tích cực so với cùng kỳ năm trước, cho thấy tình hình tài chính tiếp tục được củng cố theo hướng an toàn và bền vững.

Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 đạt 1,42 lần, tăng 6,26% so với năm 2024. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc gia tăng tài sản ngắn hạn, trong đó đáng chú ý là các khoản tương đương tiền và các khoản phải thu ngắn hạn, đặc biệt là khoản trả trước cho người bán. Trong kỳ, Công ty ghi nhận khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước với giá trị 9.596.724.179 đồng. Trong khi đó, nợ ngắn hạn chỉ tăng ở mức nhẹ, qua đó góp phần nâng cao khả năng đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đến hạn của Công ty.

Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh đạt 1,30 lần, tăng 5,66% so với cùng kỳ. Mức tăng này cho thấy khả năng thanh toán nhanh của Công ty tiếp tục được duy trì ở mức tốt, phản ánh quy mô các tài sản có khả năng chuyển đổi thành tiền trong ngắn hạn như các khoản tương đương tiền cùng các khoản phải thu vẫn ở mức phù hợp so với nghĩa vụ nợ ngắn hạn, trong khi giá trị hàng tồn kho chỉ biến động không đáng kể. Nhờ đó, Công ty vẫn duy trì khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn ngay cả khi không cần chuyển đổi hàng tồn kho thành tiền.

Đánh giá tổng thể, các hệ số thanh toán của Công ty trong năm 2025 đều duy trì trên mức an toàn, phản ánh khả năng thanh toán ngắn hạn được đảm bảo và có xu hướng cải thiện so với năm trước. Việc hệ số thanh toán nhanh tiệm cận hệ số thanh toán ngắn hạn tiếp tục cho thấy cơ cấu tài sản ngắn hạn hợp lý, dòng tiền ổn định và hiệu quả trong công tác quản lý vốn lưu động.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

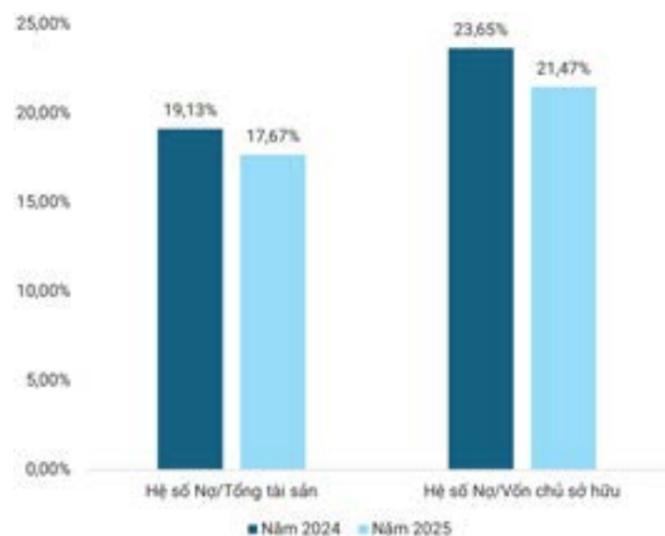
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Công ty tiếp tục ghi nhận xu hướng cải thiện theo hướng thận trọng và an toàn hơn, thể hiện qua sự sụt giảm của các chỉ tiêu đòn bẩy tài chính. Cụ thể, nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2025 ghi nhận 208.486 triệu đồng, giảm 20.631 triệu đồng so với đầu kỳ. Mức giảm chủ yếu đến từ nợ dài hạn, phản ánh việc Công ty chủ động thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo lộ trình đã cam kết.

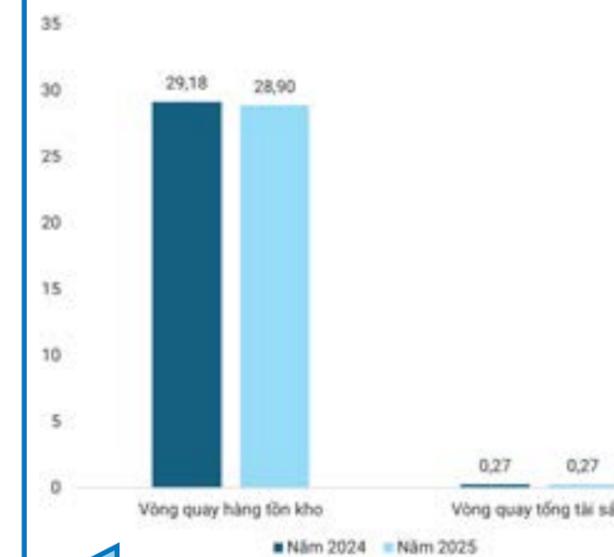
Xét cơ cấu nợ phải trả, tỷ lệ giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn ở mức gần 1:2. Trong đó, với nợ ngắn hạn tại thời điểm cuối năm, phần chiếm tỉ trọng lớn nhất - nợ vay và nợ thuê tài chính không biến động so với đầu kỳ. Đây là khoản vay từ World Bank, được sử dụng để tài trợ cho 02 dự án cấp nước Lâm Đồng và Đà Lạt. Đối với nợ dài hạn, số dư tại ngày 31/12/2025 là 139.210 triệu đồng, trong đó vay và nợ thuê tài chính dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu. So với đầu kỳ, khoản mục này giảm đáng kể 22.794 triệu đồng, chủ yếu do Công ty thực hiện trả nợ gốc đúng hạn đối với khoản vay World Bank, qua đó góp phần làm giảm áp lực tài chính trong trung và dài hạn.

Nhờ sự cải thiện đồng thời của cả nợ phải trả và vốn chủ sở hữu, hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2025 giảm xuống còn 17,67% (giảm 1,46 điểm % so với năm 2024), đồng thời hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm còn 21,47% (giảm 2,18 điểm %). Các chỉ tiêu này phản ánh mức độ đòn bẩy tài chính tiếp tục được thu hẹp, góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính và khả năng chống chịu rủi ro của Công ty trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động.

Nhìn chung, cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2025 tiếp tục được duy trì ở trạng thái lành mạnh, nợ vay được kiểm soát chặt chẽ, trong khi năng lực tài chính nội tại không ngừng được củng cố. Đây là nền tảng quan trọng giúp Công ty duy trì hoạt động ổn định, nâng cao uy tín với các tổ chức tín dụng và tạo dư địa thuận lợi cho các kế hoạch phát triển tiếp theo.



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của Công ty trong năm 2025 tiếp tục duy trì ở mức ổn định, phù hợp với đặc thù hoạt động của ngành cấp thoát nước.

Đối với vòng quay hàng tồn kho, năm 2025 ghi nhận đạt 28,90 vòng, giảm 0,96% so với năm 2024. Hàng tồn kho của doanh nghiệp cấp nước chủ yếu bao gồm hóa chất xử lý nước, vật tư kỹ thuật, công cụ dụng cụ phục vụ công tác vận hành, duy tu và sửa chữa hệ thống cấp nước. Với đặc thù giá vốn hàng bán thường tiệm cận doanh thu thuần, vòng quay hàng tồn kho của ngành thường duy trì ở mức cao. Việc chỉ số này giảm nhẹ trong năm 2025 cho thấy tốc độ luân chuyển hàng tồn kho chậm hơn so với năm trước, phản ánh xu hướng gia tăng mức dự trữ vật tư nhằm đảm bảo an toàn cung ứng và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, mức giảm này không đáng kể, cho thấy công tác quản lý tồn kho của Công ty vẫn được kiểm soát hợp lý, chưa phát sinh tình trạng ứ đọng đáng kể và vẫn đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ SXKD.

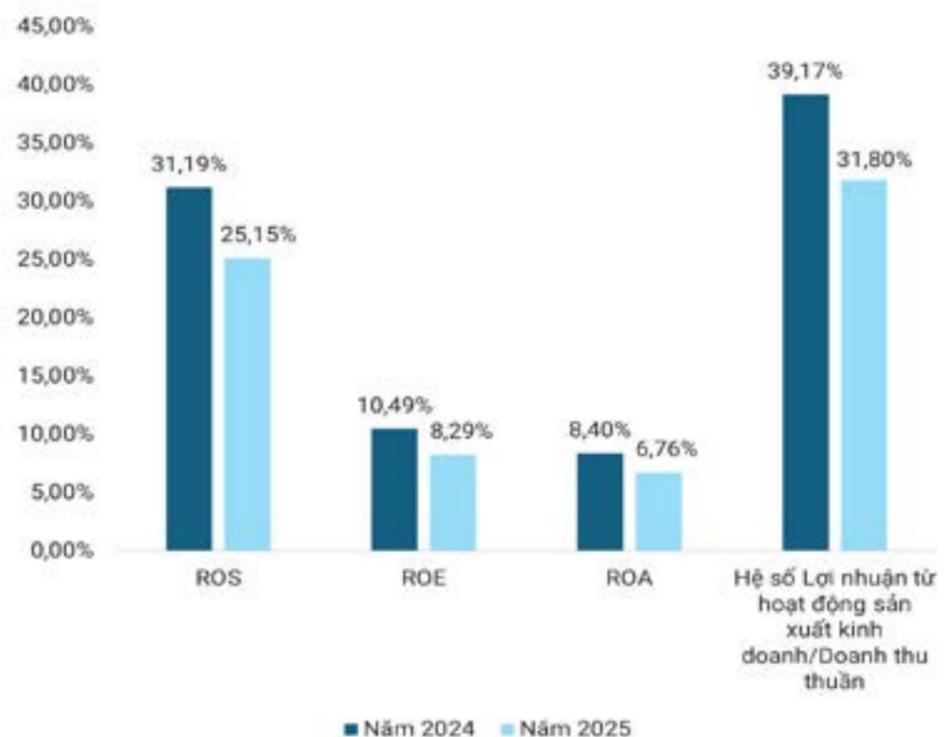
Đối với vòng quay tổng tài sản, chỉ tiêu này trong năm 2025 đạt 0,27 vòng, gần như không biến động so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do trong năm Công ty không phát sinh các khoản đầu tư tài sản quy mô lớn, trong khi doanh thu duy trì ở mức ổn định. Điều này cho thấy hiệu quả khai thác tài sản hiện hữu tiếp tục được duy trì, phù hợp với định hướng tối ưu hóa hiệu suất sử dụng tài sản trong giai đoạn tập trung ổn định hoạt động và kiểm soát chi phí đầu tư.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty ghi nhận xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, sự biến động này chủ yếu xuất phát từ nền so sánh cao của năm 2024, khi Công ty ghi nhận khoản doanh thu tài chính tăng đột biến từ hoạt động thoái vốn tại các công ty liên kết, mang tính chất không thường xuyên.

Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần (ROS) năm 2025 đạt 25,15%, giảm 6,04 điểm % so với năm 2024. Sự suy giảm này phản ánh trực tiếp việc lợi nhuận sau thuế giảm trong khi doanh thu thuần duy trì ở mức ổn định, cho thấy ảnh hưởng chủ yếu đến từ yếu tố thu nhập tài chính bất thường của năm trước, thay vì sự suy giảm trong hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi. Đối với hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE), năm 2025 đạt 8,29%, giảm 2,20 điểm % so với cùng kỳ. Tương tự, hệ số ROA ghi nhận ở mức 6,76%, giảm 1,64 điểm %. Diễn biến này phản ánh sự điều chỉnh mang tính kỹ thuật do

lợi nhuận sau thuế giảm, trong khi quy mô vốn chủ sở hữu và tổng tài sản tiếp tục được duy trì ở mức ổn định và an toàn. Đáng chú ý, hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên doanh thu thuần đạt 31,80%, giảm 7,37 điểm % so với năm 2024. Tuy nhiên, chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức cao so với mặt bằng chung của ngành, phản ánh hiệu quả sinh lời từ hoạt động cốt lõi của Công ty tiếp tục được bảo toàn, trong bối cảnh chi phí đầu vào và chi phí vận hành có xu hướng gia tăng.

Nhìn chung, mặc dù các chỉ số sinh lời năm 2025 giảm so với năm trước, song nguyên nhân chủ yếu đến từ yếu tố thu nhập tài chính mang tính đột biến của năm 2024, không phản ánh sự suy giảm trong năng lực vận hành của Công ty. Hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi vẫn duy trì hiệu quả, tạo nền tảng ổn định để Công ty tiếp tục nâng cao khả năng sinh lời trong tương lai khi không còn các yếu tố bất thường chi phối.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN: tính đến ngày 31/12/2025



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không có

CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày: 31/12/2025

STT	LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	GIÁ TRỊ (ĐỒNG)	TỶ LỆ SỞ HỮU
I	CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	1	31.512.924	315.129.240.000	39,99%
II	CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC	425	47.286.876	472.868.760.000	60,01%
-	Cá nhân	418	1.073.200	10.732.000	1,36%
-	Tổ chức	7	46.213.676	462.136.760.000	58,65%
III	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	1	200	2.000.000	0,00%
-	Cá nhân	1	200	2.000.000	0,00%
-	Tổ chức	0	0	0	0,00%
Tổng cộng (I+II+III)		427	78.800.000	788.000.000.000	100,00%

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Căn cứ theo Danh sách chốt cổ đông gần nhất tại ngày: 31/12/2025

STT	TÊN CỔ ĐÔNG	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG		SỐ LƯỢNG CP NĂM GIỮ	TỶ LỆ CP NĂM GIỮ
		CỔ ĐÔNG NHÀ NƯỚC	CỔ ĐÔNG LỚN		
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	x		31.512.924	39,99%
2	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh		x	12.502.601	15,87%
3	Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa		x	10.735.182	13,62%
4	Công ty Cổ phần Golden Stream		x	9.000.000	11,42%
Tổng cộng				63.750.707	80,90%



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và sản xuất nước sạch, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty chủ yếu đến từ nước ngầm và nguồn nước mặt như sông, suối. Các nguồn tài nguyên này chịu tác động đáng kể từ yếu tố tự nhiên và biến đổi khí hậu. Trong mùa khô, mực nước tại nhiều khu vực có xu hướng suy giảm, trong khi mùa mưa thường kéo theo hàm lượng tạp chất, bùn đất và các yếu tố ô nhiễm gia tăng, gây áp lực lớn cho công tác xử lý nước.

Trước những thách thức trên, Công ty đã tiếp tục rà soát, hoàn thiện các phương án khai thác phù hợp, đồng thời từng bước ứng dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quy trình xử lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước thô. Bên cạnh đó, kế hoạch điều tiết và dự trữ nước cũng được xây dựng linh hoạt, góp phần đảm bảo nguồn cung nước sạch ổn định, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn.

Công tác giám sát nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện thường xuyên cả về lưu lượng lẫn chất lượng. Công ty chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc theo dõi, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, qua đó đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý và bền vững. Đồng thời, việc sử dụng các hóa chất xử lý nước như phèn, clo, soda... cũng được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình kỹ thuật, điều chỉnh linh hoạt theo mục đích sử dụng nhằm hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh đối với môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, việc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tiếp tục là nguyên tắc vận hành cốt lõi của LAWACO. Công ty đã chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước để rà soát trữ lượng và thực hiện điều chỉnh, bổ sung giấy phép khai thác kịp thời cho các công trình cấp nước, đảm bảo mọi hoạt động khai thác luôn nằm trong khuôn khổ pháp lý cho phép.

Hàng năm, tất cả nhà máy trực thuộc đều lập báo cáo định kỳ về tình hình khai thác và sử dụng tài nguyên nước theo đúng quy định hiện hành. Song song đó, công tác kiểm tra và cập nhật hồ sơ quản lý chất lượng nước được duy trì thường xuyên để đảm bảo hệ thống vận hành ổn định, an toàn. Tính đến cuối năm 2025, 100% nhà máy sản xuất nước sạch của Công ty đã được cấp phép khai thác và sử dụng tài nguyên nước, khẳng định cam kết mạnh mẽ của LAWACO trong việc thượng tôn pháp luật và phát triển bền vững.

Ngoài ra, Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác giám sát khai thác theo Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thông qua hệ thống thiết bị quan trắc tự động tại các công trình khai thác nước dưới đất, dữ liệu được cập nhật liên tục và truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường một cách chính xác. Những nỗ lực này không chỉ nâng cao tính minh bạch trong quản trị mà còn giúp Công ty tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên nước quý giá trong dài hạn.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tiếp tục được Công ty xác định là giải pháp quan trọng nhằm tối ưu chi phí vận hành, đồng thời giảm thiểu tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động.

Trước những thách thức trên, Công ty đã tiếp tục rà soát, hoàn thiện các phương án khai thác phù hợp, đồng thời từng bước ứng dụng các giải pháp kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quy trình xử lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước thô. Bên cạnh đó, kế hoạch điều tiết và dự trữ nước cũng được xây dựng linh hoạt, góp phần đảm bảo nguồn cung nước sạch ổn định, phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân trên địa bàn.

Công tác giám sát nguồn nguyên liệu đầu vào được thực hiện thường xuyên cả về lưu lượng lẫn chất lượng. Công ty chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc theo dõi, đánh giá hiện trạng tài nguyên nước, qua đó đề xuất các giải pháp sử dụng hợp lý và bền vững. Đồng thời, việc sử dụng các hóa chất xử lý nước như phèn, clo, soda... cũng được kiểm soát chặt chẽ theo đúng quy trình kỹ thuật, điều chỉnh linh hoạt theo mục đích sử dụng nhằm hạn chế tối đa các rủi ro có thể phát sinh đối với môi trường.

TIÊU THỤ NƯỚC

Với vai trò là doanh nghiệp chủ lực trong lĩnh vực cung cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, LAWACO luôn nhận thức rõ trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên nước – một tài nguyên thiết yếu đối với đời sống xã hội và sự phát triển lâu dài của địa phương.

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hệ thống đường ống phân phối nước nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố rò rỉ, bể vỡ, qua đó hạn chế thất thoát nước sạch trong quá trình vận hành. Các biện pháp kỹ thuật và quản lý được triển khai đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng nước. Song song đó, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích thông qua nhiều hình thức truyền thông khác nhau. Thông qua các chương trình này, LAWACO không chỉ góp phần nâng cao ý thức cộng đồng mà còn lan tỏa thông điệp bảo vệ tài nguyên nước – trách nhiệm chung của toàn xã hội. Ngoài ra, Công ty đã chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc phổ biến các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường, hướng tới xây dựng cộng đồng sử dụng nước có trách nhiệm, góp phần bảo vệ nguồn nước cho các thế hệ hiện tại và tương lai.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng người lao động, mức thu nhập trung bình:

- Số lượng nhân viên hiện tại: 363 người.
- Thu nhập trung bình: 18,196 triệu đồng/ người/ tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

LAWACO đặt chính sách lao động làm trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững, không ngừng nỗ lực đảm bảo sức khỏe, an toàn và các chế độ phúc lợi tối ưu. Công ty cam kết kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đồng thời triển khai nhiều chương trình thiết thực nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể cán bộ, công nhân viên.

Chính sách Bảo hiểm và Phúc lợi Xã hội:

- Ký hợp đồng bảo hiểm con người cho 363 cán bộ - người lao động, tổng số tiền: 52,152 triệu đồng.
- Đóng các khoản bảo hiểm:
 - Bảo hiểm xã hội: 8.892 triệu đồng.
 - Bảo hiểm y tế: 1.601 triệu đồng.
 - Bảo hiểm thất nghiệp: 0.711 triệu đồng.
 - Bảo hiểm TNLĐ-BNN: 0.177 triệu đồng.
- Giải quyết chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe: 45 trường hợp.
- Giải quyết bảo hiểm toàn diện 20 trường hợp.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Chế độ Quan tâm và Hỗ trợ Người Lao động:

- Thực hiện chế độ hưu trí: 15 trường hợp; thăm hỏi cán bộ, người lao động và thân nhân: 61 trường hợp; phân phát quà Tết Ất tỵ cho người lao động, lao động nghỉ hưu – hết tuổi.
- Tổ chức Tiêm vaccine cúm và khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ - người lao động.

Chính sách Tiền lương và Đãi ngộ:

- Nâng bậc lương cho lao động gián tiếp: 17 trường hợp; chuyển thang, bảng lương: 06 trường hợp.
- Đề xuất: điều chỉnh hệ số năng suất cho tài xế, hỗ trợ trực lễ cho cán bộ lãnh đạo, điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng áp dụng, điều chỉnh thang bảng lương năm 2026, điều chỉnh phụ cấp tổ trưởng/tổ phó.

An toàn vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy:

- Xây dựng kế hoạch triển khai tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 theo Kế hoạch của Trung tâm kiểm soát bệnh tật Lâm Đồng.
- Tổ chức kiểm tra công tác an toàn lao động và phòng chống cháy nổ tại các đơn vị trực thuộc Công ty định kỳ 06 tháng.
- Thực hiện kiểm định định kỳ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (Palăng, cần trục, bình khí nén,...)
- Cung cấp công cụ dụng cụ, đồ đặc quần áo bảo hộ lao động và đồng phục cho cán bộ - người lao động toàn Công ty.
- Diễn tập phương án chữa cháy (tháng 10/2025).



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoạt động đào tạo người lao động:

LAWACO tiếp tục xác định phát triển nguồn nhân lực là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Trước sự thay đổi nhanh chóng của thị trường lao động và yêu cầu ngày càng cao về chuyên môn, kỹ năng cũng như ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, Công ty luôn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ thông qua các chương trình đào tạo phù hợp với thực tiễn hoạt động. Các hoạt động đào tạo tập trung vào việc cập nhật kiến thức chuyên môn, nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng vận hành hệ thống và an toàn lao động, góp phần giúp người lao động đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong từng vị trí.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong quá trình hoạt động, LAWACO luôn đề cao vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Bên cạnh nhiệm vụ cốt lõi là cung cấp nguồn nước sạch ổn định, đảm bảo chất lượng cho người dân, Công ty còn tích cực triển khai nhiều hoạt động hướng đến lợi ích xã hội và phát triển bền vững.

LAWACO tiếp tục tạo việc làm ổn định cho lực lượng lao động tại địa phương, góp phần cải thiện thu nhập và nâng cao đời sống kinh tế – xã hội. Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi nhằm đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động. Thông qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và huấn luyện chuyên môn định kỳ, đội ngũ nhân sự được tạo điều kiện nâng cao tay nghề và phát triển năng lực lâu dài.

Bên cạnh đó, LAWACO thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương và các tổ chức liên quan để triển khai các hoạt động hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt trong việc đảm bảo tiếp cận nước sạch cho người dân tại các khu vực khó khăn, nhất là trong mùa khô hoặc khi xảy ra thiên tai. Công ty cũng đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về sử dụng nước tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên nước.

Ngoài các hoạt động an sinh xã hội, LAWACO tiếp tục tham gia các chương trình bảo vệ môi trường như trồng cây xanh, gìn giữ cảnh quan và góp phần cải thiện chất lượng môi trường sống trên địa bàn thành phố Đà Lạt, qua đó khẳng định vai trò của doanh nghiệp gắn bó hài hòa với cộng đồng địa phương.

Giấy phép môi trường:

- Đã được cấp Giấy phép môi trường cho Trạm cấp nước Madaguoi theo quyết định số 10/GPMT-UBND ngày 20/01/2025.
- Đã được cấp Giấy phép môi trường cho Trạm cấp nước Đạm ri theo Quyết định số 11/GPMT-UBND ngày 20/01/2025.
- Hoàn thành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải công nghiệp và hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cho Trạm cấp nước Madaguoi và Trạm cấp nước Đạm ri.
- Đã được cấp Giấy phép môi trường cho NMN Bảo Lâm theo Quyết định số 08/GPMT-UBND ngày 27/6/2025.

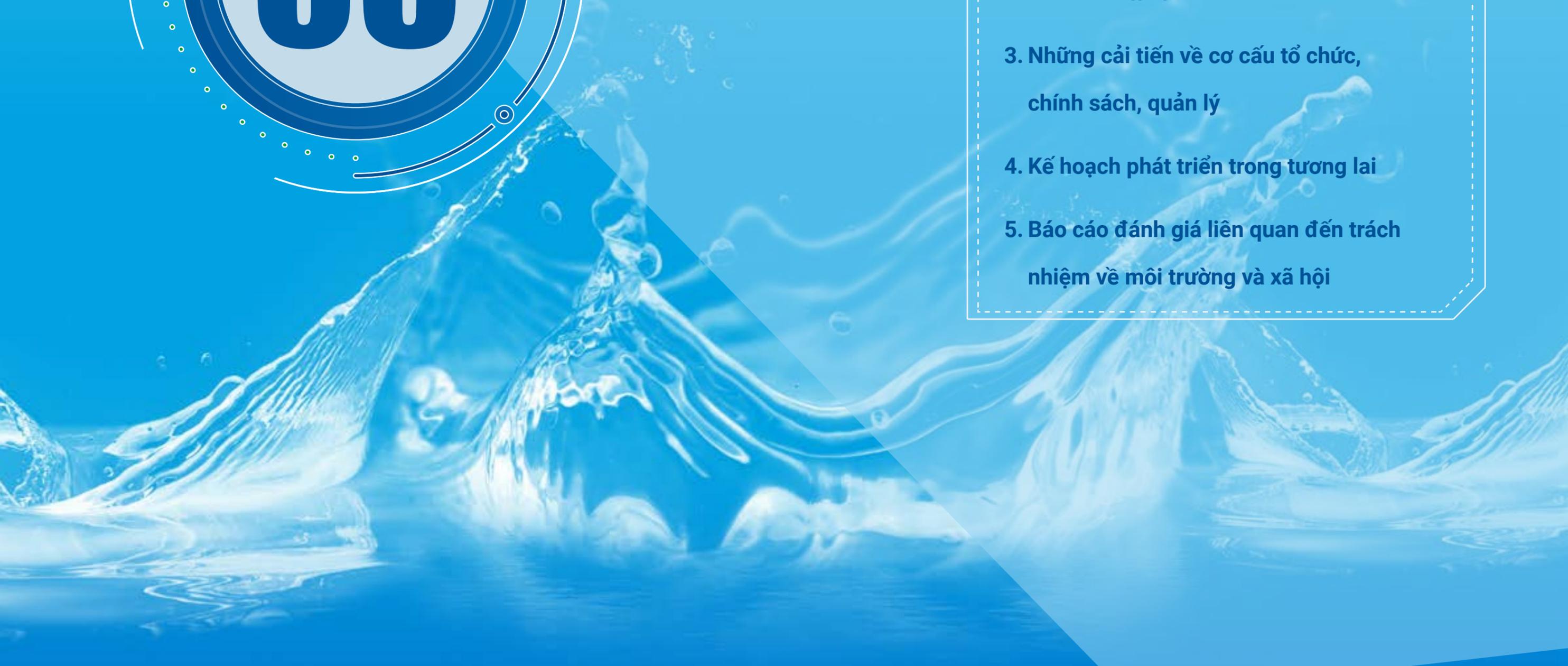
Giấy phép khai thác nước:

- Đang phối hợp đơn vị tư vấn lập hồ sơ bổ sung nhiệm vụ cấp nước cho hồ Lộc Thắng, nhằm đề nghị chuyển nguồn nước thô từ khai thác nước ngầm sang khai thác nước mặt cho Nhà máy nước Bảo Lâm. Hiện hồ sơ đang chờ thẩm định của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.
- Đã gia hạn và điều chỉnh giấy phép khai thác nước Nhà máy nước Đạm Rông: Giấy phép khai thác số 14/GP-UBND ngày 20/8/2025.
- Đã được cấp Giấy phép khai thác nước ngầm cho giếng khoan số 7 và cụm giếng khoan số 3,6,8 – Nhà máy nước Bảo Lâm theo Quyết định số 16/GP-UBND ngày 23/01/2025 và Quyết định số 20/GP-UBND ngày 10/02/2025;
- Đã gia hạn Giấy phép khai thác nước trạm cấp nước Đình Văn theo Giấy phép khai thác số 108/GP-UBND ngày 09/12/2025.
- Đang phối hợp với tư vấn lập hồ sơ gia hạn Giấy phép khai thác nước cho Nhà máy nước Đankia, Nhà máy nước Đạ Tẻh và cho Giếng khoan 04,05 – Nhà máy nước Bảo Lâm.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Trong năm 2025, Công ty chưa phát sinh hoạt động liên quan đến thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, LAWACO vẫn theo dõi sát các chủ trương, chính sách của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài chính xanh và phát triển bền vững, đồng thời sẵn sàng nghiên cứu, tham gia khi có hướng dẫn cụ thể và phù hợp với điều kiện thực tế.



03

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2025

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TH SO VỚI KH (%)	THỰC HIỆN NĂM 2024 (CÙNG KỲ)	THỰC HIỆN 2025/2024 (%)
1	Nước sản xuất	1.000m ³	27.093	26.379	97,36	26.691	98,83
	- Nước Công ty	1.000m ³	14.683	16.613	113,14	16.329	101,74
	- Mua nước SG-ĐanKia	1.000m ³	10.950	9.766	89,19	10.362	94,25
	- Mua nước Tuyên Lâm	1.000m ³	1.460	-	-	-	-
2	Nước ghi thu	1.000m ³	22.487	21.895	97,36	21.902	99,97
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17,00	17,00	100,00	17,94	94,76
4	Phát triển khách hàng	hộ	3.100	3.705	119,52	3.727	99,41
5	Tổng doanh thu	Triệu đồng	368.411	367.617	99,78	389.627	94,35
5.1	Doanh thu hoạt động SXKD	Triệu đồng	328.314	319.622	97,35	319.686	99,98
	- Kinh doanh nước sạch	Triệu đồng	299.202	288.984	96,58	291.335	99,19
	- Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	Triệu đồng	8.042	10.327	128,41	7.809	132,24
	- Xử lý nước thải	Triệu đồng	19.831	19.351	97,58	19.315	100,19
	- Khác	Triệu đồng	1.239	960,04	77,49	1.227	78,25
5.2	Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu đồng	39.471	47.632	120,68	69.321	68,71
5.3	Doanh thu hoạt động khác	Triệu đồng	625	364	58,17	619	58,71

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2025	THỰC HIỆN NĂM 2025	TH SO VỚI KH (%)	THỰC HIỆN NĂM 2024 (CÙNG KỲ)	THỰC HIỆN 2025/2024 (%)
6	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	13.305	13.199	99,20	13.302	99,22
7	Tổng số lao động	Người	-	363	-	369	97,84
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	-	18,196	-	16,465	110,51
9	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	95.136	100.773	105,93	124.672	80,83
10	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-	80.369	-	99.702	80,61

* Ghi chú:

- Doanh thu sản xuất nước, giá bán bình quân được tính trước thuế.

Năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong bối cảnh nhiều yếu tố thị trường còn thách thức, song vẫn hoàn thành và vượt các chỉ tiêu trọng yếu. Lợi nhuận trước thuế đạt 100.773 triệu đồng, tương ứng 105,93% kế hoạch năm; lợi nhuận sau thuế đạt 80.369 triệu đồng. Mặc dù lợi nhuận giảm so với năm 2024 do năm trước ghi nhận khoản doanh thu tài chính tăng đột biến từ hoạt động thoái vốn tại các công ty liên kết, kết quả năm 2025 vẫn phản ánh hiệu quả điều hành và kiểm soát chi phí của Ban lãnh đạo. Sản lượng nước ghi thu đạt 21.895 nghìn m³, cơ bản tương đương năm trước; tỷ lệ thất thoát nước được duy trì ở mức 17,00% đúng kế hoạch; công tác phát triển khách hàng đạt 3.705 hộ, vượt 19,52% kế hoạch đề ra, góp phần ổn định nguồn thu. Những kết quả này là cơ sở quan trọng để Công ty củng cố hiệu quả hoạt động và hướng tới tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2025



THUẬN LỢI

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục nhận được nhiều yếu tố thuận lợi, tạo nền tảng cho việc duy trì ổn định công tác cấp nước trên địa bàn quản lý.

Công tác quản trị và điều hành ngày càng được chủ động, linh hoạt; vai trò của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành tiếp tục được phát huy rõ nét trong việc định hướng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Sự quan tâm của Ban Điều hành và Công đoàn cơ sở, trong năm 2025 cán bộ người lao động được khám sức khỏe định kỳ, tham quan nghỉ dưỡng và tham gia hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn (Quốc tế Phụ nữ; 30/4 và 01/5; Quốc tế Thiếu nhi; 02/9...); thăm hỏi gia đình và khen thưởng con em người lao động đạt thành tích học tập tốt đã góp phần nâng cao tinh thần và thể chất cho cán bộ, công nhân viên khối Văn phòng và toàn Công ty

Lực lượng nhân sự tại các đơn vị sản xuất nước, bộ phận điều hành mạng lưới và đội sửa chữa đường ống được bố trí tương đối đầy đủ về nhân lực và phương tiện, góp phần xử lý kịp thời các sự cố phát sinh, hạn chế tối đa tình trạng gián đoạn trong quá trình cấp nước.

Chất lượng nước sạch tiếp tục được Công ty đặc biệt chú trọng, thực hiện kiểm soát theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước, đảm bảo an toàn cho người sử dụng và không phát sinh các rủi ro liên quan đến vệ sinh, dịch bệnh từ nguồn nước.

Công tác phối hợp thông tin giữa Công ty và khách hàng ngày càng được cải thiện. Các khu vực có nguy cơ nước yếu hoặc thiếu nước được thông báo kịp thời, giúp người dân chủ động tích trữ và sử dụng hợp lý, qua đó giảm áp lực cho hệ thống cấp nước vào giờ cao điểm.

Việc phân vùng cấp nước tiếp tục được triển khai hiệu quả, trong đó ưu tiên cấp nước cho khu vực trung tâm và các vị trí trọng yếu. Công ty cũng hướng dẫn khách hàng trữ nước vào ban đêm để phục vụ nhu cầu sinh hoạt ban ngày, góp phần ổn định áp lực mạng lưới.

Trong năm, hệ thống cấp nước không ghi nhận sự cố bể vỡ lớn trên các tuyến ống chính; các sự cố nhỏ phát sinh tại ống nhánh được các đơn vị xử lý nhanh chóng, đảm bảo duy trì cấp nước liên tục.

Nguồn cung nước sạch cho thành phố Đà Lạt từng bước được củng cố và ổn định, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của người dân, đặc biệt trong các dịp cao điểm như Lễ, Tết.

Tinh thần đoàn kết nội bộ, sự đồng thuận trong tập thể người lao động cùng với đội ngũ cán bộ, nhân viên có kinh nghiệm và năng lực chuyên môn tốt tiếp tục là yếu tố quan trọng giúp Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và triển khai các định hướng phát triển dài hạn.



KHÓ KHĂN

Bên cạnh những thuận lợi đã nêu, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mang tính đặc thù của ngành cấp nước.

VỀ NGUỒN NƯỚC

- Lưu lượng khai thác phụ thuộc lớn vào yếu tố tự nhiên, sản lượng nước thô thiếu hụt vào mùa khô; đồng thời chất lượng nước thô tại một số khu vực suy giảm, gây khó khăn cho công tác xử lý, vận hành hệ thống và làm tăng tiêu hao hóa chất.
- Cụ thể, Trạm cấp nước D'ran (Đơn Dương) thường xuyên thiếu nước vào mùa khô; chất lượng nước thô tại các Nhà máy nước Đankia, Đa Thiện và các Trạm cấp nước Đinh Văn, Madagouoi giảm; trữ lượng nước ngầm tại Nhà máy nước Bảo Lâm suy giảm theo thời gian, dẫn đến tình trạng thiếu nước cục bộ.

VỀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT

- Các nhà máy và trạm cấp nước trực thuộc được bố trí tại nhiều xã, vị trí xa trụ sở Công ty, gây khó khăn trong công tác cập nhật thông tin, kiểm tra hiện trường, giám sát vận hành và theo dõi tiến độ công việc.
- Hệ thống mạng lưới tuyến ống và thiết bị tại nhiều khu vực đã cũ và xuống cấp, phát sinh sự cố rò rỉ, bể vỡ, ảnh hưởng đến công tác vận hành an toàn và liên tục.
- Nhiều tuyến ống được lắp đặt từ lâu, sau nhiều lần nâng cấp, cải tạo giao thông đã bị vùi lấp, mất dấu tuyến ống và một số thiết bị, gây khó khăn trong công tác quản lý, bảo trì, sửa chữa và xác định vị trí sự cố.
- Tác động của điều kiện thời tiết bất lợi như mưa lớn, sạt lở đất làm ảnh hưởng đến an toàn tuyến ống cấp nước và chất lượng nguồn nước, làm gia tăng rủi ro trong vận hành hệ thống.
- Các công trình sửa chữa, nâng cấp hạ tầng giao thông thường xuyên làm phát sinh bể vỡ tuyến ống, ảnh hưởng đến quá trình cấp nước và công tác giảm tỷ lệ thất thoát nước.

VỀ PHÁP LÝ, HÀNH CHÍNH

- Lưu lượng khai thác được cấp phép chưa tương ứng với nhu cầu sử dụng thực tế theo mùa; khi lưu lượng khai thác giảm, Công ty vẫn phải nộp tiền cấp quyền theo công suất được cấp, trong khi khi nhu cầu tăng, việc khai thác vượt mức được phép có nguy cơ bị xử phạt, làm giảm tính chủ động trong điều hành sản xuất.
- Việc thay đổi tiền cấp quyền khai thác và công tác cập nhật, thông báo của cơ quan quản lý còn chậm, dẫn đến chênh lệch giữa số tiền thông báo phải nộp và tình hình khai thác thực tế.
- Các vấn đề liên quan đến đất đai như thay đổi mục đích sử dụng hoặc thuê đất tại một số vị trí chưa phù hợp quy hoạch phải chờ cơ quan quản lý cập nhật quy hoạch, thời gian xử lý kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY TRONG NĂM 2025



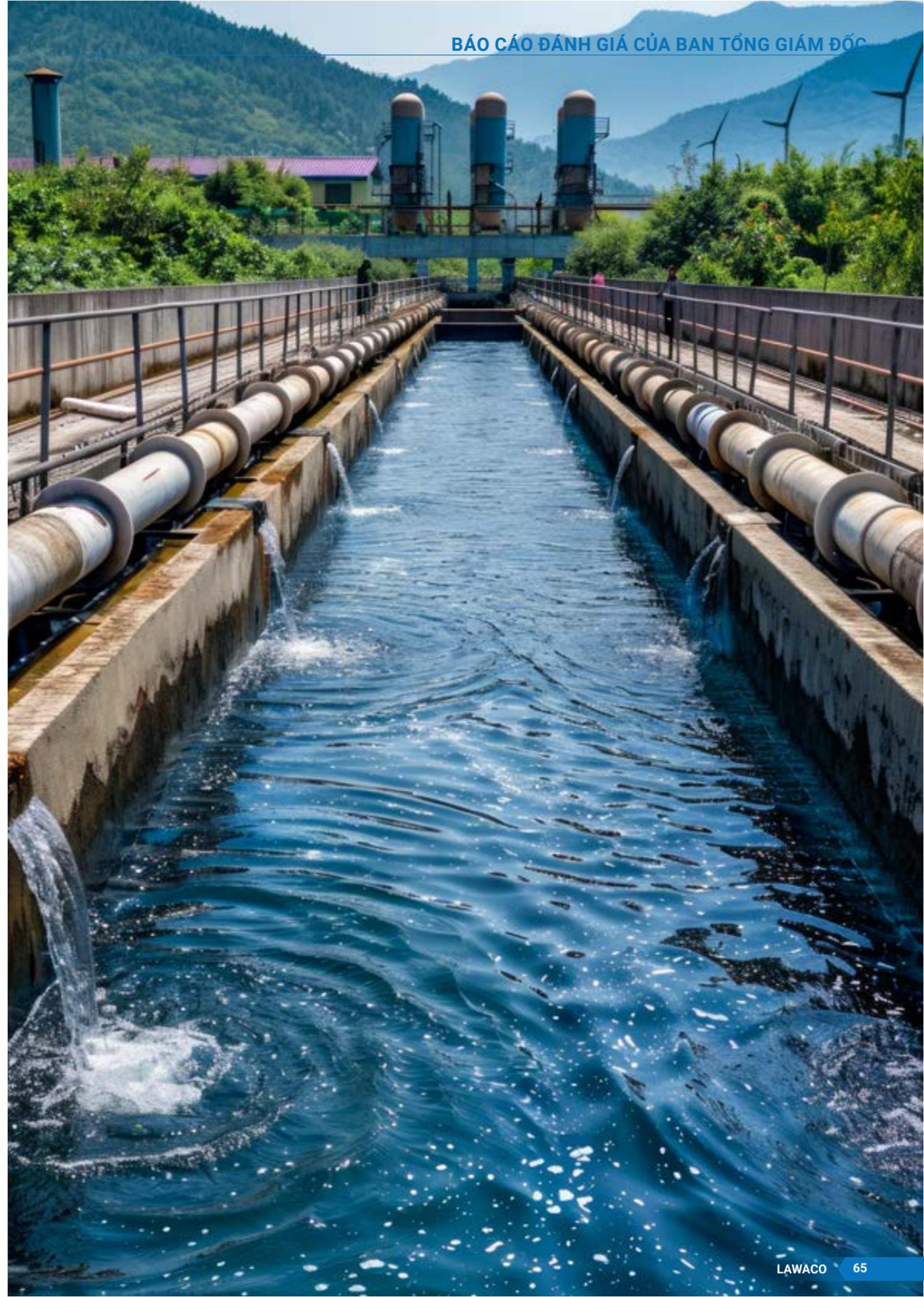
KHÓ KHĂN

VỀ PHÁP LÝ, HÀNH CHÍNH

- Quá trình chuyển giao chính quyền hai cấp, một số chức năng quản lý được chuyển từ cấp thành phố về phường/xã, làm phát sinh nhiều khó khăn trong thủ tục hành chính:
 1. Thủ tục xin phép đào đường trước đây do Phòng Quản lý Đô thị thành phố xử lý nhanh, hiện phân cấp về phường/xã; cán bộ mới tiếp nhận khiến thời gian giải quyết chậm hơn, kéo dài thời gian thi công cho khách hàng.
 2. Công tác cấp phép khai thác gặp vướng mắc do tên gọi một số nhà máy chưa khớp hoặc chưa thể hiện rõ trong quy hoạch tỉnh; hồ sơ dự án khi triển khai thực tế có nội dung khác so với phê duyệt ban đầu, gây khó khăn trong thẩm định và gia hạn giấy phép khai thác.
 3. Thủ tục đất đai trong giai đoạn chuyển giao thẩm quyền còn tồn đọng; trước ngày 30/6/2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường xử lý, từ ngày 01/7/2025 do phường/xã tiếp nhận, dẫn đến hồ sơ của Công ty bị chậm giải quyết.
 4. Chính sách, quy định thay đổi và phụ thuộc vào cơ quan quản lý nhà nước trong việc xin chủ trương đầu tư, cấp phép xây dựng... khiến nhiều dự án chưa thể triển khai, như: tuyến ống chuyển tải D600 từ Nhà máy nước Đan Kia lên bể Tùng Lâm; bể lắng Lamella công suất 10.000 m³/ngày đêm tại Nhà máy nước Đan Kia; chuyển nguồn khai thác cho Nhà máy nước Bảo Lâm từ nước ngầm sang nước mặt hồ Lộc Thắng; tuyến ống HDPE D125 từ Tà Nung đến Nam Ban.

VỀ CÔNG TÁC THU TIỀN NƯỚC

- Việc sáp nhập các cơ quan quản lý nhà nước và sáp nhập tỉnh làm thay đổi tên đơn vị, con dấu và mã số thuế của khách hàng, gây khó khăn trong công tác đối chiếu và thu hồi công nợ.
- Một bộ phận khách hàng khu vực thuần nông, lớn tuổi chưa sẵn sàng hoặc từ chối tiếp cận các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt như ngân hàng hoặc ví điện tử, ảnh hưởng đến tiến độ thu tiền nước.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025		31/12/2024		THAY ĐỔI
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Tài sản ngắn hạn	98.516	8,35%	89.888	7,50%	+9,60%
Tài sản dài hạn	1.081.165	91,65%	1.107.938	92,50%	-2,42%
Tổng tài sản	1.179.681	100,00%	1.197.826	100,00%	-1,51%

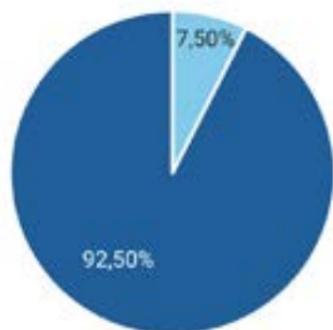
Tại ngày 31/12/2025, tổng tài sản của Công ty đạt 1.179.681 triệu đồng, giảm nhẹ 1,51% so với thời điểm cuối năm 2024. Mức điều chỉnh này chủ yếu phản ánh quá trình tái cơ cấu danh mục tài sản theo hướng thận trọng và bền vững, trong bối cảnh Công ty không phát sinh các dự án đầu tư quy mô lớn trong năm.

Xét về cơ cấu, tài sản dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 1.081.165 triệu đồng, tương đương 91,65% tổng tài sản. Việc duy trì tỷ trọng cao của tài sản dài hạn cho thấy định hướng phát triển ổn định, gắn với đặc thù hoạt động đầu tư hạ tầng cấp nước – lĩnh vực đòi hỏi nguồn vốn lớn và thời gian thu hồi dài hạn. So với đầu năm, tài sản dài hạn giảm 2,42%, nguyên nhân chủ yếu đến từ khấu hao tài sản cố định hữu hình, trong khi Công ty không phát sinh đầu tư mới có quy mô lớn trong kỳ. Trong khi đó, tài sản ngắn hạn ghi nhận xu hướng cải thiện tích cực, đạt 98.516 triệu đồng, tăng 9,60% so với năm 2024, đồng thời nâng tỷ trọng từ 7,50% lên 8,35% tổng tài sản. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ các khoản tương đương tiền và các

khoản phải thu ngắn hạn, phản ánh quy mô hoạt động duy trì ổn định.

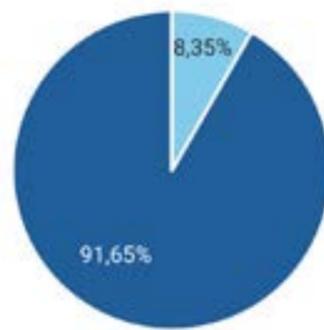
Cơ cấu tài sản của Công ty trong năm 2025 nhìn chung không có biến động lớn, cho thấy trạng thái tài chính đã bước vào giai đoạn ổn định sau quá trình tái phân loại danh mục đầu tư thực hiện trong năm 2024. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tài sản cố định và hạ tầng kỹ thuật tiếp tục đóng vai trò nòng cốt trong tổng tài sản, phù hợp với chiến lược phát triển dài hạn của doanh nghiệp ngành cấp nước. Đáng chú ý, việc tổng tài sản giảm nhẹ trong năm không phản ánh sự suy giảm về năng lực tài chính, mà chủ yếu xuất phát từ yếu tố kỹ thuật kế toán như khấu hao, trong khi khả năng thanh khoản, hiệu quả quản lý vốn lưu động và mức độ an toàn tài chính tiếp tục được củng cố. Điều này cho thấy Công ty đang ưu tiên tối ưu chất lượng tài sản thay vì mở rộng quy mô bằng mọi giá, qua đó tạo nền tảng tài chính vững chắc cho các kế hoạch đầu tư và phát triển trong tương lai.

Tỷ trọng tài sản năm 2024



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Tỷ trọng tài sản năm 2025



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2025		31/12/2024		THAY ĐỔI
	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	GIÁ TRỊ	TỶ TRỌNG	
Nợ ngắn hạn	69.276	33,23%	67.129	29,30%	+3,20%
Nợ dài hạn	139.210	66,77%	161.987	70,70%	-14,06%
Tổng nợ phải trả	208.486	100,00%	229.116	100,00%	-9,00%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty ghi nhận 208.486 triệu đồng, giảm 9,00% so với cuối năm 2024. Diễn biến này phản ánh xu hướng thu hẹp quy mô nợ vay một cách chủ động, phù hợp với định hướng quản trị tài chính an toàn và bền vững mà Công ty đang theo đuổi.

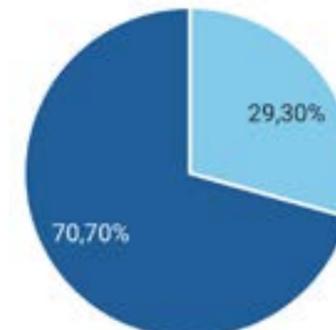
Xét về cơ cấu, nợ dài hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu, đạt 139.210 triệu đồng, tương ứng 66,77% tổng nợ phải trả, trong khi nợ ngắn hạn chiếm 33,23%, với giá trị 69.276 triệu đồng. So với đầu năm, tỷ trọng nợ dài hạn có xu hướng giảm, trong khi nợ ngắn hạn tăng nhẹ, đưa cơ cấu nợ về mức hợp lý hơn giữa ngắn hạn và dài hạn, với tỷ lệ xấp xỉ 1:2.

Đối với nợ ngắn hạn, mức tăng 3,20% so với đầu kỳ chủ yếu mang tính chất cơ cấu, không phát sinh áp lực tài chính đáng kể. Tại thời điểm cuối năm, nợ vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất, không biến động so với đầu kỳ. Đây là khoản vay từ World Bank, được sử dụng để tài trợ cho 02 dự án cấp

nước Lâm Đồng và Đà Lạt, các dự án có ý nghĩa quan trọng đối với việc đảm bảo an ninh nguồn nước và phát triển hạ tầng đô thị trên địa bàn tỉnh. Đối với nợ dài hạn, số dư tại ngày 31/12/2025 giảm mạnh 22.777 triệu đồng, tương ứng mức giảm 14,06% so với cuối năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thực hiện thanh toán nợ gốc đúng hạn theo lộ trình đã cam kết đối với khoản vay World Bank. Việc dư nợ dài hạn tiếp tục thu hẹp không chỉ góp phần giảm áp lực tài chính trong trung và dài hạn, mà còn thể hiện năng lực dòng tiền ổn định và tính kỷ luật tài chính cao của Công ty.

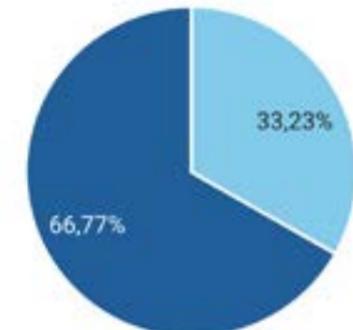
Nhìn chung, trong năm 2025, cơ cấu nợ phải trả của Công ty có sự cải thiện theo hướng giảm dần phụ thuộc vào nợ vay, đặc biệt là nợ dài hạn, trong khi vẫn duy trì các khoản vay ưu đãi phục vụ các dự án cấp nước thiết yếu. Việc kiểm soát tốt cơ cấu nợ, kết hợp với chi phí lãi vay ở mức hợp lý, đã góp phần củng cố mức độ an toàn tài chính, đồng thời tạo dư địa thuận lợi cho Công ty trong việc triển khai các kế hoạch đầu tư và phát triển.

Tỷ trọng nợ năm 2024



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Tỷ trọng nợ năm 2025



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT NƯỚC

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH MẠNG LƯỚI

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục chủ động và linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành sản xuất và phân phối nước sạch nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu sử dụng của khách hàng trên địa bàn, đặc biệt tại thành phố Đà Lạt – khu vực có mật độ tiêu thụ nước cao và biến động theo mùa du lịch. Việc phối hợp giữa các nhà máy và các đơn vị vận hành mạng lưới được triển khai đồng bộ, thường xuyên điều chỉnh công suất theo nhu cầu thực tế, qua đó đảm bảo cấp nước ổn định, an toàn và liên tục.



Phòng Kỹ thuật đã phối hợp với các đơn vị tiến hành rà soát hiện trạng hệ thống đường ống, đề xuất cải tạo các tuyến ống cũ, khắc phục các khu vực nước yếu, đồng thời thực hiện đấu nối tăng nguồn và tối ưu phương án điều tiết áp lực trên mạng lưới. Mặc dù vẫn còn phát sinh tình trạng thiếu hụt nước cục bộ tại một số điểm bất lợi do đặc thù địa hình và kết cấu mạng lưới, Công ty đã kịp thời triển khai các giải pháp kỹ thuật và điều phối nguồn, nhờ đó tình trạng nước yếu, thiếu nước tại nhiều khu vực đã được cải thiện rõ rệt, chất lượng nước cấp tiếp tục được đảm bảo theo quy định.

Công tác chăm sóc và hỗ trợ khách hàng được tăng cường với cơ chế tiếp nhận thông tin và xử lý sự cố 24/24 giờ. Trong năm, Công ty đã tiếp nhận và xử lý 1.960 vụ phản ánh liên quan đến nước đục, nước yếu, bể ống và các sự cố kỹ thuật khác; đồng thời thực hiện 2.898 lượt đóng, mở nước phục vụ sửa chữa, bảo trì kịp thời, góp phần hạn chế tối đa gián đoạn cấp nước. Việc thông tin đến khách hàng về các khu vực có nguy cơ hụt nước trong giờ cao điểm hoặc trong quá trình thi công hạ tầng cũng được thực hiện đầy đủ, minh bạch, giúp người dân chủ động sắp xếp sinh hoạt.

HỆ THỐNG SCADA



Trong năm, Công ty tiếp tục cải tạo và hoàn thiện hệ thống SCADA tại các bể chứa, kiểm tra và khắc phục các lỗi phát sinh, xử lý các tồn tại về tủ điện, đồng hồ điện tử tại các cụm DMA và thực hiện kiểm định theo quy định. Công ty đã phối hợp các phòng ban/đơn vị trong công tác tháo gỡ, di dời, lắp đặt các DMA, đồng thời bảo trì server và hệ thống camera giám sát tại các cụm bể. Bên cạnh đó, Công ty đã lập kế hoạch và thực hiện thay ruột bể Mộng Mơ và Thái Phiên, theo dõi đánh giá cho thấy hệ thống vận hành ổn định, hiệu quả. Đồng thời, Công ty cũng triển khai lắp đặt thử nghiệm thiết bị đo và datalogger, nghiên cứu phương án nâng cấp các DMA nhằm đảm bảo hệ thống giám sát vận hành ổn định trong bối cảnh hạ tầng truyền dẫn 2G không còn phù hợp.

CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THẮT THOÁT NƯỚC

Tỷ lệ thất thoát toàn Công ty ở mức 17% (hoàn thành theo kế hoạch năm 2025, và giảm 0,94% so với cùng kỳ 2024). Một số nhà máy có chỉ tiêu thất thoát nội trạm chưa đạt do lượng nước rửa lọc tăng cao, ảnh hưởng từ chất lượng nước nguồn (NMN Đan Kia thất thoát nội trạm bằng năm 2024).



CÔNG TÁC QUẢN LÝ KỸ THUẬT



Trong năm 2025, Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị thành viên trong công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị theo đúng quy định, nhằm hạn chế tối đa sự cố kỹ thuật trong quá trình vận hành. Đồng thời, Công ty đã thực hiện rà soát, thay thế các thiết bị hư hỏng hoặc không còn phù hợp, từng bước ứng dụng máy móc, thiết bị mới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và độ ổn định của hệ thống.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ XÂY DỰNG CƠ BẢN VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản được triển khai đồng bộ và tuân thủ chặt chẽ các quy định hiện hành. Công ty thực hiện giao việc cho các phòng, đơn vị thông qua Phiếu giao việc và Phiếu khoán để lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế – dự toán, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu, đồng thời tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình. Trong năm đã phát hành 362 Phiếu giao việc và 373 Phiếu khoán; lập 68 hồ sơ khảo sát, thiết kế, dự toán (gồm kế hoạch và ngoài kế hoạch), 100 hồ sơ xin phép đào đường; thực hiện 82 báo cáo thẩm định, ban hành 98 quyết định phê duyệt và nghiệm thu hoàn thành, đưa vào sử dụng, quyết toán 356 công trình. Công tác kiểm tra, theo dõi sửa chữa, bảo trì thiết bị được thực hiện thường xuyên; các tuyến ống cấp nước xuống cấp được rà soát, đề xuất cải tạo kịp thời nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả vận hành.



Song song đó, công tác công nghệ thông tin tiếp tục được chú trọng với việc thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế và nâng cấp trang thiết bị, khắc phục kịp thời sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục, ổn định. Công ty phối hợp với các đối tác xử lý, nâng cấp các phần mềm thuê ngoài (Wasspro, iOffice V5, hóa đơn điện tử, website...), đồng thời bảo trì, hoàn thiện các phần mềm nội bộ phục vụ quản lý sản xuất kinh doanh. Hệ thống phần mềm kế toán cũng được nâng cấp, hiệu chỉnh theo Thông tư 99/2025/TT-BTC nhằm đảm bảo tuân thủ quy định pháp lý. Bên cạnh đó, công tác quản trị nội dung website được duy trì thường xuyên, đảm bảo thông tin, văn bản và tin tức được cập nhật kịp thời, chính xác, phục vụ hiệu quả công tác điều hành và truyền thông của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ & QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM NƯỚC

Công tác ghi thu tiền nước được thực hiện đúng lộ trình, đảm bảo ghi nhận đầy đủ, chính xác, phản ánh kịp thời các dấu hiệu bất thường trên hệ thống. Các đơn vị quản lý khách hàng phối hợp kiểm soát chỉ số đồng hồ với Xí nghiệp Quản lý Thủy lượng kế trong quá trình súc rửa, thay thế, đối chứng đồng hồ, đồng thời gửi thông báo và thực hiện ngưng cung cấp dịch vụ theo quy định đối với các trường hợp nợ khó đòi hoặc không sử dụng nước nhiều kỳ. Công ty duy trì tiếp nhận thông tin khách hàng thông qua nhiều kênh như Zalo, bộ phận một cửa, Đội Kiểm tra quy chế, Xí nghiệp Quản lý Thủy lượng kế..., qua đó nhanh chóng chuyển đến các đơn vị liên quan để xử lý kịp thời. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục khuyến khích khách hàng sử dụng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt, mở rộng hóa đơn điện tử, phần mềm ghi thu và các kênh thanh toán phi truyền thống; tỷ lệ thanh toán chuyển khoản đạt khoảng 40% theo giá trị tiền (tăng 3-4% so với cùng kỳ năm 2024), công tác ghi thu đồng thời đạt 23% theo số hóa đơn và 13% theo giá trị tiền trên tổng số hóa đơn phát hành, góp phần nâng cao hiệu quả kiểm soát và hiệu quả kinh doanh.

Trong hoạt động sản xuất, các nhà máy luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng nước, tuân thủ đầy đủ quy trình kiểm soát chất lượng theo quy định của Công ty, Bộ Y tế và Quyết định số 43/2023/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật địa phương đối với chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Việc sử dụng nguyên, nhiên vật liệu được thực hiện hợp lý, tiết kiệm. Công ty đã tổ chức phân tích mẫu nước cấp và mẫu nước thải định kỳ, đột xuất theo kế hoạch đã được phê duyệt, đồng thời phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Y tế, Viện Dịch tễ Tây Nguyên, Sở

Y tế, Trung tâm Y tế dự phòng) thực hiện công tác ngoại kiểm tại các nhà máy nước theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo chất lượng nước đầu ra đáp ứng yêu cầu.

Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo được lưu tại phòng Thí nghiệm Công ty, gồm các mẫu như sau:

- Phân tích mẫu nước cấp - chỉ tiêu nhóm A: 849 mẫu;
- Phân tích mẫu nước cấp - chỉ tiêu nhóm B: 141 mẫu;
- Phân tích mẫu nước thải: 3.441 mẫu;
- Phân tích mẫu nước thô các nhà máy: 224 mẫu;
- Phân tích mẫu đột xuất: 75 mẫu;
- Phân tích mẫu nước thải tại XN quản lý nước thải: 2.547 mẫu;
- Phân tích mẫu nước thải Bệnh viện Đa khoa: 130 mẫu;
- Phối hợp theo dõi mẫu thô và mẫu thành phẩm của giếng khoan số 07 NMN Bảo Lâm.
- Theo dõi chỉ tiêu Nitrat, Amoni của Trạm cấp nước Tân Hà.

CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Tính đến thời điểm hiện tại (31/12/2025) tổng số lao động của Công ty là 363 lao động gồm 261 nam, 102 nữ, trong đó: Trong năm 2025 có 10 trường hợp ký hợp đồng mới, 20 trường hợp ký lại hợp đồng; hợp đồng lao động xác định thời hạn: 23 trường hợp, hợp

đồng lao động không xác định thời hạn: 340 trường hợp. Lao động nghỉ hưu, hết tuổi lao động: 14 trường hợp; 03 trường hợp lao động nghỉ việc; 0 trường hợp lao động mất. Quyết định điều động nhân sự: 05 trường hợp. Quyết định bổ nhiệm nhân sự: 09 trường hợp.



CÔNG TÁC XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Quản lý vận hành đầy đủ các công đoạn xử lý nước thải.

- Vệ sinh định kỳ bể giai đoạn I và II: vệ sinh ngăn lắng cát 02 lần/tuần; vệ sinh bể lắng hai vò 02 lần/tuần; thông tắc đường ống xả bùn; vệ sinh đầu vào; vệ sinh hố phân phối bể lắng hai vò giai đoạn II; thông tắc đường ống khi nghẹt; vệ sinh máy cuốn rác lồng quay; khe thông khí; vệ sinh bể lọc sinh học cao tải 01 lần/tuần; vệ sinh bể lắng thứ cấp 01 lần/tuần; thông tắc van xả bùn bể lắng hai vò, vét hố ga xả bùn; vệ sinh mương, khuôn viên nhà máy, kho xương; cắt cỏ trong khuôn viên 7,5 ha, chăm sóc cây xanh; vệ sinh hồ sinh học.

- Vận hành 14 trạm bơm nâng (giai đoạn I: 8 trạm, giai đoạn II: 6 trạm) và 1 trạm bơm chính; vệ sinh song chắn rác, hầm bơm, trạm bơm định kỳ; kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa bơm, máy móc thiết bị theo kế hoạch và đột xuất.

- Kết quả: lưu lượng bình tháng : 9.405m3/ ngày đêm; lượng nước thải đã xử lý năm 2025: 3.399.909 m3 (đạt 97,92% so với kế hoạch - 3.471.959 m3).

- Doanh thu dịch vụ xử lý nước thải: 19,351 tỷ đồng.

- Đã hoàn thành việc thanh quyết toán kinh phí vận hành hệ thống xử lý nước thải năm 2025, chuẩn bị hoàn tất hồ sơ để thanh lý hợp đồng 36/HĐKT ngày 02/01/2025.

- Thực hiện việc xử lý bùn bể tự hoại của xe hút hầm cầu; vận hành trạm bơm bệnh viện (đến 15/04/2025), lò mổ, góp phần bảo vệ môi trường khu vực trung tâm Đà Lạt và tăng thêm thu nhập cho Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC QUẢN LÝ THỦY LƯỢNG KẾ

- Thực hiện kiểm định ban đầu, định kỳ, bất thường đối với đồng hồ đo nước cơ khí và điện tử theo quy định (đường kính 15÷100mm).
- Niêm chỉ N64 do Tổng cục Đo lường chất lượng cấp theo quy định.
- Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống DMA trên địa bàn Đà Lạt.
- Kiểm định đối chứng với Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lâm Đồng; thực hiện kiểm định định kỳ và theo yêu cầu Công ty: 18.934 TLK (đạt 103,51% so với kế hoạch - 18.292 TLK).
- Công tác đột xuất: sửa chữa tại chỗ (không thu phí): 1.560 cái; bồi hoàn TLK: 110 cái; kiểm định theo yêu cầu khách hàng: 123 cái.
- Súc rửa thủy lượng kế chống thất thoát nước: do công tác sửa chữa, cải tạo đường, ảnh hưởng chất lượng nguồn nước dẫn đến hư hỏng thủy lượng kế.



CÔNG TÁC SỬA CHỮA MẠNG LƯỚI CẤP THOÁT NƯỚC

Sửa chữa kịp thời các vụ ống bể và rò rỉ chảy ngầm; thời gian khắc phục đảm bảo theo quy định của Công ty.

Thi công hệ thống cấp thoát nước theo đúng thiết kế và quy định.

- Tổng số vụ sửa chữa và thông tắc: 3.378 vụ, trong đó: khắc phục ống cấp nước 3.294 vụ; thoát nước: 484 vụ.
- Lập chiết tính sửa chữa 1.775 vụ theo quy trình Công ty.
- Tổng số vụ cắt nước theo đề xuất của Đội KTQC được duyệt: 161 hộ.



CHIẾT TÍNH (“CT”) ỚNG NHÁNH PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG TOÀN CÔNG TY NĂM 2025

Công tác tiếp nhận đơn và điều chỉnh thông tin khách hàng toàn công ty

- Tiếp nhận 3.959 hồ sơ khách hàng, gồm: lắp đặt mới HT cấp nước: 3.246 hồ sơ; lắp đặt mới hệ thống thoát: 71 hồ sơ; các đơn khác (cải tạo, di dời, mở/ngưng nước...): 642 hồ sơ.
- Ký kết hợp đồng: 2.976 hợp đồng (cấp nước: 2.923; thoát nước: 53).
- Điều chỉnh: 1.812 hồ sơ khách hàng.
- Scan 5.745 hồ sơ khách hàng.

Công tác tư vấn khảo sát thiết kế khách hàng:

- Thực hiện khảo sát thiết kế các công trình cấp thoát nước phục vụ sản xuất kinh doanh Công ty và nhu cầu đấu nối cấp thoát nước dịch vụ cho khách hàng. Tư vấn thiết kế phát triển khách hàng cấp thoát nước theo đúng quy trình của Công ty.
- Đã thực hiện 3.642 hồ sơ lắp đặt HT cấp nước và 70 hồ sơ đấu nối nước thải (Bao gồm cả hồ sơ chuyển tiếp từ năm 2024).
- Doanh thu từ dịch vụ khách hàng trong năm: 10.537 triệu đồng.
+ Doanh thu từ dịch vụ khách hàng cấp nước: 10.240 triệu đồng.
+ Doanh thu từ dịch vụ khách hàng thoát nước: 298 triệu đồng.

Thi công chiết tính (“CT”) ống nhánh khách hàng:

- Phát triển khách hàng theo Nghị định 117-CP: 2.735 CT, giá trị: 3,639 tỷ đồng (trong đó khu vực Đà Lạt 2.302 CT - tổng giá trị: 3,201 tỷ đồng).
- Phát triển khách hàng theo thỏa thuận: 4.126 CT, giá trị: 9,355 tỷ đồng (trong đó khu vực Đà Lạt 3.319 CT - tổng giá trị: 7,745 tỷ đồng).
- Sửa chữa hệ thống cấp nước: 2.051 CT, giá trị: 1,514 tỷ đồng (trong đó khu vực Đà Lạt 1.902 CT - tổng giá trị: 1,321 tỷ đồng).
- Đấu nối hệ thống thoát nước: 48 CT - tổng giá trị: 230 triệu đồng (khu vực Đà Lạt).
- Thực hiện sửa chữa kịp thời theo thông tin ống bể từ người dân, khách hàng và từ bộ phận một cửa Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CÔNG TÁC KIỂM TRA QUY CHẾ

Tổng số khách hàng được kiểm tra năm 2025: 19.265 hộ.

- Số hộ lập biên bản: 5.736 hộ (đã xử lý 5.733 biên bản).
- Biên bản niêm chì và truy thu: 265 biên bản, lượng nước truy thu: 2.099 m3, giá trị niêm chì và truy thu: 52,376 triệu đồng.
- Số hộ kiểm tra ghi đối chứng: 13.529 hộ
- Giải quyết đơn thư khách hàng (KH): 111 đơn.
- Lập biên bản bể vỡ hệ thống cấp nước: 2.038 vụ (lượng nước thất thoát ghi nhận: 2.099 m3, giá trị truy thu: 46 triệu đồng).
- Lập biên bản bể vỡ hệ thống thoát nước: 10 vụ; khác: 54 vụ.
- Biên bản xác minh: 1.891 khách hàng (cắt nước đầu nguồn: 177 KH; Biên bản khác: 172 KH).
- Biên bản điều chỉnh: 1.460 khách hàng.
- Biên bản kiểm tra: 172 khách hàng



CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Tổ chức ghi chép số liệu kế toán, phản ánh kịp thời, đầy đủ chi tiết các loại hình doanh thu và chi phí phát sinh trong năm 2025 của toàn Công ty, không để xảy ra sai sót trọng yếu.
- Lập báo cáo đúng thời hạn, tuân thủ chuẩn mực kế toán và văn bản pháp luật hiện hành.
- Công tác chuyển đổi số được triển khai mạnh mẽ, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý dữ liệu và giảm thiểu sai sót trong quá trình hạch toán.
- Thực hiện tốt quản lý thu - chi, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn. Duy trì kiểm soát dòng tiền ổn định, đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Công tác dự báo và cân đối ngân sách được chú trọng, giúp Ban điều hành chủ động hoạch định kế hoạch tài chính.
- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị kiểm toán độc lập, đảm bảo khách quan, minh bạch; quy trình kiểm soát nội bộ được hoàn thiện, giảm rủi ro tài chính; đối chiếu, kiểm tra chứng từ thường xuyên, đảm bảo tính hợp lệ và chính xác của số liệu.
- Cung cấp số liệu kế toán cho Ban kiểm soát Công ty; báo cáo tài chính bán niên và cả năm được Ban kiểm soát Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập soát xét theo quy định.
- Lập kế hoạch tài chính 2026 cho từng đơn vị và toàn Công ty; kế hoạch sẽ được chỉnh sửa và ban hành chính thức sau khi BCTC 2026 được kiểm toán độc lập được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 thông qua.
- Thực hiện kiểm kê tài sản, nguồn vốn định kỳ 06 tháng, kiểm soát dòng tiền lưu động, tránh thiếu hụt tài chính; chủ động gửi ngân hàng các khoản tiền nhàn rỗi để tăng thu nhập tài chính.
- Hoàn thành kê khai, nộp thuế phát sinh; không để tồn đọng nợ thuế. Thanh toán kịp thời chế độ cho người lao động nghỉ hưu, nghỉ việc theo quy định.
- Phối hợp với các Trưởng bộ phận ghi thu thúc đẩy thu tiền nước qua ngân hàng, ứng dụng thu trên smartphone và ví điện tử (đạt tỷ lệ 46%).
- Thanh quyết toán các công trình xây dựng cơ bản trong năm đúng thời gian quy định; cải thiện quản lý hàng tồn kho, quy trình xuất nhập kho, lên kế hoạch thanh lý vật tư lạc hậu tồn kho trong đợt kiểm kê toàn Công ty.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

CÔNG TÁC SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH 2026	TỈ LỆ KH 2026/TH 2025 (%)	GHI CHÚ
1	Nước sản xuất	1.000 m ³	26.717	101,28	
	- Nước Công ty sản xuất	1.000 m ³	14.307	86,12	
	- Mua nước SG-Đankia	1.000 m ³	10.950	112,12	VB 7517/UBND-XD2 ngày 15/11/2019 điều chỉnh lộ trình, tiếp nhận nước của Công ty CP Đankia 2: Kế hoạch năm 2026 là 30.000 m ³ /ngày đêm, với giá mua tăng 4% lên 6.132 đồng/m ³ .
	- Mua nước Tuyền Lâm	1.000 m ³	1.460	-	Công ty CP cấp nước Tuyền Lâm chấm dứt hợp đồng mua bán nước sạch số 56/HĐ-MBNS ký ngày 05/11/2021 vào ngày 12/06/2023. Kế hoạch 2026 mua nước lại của Công ty cổ phần cấp nước Tuyền Lâm là 4.000m ³ /ngày đêm.
2	Nước ghi thu - tiêu thụ	1.000 m ³	22.186	101,33	Tăng 1,2% so với thực hiện của năm 2025.
3	Tỷ lệ thất thoát	%	17,00	100,00	Bảng kết quả thực hiện năm 2025.
4	Phát triển khách hàng	Hộ	3.600	97,17	Theo kế hoạch từng đơn vị trực thuộc Công ty.
5	Doanh thu HĐ SXKD	Tr đồng	326.169	102,05	Dự kiến Kế hoạch Doanh thu sản xuất nước sạch 2026 tăng 2% so với thực hiện 2025.
6	Giá bán bình quân	Đồng/m ³	13.199	100,00	
7	Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt (tại TP. Đà Lạt)	M ³ /ng.đ	3.489.400	102,60	Tăng 2,6% so với thực hiện năm 2025.

CÔNG TÁC CHỐNG THẤT THOÁT

MỤC TIÊU CHỐNG THẤT THOÁT NĂM 2026

- Căn cứ theo kết quả sản xuất- tiêu thụ nước năm 2025 và tình hình kinh tế- xã hội tại khu vực Đà Lạt và các phường, xã, đề xuất tỷ lệ thất thoát là 17%;
- Giảm thất thoát nước từ rò rỉ, bể vỡ: rà soát, cải tạo các tuyến ống cũ mục lâu năm;
- Giảm thất thoát thương mại: giám sát, kiểm định đồng hồ sai số, phát hiện các vụ gian lận nước, công tác ghi thu thực hiện tốt.

ĐỀ XUẤT NHỮNG PHƯƠNG ÁN CHỐNG THẤT THOÁT NĂM 2026

01 Khoanh vùng quản lý thất thoát và kiểm soát thất thoát thông qua DMA

- Là phương pháp truyền thống nhưng hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện nhân lực tại các đơn vị thông qua theo dõi SCADA.
- Thực hiện chia mạng lưới theo khu vực và gắn DMA cho từng khu vực; ghi nhận lưu lượng- áp lực thường xuyên qua SCADA; so sánh lượng nước cấp vào với sản lượng ghi thu; chuyển đội dò tìm kiểm tra ngay nếu phát hiện chênh lệch bất thường.

02 Kiểm soát rò rỉ và sự cố kỹ thuật

- Mục tiêu: giảm thất thoát (rò rỉ, bể vỡ, hư hỏng) do đường ống cũ mục và xuống cấp.
- Lập danh sách các tuyến ống cũ; khu vực thường xuyên bể vỡ, nguy cơ sạt lở cao; phân tích hiện trạng tuyến ống; dò tìm rò rỉ và đánh giá; đề xuất cải tạo thay thế.
- Đẩy mạnh công tác bảo trì - bảo dưỡng đường ống, thiết bị định kỳ; tăng cường kiểm tra hiện trường.
- Theo dõi và phối hợp đơn vị thi công các tuyến đường giao thông nâng cấp cải tạo, hạn chế tình trạng mức bể ống, vùi lấp thiết bị trên mạng lưới.

03 Quản lý đồng hồ nước

- Mục tiêu: Giảm thiểu thất thoát thương mại do sai số đồng hồ, ngăn chặn các vụ gian lận khách hàng.
- Lập danh sách đồng hồ trên 5-7 năm sử dụng, kiểm tra định kỳ các trường hợp ghi nhận sản lượng bất thường; thiết lập quy trình phối hợp chặt chẽ giữa phòng Kỹ thuật, đội ghi thu và Xí nghiệp Quản lý Thủy lượng kế.

04 Quy trình xử lý sự cố nhanh và hiệu quả

- Mục đích: rút ngắn thời gian tiếp nhận, xử lý nhanh các sự cố; giảm thất thoát, thất thu nước sạch và giảm thiểu việc ảnh hưởng đến sinh hoạt của khách hàng.
- Xây dựng và tuân thủ quy trình xử lý sự cố: tiếp nhận thông tin, xác định vị trí, cô lập khu vực sự cố và triển khai sửa chữa trong thời gian sớm nhất.
- Thông báo kịp thời đến khách hàng bị ảnh hưởng bởi sự cố tuyến ống để người dân chủ động trong sinh hoạt.

05 Gắn trách nhiệm cá nhân

- Việc giảm thất thoát nước tác động trực tiếp đến hiệu quả sản xuất- kinh doanh, doanh thu và thu nhập của người lao động, đồng thời góp phần nâng cao uy tín và năng lực phục vụ khách hàng của Công ty.
- Tăng cường phối hợp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác phòng chống thất thoát.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC, QUẢN LÝ THUY LƯỢNG KẾ, KIỂM TRA QUY CHẾ

CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tiếp tục giám sát chất lượng nước cấp:

- Phân tích chất lượng nước cấp chỉ tiêu nhóm A (01 tháng/lần): 71 mẫu/ tháng.
- Phân tích chất lượng nước cấp chỉ tiêu nhóm B (01 tháng/lần): 71 mẫu/ tháng.
- Thuê ngoài với các chỉ tiêu phòng Lab chưa đủ điều kiện phân tích.
- Phân tích mẫu nước tại Xí nghiệp Quản lý nước thải: 3010 mẫu/năm.

QUẢN LÝ THUY LƯỢNG KẾ

- Kiểm định định kỳ theo quy định của Luật đo lường.
- Kiểm định các đồng hồ nghi đứng, mờ, đột biến.
- Kiểm tra chất lượng TLK của các đơn vị trực thuộc.
- Kế hoạch kiểm định năm 2026: 18.093 đồng hồ.

KIỂM TRA QUY CHẾ

- Kiểm tra Quy chế: Kế hoạch kiểm tra hộ khách hàng 2026: 20.228 hộ (tăng 5% so với 2025).
- Kiểm tra và xử lý kịp thời sự cố ống bể, truy thu nước thất thoát đủ khối lượng và đúng mục đích sử dụng, súc rửa đường ống.
- Tổ chức kiểm tra lộ trình ghi thu bằng ghi đối chứng; cập nhật danh sách khách hàng để áp giá đúng nhóm, nâng giá bán bình quân.
- Phối hợp phòng, đội ghi thu để chống thất thoát, thay thế TLK hư hỏng; thống kê, phân tích số liệu Ghi - Thu nhằm phát hiện bất thường để kiểm tra.
- Xử lý nghiêm các đơn vị thi công ảnh hưởng đến hệ thống cấp/thoát nước.

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ MẠNG LƯỚI

- Thực hiện thường xuyên, có kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể.
- Khai thác hiệu quả hệ thống SCADA, kịp thời cảnh báo và khoanh vùng các hiện tượng bất thường.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của các bể chứa nước, lập kế hoạch thay thế/ cải tạo ruột bể chứa.
- Lập phương án điều hành mạng lưới, đảm bảo cấp nước cho khách hàng, giảm thiểu các khu vực thường xuyên bị nước yếu hoặc không nước.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, QUẢN LÝ KHAI THÁC NƯỚC VÀ CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

- Tiếp tục thực hiện thuê đất tại các vị trí giếng khoan số 2,3,4,6 (Nhà máy nước Bảo Lâm) và trạm bơm nước thô Trạm cấp nước Nam Ban (Nhà máy nước Lâm Hà); chủ động liên hệ chính quyền địa phương để hoàn thiện hồ sơ.
- Lập hồ sơ điều chỉnh diện tích và ranh giới đất tại giếng khoan số 01 (Bảo Lâm) và bể Vạn Thành theo quy định.

KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

- Lập hồ sơ xin điều chỉnh mục đích khai thác nước tại nhà máy nước thành viên.
- Lập hồ sơ xin gia hạn Giấy phép khai thác nước cho Trạm cấp nước Tân Hà, Madagoui; Nhà máy nước Phát Chi.

CÔNG TÁC MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng và triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường năm 2026 toàn Công ty, đảm bảo sản xuất gắn với bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật về khai thác, sử dụng tài nguyên nước.
- Thực hiện vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải sản xuất cho Nhà máy nước Bảo Lâm theo giấy phép môi trường số 08/GPMT-UBND ngày 27/6/2025.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

- Thanh quyết toán hợp đồng quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung năm 2025 với đại diện chủ sở hữu.
- XN quản lý nước thải phối hợp với các Phòng chức năng Công ty để chuẩn bị công tác đấu thầu quản lý vận hành hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt tập trung Khu vực Đà Lạt theo quy định.
- Kế hoạch sản lượng xử lý nước thải năm 2026: 3.489.400 m³ (tăng 2,63% so với năm thực hiện 2025).

CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

- Hoàn tất nghiệm thu, quyết toán các dự án chuyển tiếp từ năm 2025.
- Lập, triển khai kế hoạch và theo dõi tiến độ các công trình XD/CB năm 2026 sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua: Lập kế hoạch chi tiết theo quý, gán trách nhiệm cụ thể cho từng đơn vị thi công.
- Thắt chặt quản lý đầu tư: phê duyệt thiết kế, dự toán chính xác ngay từ đầu, hạn chế điều chỉnh; giám sát tiến độ chặt và báo cáo hàng tháng.
- Tăng cường cải tạo, nâng cấp mạng lưới cấp nước: Tiếp tục ưu tiên thay thế các đoạn ống cũ, mục, hư hỏng bằng ống HDPE hiện đại tại các khu vực thoát cao và thiếu nước.
- Đầu tư các hạng mục tại nhà máy- trạm bơm- bể chứa để đảm bảo công suất cấp nước, dự phòng khi sự cố máy móc.
- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương để nhanh chóng hoàn thiện các thủ tục cấp phép xây dựng, đào đường.
- Phối hợp với ngành giao thông lập kế hoạch thi công đồng bộ (nâng cấp đường bộ cùng thời điểm thay đường ống) để tránh đào lấp nhiều lần.

CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH VÀ MỘT SỐ CÔNG TÁC KHÁC

- Dự kiến tuyển dụng năm 2026: 21 lao động (thay thế 7 người về hưu và bổ sung 14 lao động thiếu so với định biên).
- Dự kiến nâng bậc thợ cho khoảng 47 lao động; nâng bậc lương cho 18 lao động gián tiếp; đào tạo huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, sơ cấp cứu cho người lao động: 363 người; đào tạo an toàn hóa chất cho người lao động làm công tác vận hành và phòng thí nghiệm: 123 người; đào tạo nghiệp vụ khác theo nhu cầu của các phòng/đơn vị.
- Ước nguồn tiền lương kế hoạch năm 2026: 60,149 tỷ đồng. (quỹ lương của người lao động: 57,796 tỷ đồng, quỹ lương của Ban điều hành: 2,353 tỷ đồng) - tăng 3% so với KH năm 2025.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ; tham quan nghỉ dưỡng; cung cấp, đo đạc đồng phục và Bảo hộ lao động cho toàn Công ty.
- Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động và sơ cấp cứu cho 144 người.
- Bảo trì hệ thống CNTT; nâng cấp, hoàn thiện phần mềm quản lý khi cần thiết để hỗ trợ nghiệp vụ Phòng ban và các đơn vị thành viên.
- Tiếp tục làm việc với đối tác Ngân hàng, ứng dụng thu trên Smartphone và Ví điện tử (ZaloPay, VNPT, FPT...) để đa dạng hóa hơn phương thức thanh toán, hạn chế tiền mặt.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, hướng tới mô hình kế toán điện tử toàn diện.
- Nâng cao năng lực phân tích tài chính để hỗ trợ chiến lược phát triển.
- Tăng cường phối hợp với các phòng/đơn vị để tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả quản trị.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, LAWACO tiếp tục chú trọng công tác bảo vệ môi trường, xem đây là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Thông qua việc duy trì đầu tư công nghệ, từng bước hoàn thiện quy trình vận hành và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, Công ty đã chủ động kiểm soát và hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Song song đó, công tác giám sát môi trường cũng được triển khai thường xuyên và nghiêm túc, góp phần đảm bảo hoạt động khai thác, xử lý và cung cấp nước tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành. Việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong toàn hệ thống còn được LAWACO chú trọng thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn tại các đơn vị trực thuộc.

Trong năm, Công ty đã thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường chủ yếu như sau:

- Phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện quan trắc định kỳ môi trường nước cấp tại các nhà máy nước thành viên và môi trường nước thải tại Xí nghiệp Quản lý nước thải.
- Tổ chức thu gom, xử lý chất thải nguy hại tại Nhà máy nước Đà Lạt và Văn phòng Công ty theo đúng quy định.
- Thực hiện đầy đủ các báo cáo giám sát môi trường tại các đơn vị thành viên.
- Lập và báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước đối với các nhà máy nước trực thuộc.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty tiếp tục quan tâm đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, tạo điều kiện để người lao động tham gia các khóa học, hội thảo và chương trình nâng cao kỹ năng nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả công việc và chất lượng nguồn nhân lực.

Môi trường làm việc tại Công ty được xây dựng trên nền tảng đoàn kết, tôn trọng và hợp tác, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực, chủ động đóng góp sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Song song đó, các chính sách liên quan đến tiền lương, khen thưởng và phúc lợi tiếp tục được duy trì ổn định, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho người lao động.

Trong năm, Công ty đã thực hiện rà soát, điều chỉnh và ban hành các nội quy, quy chế, tiêu chí thi đua – khen thưởng phù hợp với tình hình thực tế; đồng thời xác định nguồn quỹ tiền lương, trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi theo đúng quy định.

Bên cạnh đó, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của người lao động. Sự phối hợp chặt chẽ với Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở đã góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, hài hòa và gắn kết. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì các hoạt động thăm hỏi, hỗ trợ và tặng quà cho người lao động vào các dịp lễ, Tết, qua đó củng cố tinh thần đoàn kết nội bộ và tạo động lực làm việc lâu dài cho đội ngũ cán bộ công nhân viên.



AN SINH XÃ HỘI – PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG

Song song với mục tiêu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, LAWACO luôn xác định trách nhiệm xã hội là một phần không thể tách rời trong định hướng phát triển bền vững. Trong năm 2025, bên cạnh việc đảm bảo hoạt động cấp nước an toàn, ổn định phục vụ đời sống dân sinh, Công ty tiếp tục tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội và hỗ trợ cộng đồng tại thành phố Đà Lạt và khu vực lân cận. Thông qua các chương trình xã hội thiết thực, cùng với việc duy trì tạo việc làm ổn định cho người lao động địa phương, LAWACO đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn. Đồng thời, Công ty luôn thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, thể hiện tinh thần trách nhiệm và sự tuân thủ trong hoạt động doanh nghiệp. Với định hướng phát triển hài hòa giữa lợi ích kinh tế và giá trị xã hội, LAWACO không chỉ tập trung xây dựng hiệu quả hoạt động mà còn từng bước khẳng định vai trò doanh nghiệp vì cộng đồng, góp phần kiến tạo nền tảng phát triển bền vững trong dài hạn.

GIẢI TRÌNH CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính tổng hợp của CTCP Cấp thoát nước Lâm Đồng cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International. Kiểm toán viên đã kết luận chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến gì thêm.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban
Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG ĐÃ ĐỀ RA TRONG NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

ĐVT: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KH 2025	TH 2025	%TH 2025/KH 2025
1	Tổng doanh thu	368.411	367.617	99,78%
2	Doanh thu hoạt động SXKD	328.314	319.622	97,35%
3	Lợi nhuận trước thuế	95.136	100.773	105,93%
4	Lợi nhuận sau thuế	-	80.369	-
5	Tỷ lệ thoát nước (%)	17,00%	17,00%	100,00%

Trong năm 2025, mặc dù bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động, nhu cầu tiêu thụ nước tại một số khu vực có thời điểm chững lại và giá bán nước bình quân điều chỉnh nhẹ, LAWACO vẫn duy trì hoạt động SXKD ổn định, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đặt ra, trong đó nhiều chỉ tiêu quan trọng ghi nhận kết quả tích cực. Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 319.622 triệu đồng, hoàn thành 97,35% kế hoạch. Sản lượng nước thương phẩm đạt 26,379 triệu m³, bằng 98,83% so với năm trước, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất kinh doanh của khách hàng trên địa bàn. Đặc biệt, nhờ tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu hóa vận hành và nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, lợi nhuận trước thuế đạt 100.773 triệu đồng, vượt 5,93% kế hoạch. Công tác quản lý thất thoát tiếp tục được chú trọng, với tỷ lệ thất thoát nước là 17%, đạt mục tiêu kế hoạch và thấp hơn tỷ lệ thất thoát năm 2024 là 0,94%, cho thấy nỗ lực không nhỏ của doanh nghiệp trong việc tiết kiệm tài nguyên nước và cải thiện hiệu quả kinh doanh.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động, linh hoạt của Ban điều hành trong công tác tổ chức sản xuất, điều phối nguồn nước và kiểm soát chi phí, giúp Công ty duy trì ổn định doanh thu trong bối cảnh còn nhiều thách thức, đồng thời vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra. Kết quả này cho thấy định hướng tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu hóa quản trị nội bộ và kiểm soát thất thoát nước là phù hợp và mang lại hiệu quả thiết thực. Việc đảm bảo cung cấp nước an toàn, liên tục, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý đã tiếp tục góp phần củng cố uy tín, vị thế của LAWACO trên địa bàn.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025

NỘI DUNG	THEO KH XDCB NĂM 2025 (TỶ ĐỒNG)	THỰC HIỆN ĐẾN HẾT THÁNG 12/2025 (TỶ ĐỒNG)	TỶ LỆ SO VỚI KH %
Tổng chi phí đầu tư XDCB năm 2024 (đã bao gồm công trình chưa thực hiện năm 2023 chuyển qua)	238,33	27,76	11,65
Hạng mục đầu tư mới	212,78	7,03	3,30
Hạng mục sửa chữa lớn	17,87	4,48	25,09
Hạng mục chống thất thoát	7,68	1,29	16,82
Phát sinh - Công ty đầu tư	-	14,68	-
Phát sinh - do Khách hàng thanh toán	-	0,28	-

HẠNG MỤC ĐẦU TƯ MỚI

Tổng số công trình: 48, trong đó năm 2025 là 28 công trình, năm 2024 chuyển qua là 20 công trình.

Tổng giá trị phiếu khoán/ hợp đồng là 66,24 tỷ đồng. Giá trị đã quyết toán là 7,03 tỷ đồng, giá trị chưa hoàn thành là 58,42 tỷ đồng.

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH SỬA CHỮA LỚN

Tổng số công trình: 52, trong đó năm 2025 là 27 công trình, năm 2024 chuyển qua là 25 công trình.

Tổng giá trị phiếu khoán/ hợp đồng là 4,79 tỷ đồng. Giá trị đã quyết toán là 4,79 tỷ đồng, giá trị chưa hoàn thành là 0 đồng.

CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH CHỐNG THẤT THOÁT

Tổng số công trình trong năm 2025 là 42 công trình.

Tổng giá trị phiếu khoán/ hợp đồng là 2,33 tỷ đồng. Giá trị đã quyết toán là 1,29 tỷ đồng, giá trị chưa hoàn thành là 1,02 tỷ đồng.

CÁC HẠNG MỤC PHÁT SINH, NGOÀI KẾ HOẠCH XDCB NĂM 2025

Tổng giá trị phiếu khoán/ hợp đồng là 16,18 tỷ đồng. Giá trị đã quyết toán là 14,68 tỷ đồng, giá trị chưa hoàn thành là 2,26 tỷ đồng.

CÁC CÔNG TRÌNH TỪ NGUỒN VỐN BÊN NGOÀI DO KHÁCH HÀNG THANH TOÁN

Tổng giá trị phiếu khoán/ hợp đồng là 0,28 tỷ đồng. Giá trị đã quyết toán là 0,28 tỷ đồng, giá trị chưa hoàn thành là 0 đồng.

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

“Căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, trong năm 2025, Hội đồng Quản trị LAWACO đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị.”

Hội đồng Quản trị ghi nhận và đánh giá cao tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động Công ty. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh còn chịu nhiều tác động từ yếu tố khách quan, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện sự linh hoạt trong quản trị, kịp thời đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm tháo gỡ khó khăn, đồng thời chủ động tận dụng các điều kiện thuận lợi để duy trì ổn định hoạt động và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị, các Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm và những người được ủy quyền đã tham gia đầy đủ các cuộc họp giao ban định kỳ theo tháng, quý và năm, qua đó kịp thời nắm bắt tình hình thực tế và đưa ra các chỉ đạo phù hợp nhằm đảm bảo hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt.
- Các nội dung, đề xuất do Ban Tổng Giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đều được xem xét, thảo luận kỹ lưỡng tại các kỳ họp Hội đồng Quản trị. Sau khi được thông qua, các nghị quyết, quyết định được chuyển giao kịp thời đến Ban Tổng Giám đốc để tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo tiến độ và kết quả bằng văn bản, giúp Hội đồng Quản trị theo dõi và giám sát hiệu quả.
- Tổng Giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng Quản trị về tình hình tài chính, đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng giai đoạn, đồng thời đề xuất định hướng điều hành trong thời gian tiếp theo. Trên cơ sở các báo cáo này, Hội đồng Quản trị đã thực hiện giám sát chặt chẽ việc triển khai các nghị quyết, quyết định đã ban hành. Đối với các vấn đề phát sinh bất thường, Tổng Giám đốc đã kịp thời báo cáo để Hội đồng Quản trị xem xét, chỉ đạo xử lý, góp phần hạn chế rủi ro và đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, thông suốt.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KH 2026
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	364.770
2	Doanh thu hoạt động SXKD	Triệu đồng	323.939
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	94.526
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	270.244
5	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	59.886
6	Tỷ lệ thất thoát	%	17

01- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, phấn đấu duy trì mức tăng trưởng sản lượng nước thương phẩm bình quân trên 2,5%/năm trong giai đoạn 2023–2028. Đồng thời, hoàn thiện và triển khai đồng bộ các giải pháp chống thất thoát nước, hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát bình quân khoảng 1% mỗi năm, đưa tỷ lệ NRW về mức 15% vào năm 2028.

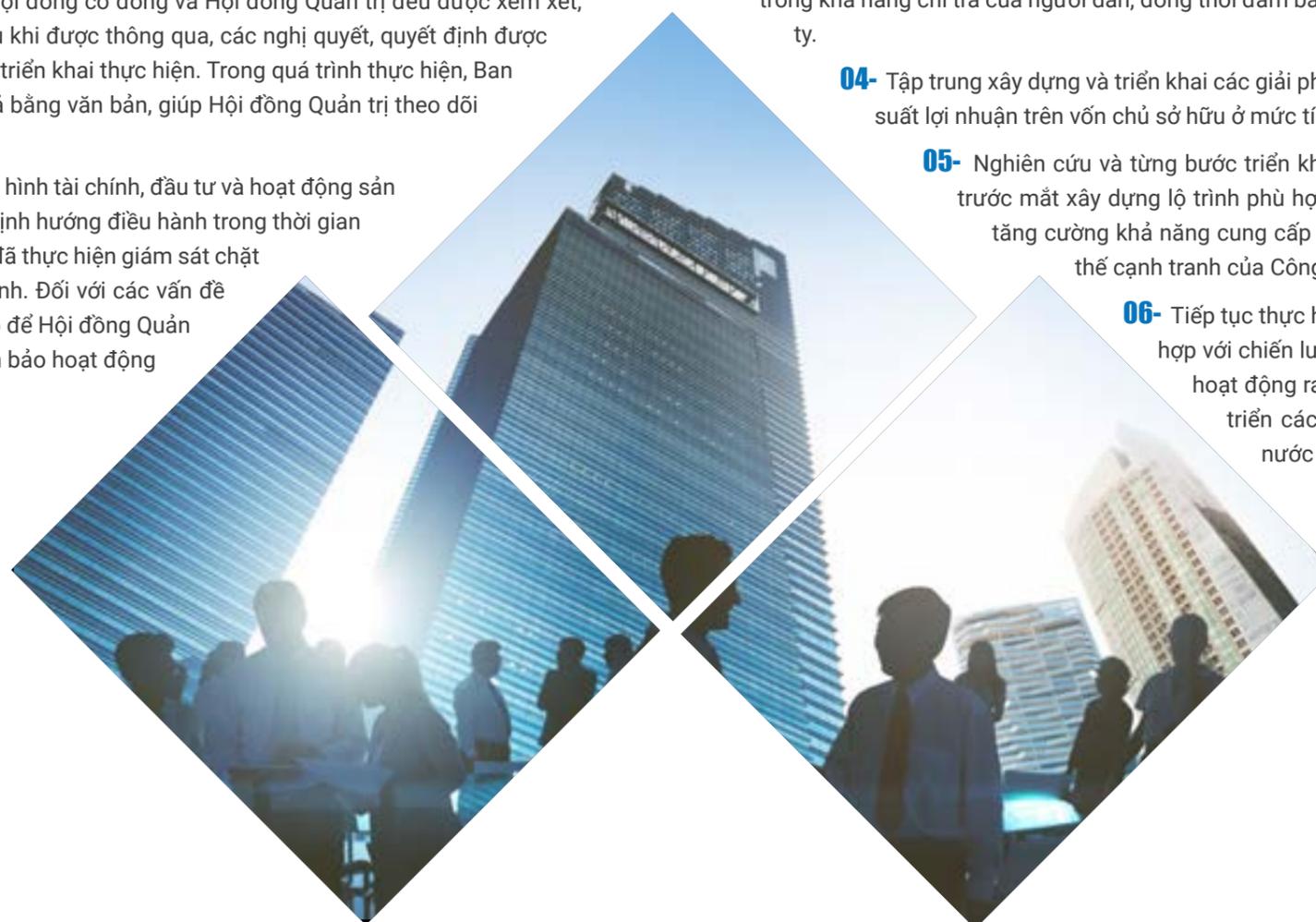
02- Đối với lĩnh vực xử lý nước thải, LAWACO tiếp tục thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý và vận hành Xí nghiệp Quản lý nước thải theo đơn đặt hàng của UBND thành phố Đà Lạt, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển đô thị bền vững.

03- Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn hiện có, xây dựng kế hoạch đầu tư theo lộ trình phù hợp, ưu tiên mục tiêu đảm bảo cung cấp nước đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, duy trì mức giá nước hợp lý trong khả năng chi trả của người dân, đồng thời đảm bảo nghĩa vụ trả nợ các dự án ODA và hiệu quả tài chính cho Công ty.

04- Tập trung xây dựng và triển khai các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hướng đến duy trì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ở mức tích cực và ổn định trong các năm tiếp theo.

05- Nghiên cứu và từng bước triển khai chuyển đổi số trong từng lĩnh vực hoạt động của LAWACO; trước mắt xây dựng lộ trình phù hợp nhằm thay đổi tư duy quản trị, nâng cao hiệu quả điều hành, tăng cường khả năng cung cấp thông tin – dữ liệu kịp thời, giảm chi phí vận hành và duy trì lợi thế cạnh tranh của Công ty trong dài hạn.

06- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, phù hợp với chiến lược phát triển đa dạng ngành nghề; từng bước mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài địa bàn tỉnh và khu vực lân cận, đặc biệt chú trọng phát triển các dịch vụ mà LAWACO có thế mạnh như lắp đặt hệ thống cấp nước sau đồng hồ, nhằm gia tăng nguồn thu và mở rộng thị trường.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (*)		TỶ LỆ SỞ HỮU	THỜI GIAN BỔ NHIỆM
			CÁ NHÂN	ĐẠI DIỆN		
1	Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	-	10.735.182	13,62%	27/5/2023
2	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	-	22.059.047	27,99%	27/5/2023
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT Phó Tổng giám đốc	3.600	9.453.877	12,00%	27/5/2023
4	Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-	-	27/5/2023
5	Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT không điều hành	-	13.975.893	17,70%	27/5/2023

(*) Căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày: 31/12/2025

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông PHAN ĐÌNH TÂN

Chủ tịch HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Quản lý Kinh tế.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu: Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa 10.735.182 cổ phiếu (chiếm 13,62% vốn điều lệ).

Thời gian	Quá trình công tác
1972 – 1975	Cán bộ Đội công tác thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
1975 – 1976	Ủy viên thư ký UBND thị trấn Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.
1976 – 1979	Học viên Trường Quản lý Kinh tế tỉnh Nghĩa Bình.
1980 – 1990	Cán bộ Công ty Liên hiệp Thủy sản tỉnh Nghĩa Bình.
1990 – 2003	Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
11/2003 – 07/2015	Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
07/2015 – 10/2016	Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
10/2016 – 12/2022	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.
11/2003 – nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu.
07/2015 – nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
12/2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bình Định
12/2017 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TNHH Hoàn Cầu
12/2018 – nay	Chủ tịch Hội đồng trường của Trường Đại học Quang Trung
12/2017 – nay	Giám đốc Công ty cổ phần Sao Sáng
01/2023 – nay	Cố vấn HĐQT Ngân hàng TMCP Nám Á
2018 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông TRẦN QUỐC HÙNG

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Quản trị Kinh doanh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

Thời gian	Quá trình công tác
1991 – 2000	Nhân viên Khách sạn Dalat Palace & Du Parc Dalat thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
05/2000 – 04/2013	Phụ trách kinh doanh Sân Golf Long Thành, Đồng Nai.
05/2013 – 12/2016	Giám đốc điều hành Sân Golf Đà Lạt, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt.
01/2016 – nay	Phó Tổng Giám đốc thường trực kiêm Giám đốc điều hành Sân Golf Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt. Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hoàng Gia Đà Lạt
06/2018 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.



Ông ĐỖ VĂN HẠ

Thành viên HĐQT

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Đại học chuyên ngành Cơ khí.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: Không có.
- Đại diện sở hữu cổ phần của Trương Thị Mỹ An: 13.975.893 cổ phiếu, chiếm 17,70% VDL.

Thời gian	Quá trình công tác
09/2009 – 10/2010	Kỹ sư Công ty Cổ phần Tổ hợp Chuyển giao công nghệ
10/2010 – 05/2014	Trưởng nhóm thiết kế, chạy thử, mua sắm (hạng mục cơ điện) Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí
05/2014 – 08/2016	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần NPL
09/2016 – 12/2018	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Năng lượng Confitech
01/2019 – 07/2020	Phó Ban QLDA Công ty Cổ phần Vietnamsolar
08/2020 – 04/2022	Giám đốc dự án Công ty TNHH Điện mặt trời Adani Phước Minh, Công ty TNHH Điện gió Adani Phước Minh
07/2022 – nay	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Liên doanh Phát triển nhà Daewon – Hoàn Cầu
04/2023 – nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
27/05/2023 – nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Ông NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Thành viên HĐQT
kiêm Tổng Giám đốc

Ông NGUYỄN VĂN DŨNG

Thành viên HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám đốc

Xem thông tin tại Chương II mục 2 – Tổ chức và nhân sự

Các tiểu ban thuộc HĐQT: không có.

Thay đổi danh sách thành viên HĐQT trong năm 2025: không có.

Hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không có.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2025

STT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM GIA	GHI CHÚ
1	Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	06/06	100%	
2	Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT	06/06	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT	06/06	100%	
4	Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	06/06	100%	
5	Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT không điều hành	06/06	100%	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG HĐQT TRONG NĂM

Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty. Trong năm 2025, HĐQT đã duy trì tổ chức các phiên họp định kỳ theo kế hoạch và tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và các quy chế quản trị nội bộ.

Tại các kỳ họp, các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến định hướng và ban hành các chủ trương điều hành quan trọng, làm cơ sở cho Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chiến lược phát triển của Công ty.

Trên cơ sở đánh giá thận trọng về hiệu quả đầu tư, HĐQT đã chủ động xem xét, tạm dừng một số dự án có quy mô vốn lớn nhưng chưa thật sự khả thi trong giai đoạn hiện tại; đồng thời ưu tiên nguồn lực cho các lĩnh vực mang lại hiệu quả thiết thực như công tác chống thất thoát, thất thu, cải tạo – nâng cấp các khu vực cấp nước bất lợi, mở rộng vùng phục vụ, phát triển khách hàng và kiểm soát chi phí sản xuất. Việc tập trung đầu tư có trọng điểm đã góp phần hạ giá thành, nâng cao hiệu quả vận hành và thúc đẩy tăng trưởng sản lượng theo hướng bền vững, gắn với giá bán đúng mục đích sử dụng.

HĐQT luôn bám sát tình hình thực tiễn hoạt động của Công ty, phát huy các lợi thế cốt lõi của LAWACO, kiên định định hướng lấy khách hàng làm trung tâm trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Các chiến lược phát triển khách hàng, mở rộng vùng cấp nước, nâng cao chất lượng quản lý và đào tạo nguồn nhân lực được quan tâm chỉ đạo và triển khai đồng bộ.

Thông qua vai trò chỉ đạo, giám sát và định hướng kịp thời, Hội đồng Quản trị đã thể hiện rõ năng lực lãnh đạo trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần giúp Công ty hoàn thành và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, HĐQT đã chủ động rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách và quy chế quản lý nội bộ theo hướng chuyên nghiệp hóa và tối ưu hóa quy trình vận hành, qua đó tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả quản trị, đồng thời gia tăng mức độ hài lòng của người lao động và khách hàng. Những quyết sách nhất quán và phù hợp đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển ổn định và bền vững của LAWACO.



NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Trong năm 2025, HĐQT đã tiến hành họp HĐQT với tổng số 06 cuộc họp, ban hành các Nghị quyết Quyết định như sau:

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
I	Nghị quyết			
1	01/2025/NQ-HĐQT	11/02/2025	1. Thống nhất với báo cáo của Ban điều hành về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2. Thống nhất nội dung trình trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 như sau: - Báo cáo tài chính năm 2024 - Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2024 - Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc năm 2024 - Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và KSV năm 2024 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch đầu tư năm 2025 - Lựa chọn công ty kiểm toán tài chính 2025 - Xác định mức cổ tức phân phối 2024 và dự kiến mức cổ tức năm 2025 - Báo cáo tổng hợp thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 - Xác định nguồn lương 2025 - Tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2024 và kế hoạch trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi năm 2025 - Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 - Đề án sáp nhập Nhà máy cấp nước Đạ Huoai và Nhà máy cấp nước Đạ Tẻh - Sửa đổi Điều lệ (nếu có). 3. Thống nhất thời điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào cuối tháng 4/2025	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
2	02/2025/NQ-HĐQT	06/03/2025	<p>1. Thống nhất với kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025, chốt ngày đăng ký cuối cùng dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là ngày 27/3/2025; chốt ngày xem xét, phê duyệt các hồ sơ tài liệu và chương trình chi tiết là ngày 04/4/2025; chốt ngày họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là ngày 29/4/2025.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương sửa đổi Điều lệ công ty (điều chỉnh điều 14 và 26)</p> <p>3. Thống nhất chưa trình Đề án sáp nhập Nhà máy cấp nước Đạ Huoai và Nhà máy cấp nước Đạ Tẻh (điểm 12, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết Hội đồng quản trị lần 1 năm 2025) trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.</p>	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	27/03/2025	<p>Thống nhất về quỹ lương năm 2025 của công ty như sau:</p> <p>1. Tiền lương người lao động năm 2025</p> <p>1.1 Quỹ lương sản xuất nước tính theo đơn giá: 126,77 đồng/1.000 đồng doanh thu tiền nước</p> <p>1.2 Quỹ lương xây dựng cơ bản, lắp đặt ống nhánh khách hàng và công việc khác tính theo nhân công thực hiện các công trình, chiết tính và công việc khác thực tế được thanh quyết toán.</p> <p>1.3 Quỹ lương xử lý nước thải tính theo đơn giá: 3.161,68 đồng/m³ nước thải xử lý theo Tờ trình số: 1.360/TTr-STC, ngày 13/06/2017 của Sở Tài chính Lâm Đồng.</p> <p>2. Đơn giá tiền lương của Ban điều hành công ty năm 2025 là : 6,96 đồng/1.000 đồng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh.</p> <p>3. Quỹ lương thực hiện năm 2025 sẽ tăng, giảm theo kết quả sản xuất kinh doanh thực tế.</p>	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
4	04/2025/NQ-HĐQT	04/04/2025	<p>1. Thống nhất sử dụng các hồ sơ, tài liệu trong Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 của công ty (tiếng Việt và tiếng Anh) như sau:</p> <p>1.1 Bốn báo cáo gồm: Báo cáo tài chính 2024 đã kiểm toán; Báo cáo của HĐQT về tình hình quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT năm 2024- Kế hoạch hoạt động năm 2025; Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc năm 2024; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và Kiểm soát viên năm 2024.</p> <p>1.2 Mười tờ trình (liệt kê tại khoản 1, Phần I)</p> <p>1.3 Thông báo mời họp.</p> <p>1.4 Giấy ủy quyền.</p> <p>1.5 Phiếu biểu quyết.</p> <p>1.6 Thẻ biểu quyết.</p> <p>1.7 Chương trình họp.</p> <p>1.8 Dự thảo Nghị quyết đại hội.</p> <p>1.9 Thể lệ làm việc và biểu quyết của Đại hội.</p> <p>1.10 Các phụ lục.</p> <p>2. Giao cho Ban Điều hành và Thư ký công ty rà soát, hoàn thiện, trình ký và ban hành.</p>	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
5	05/2025/NQ-HĐQT	19/05/2025	<p>Thông nhất triển khai Nghị quyết đại hội như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nỗ lực hoàn thành 100% chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội. - Giao cho Tổng Giám đốc tổ chức thương thảo với Công ty cổ phần cấp nước Tuyền Lâm để thực hiện các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Thương lượng tái ký hợp đồng mua nước với giá mua do UBND tỉnh quy định; b) Nếu không thực hiện được sẽ đàm phán để mua lại nhà máy và vùng cấp nước của Công ty này; c) Nếu không thực hiện được a và b sẽ thực hiện việc thuê nhà máy để sản xuất. - Giao Ban điều hành tổ chức phong trào thi đua trong toàn công ty với mục tiêu giảm tỷ lệ thất thoát nước, giảm nước thất thu; phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất và chất lượng dịch vụ. - Chọn Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính công ty năm 2025, ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký hợp đồng thực hiện. - Giao cho Tổng Giám đốc thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2025 đúng quy định; xác định thời hạn bắt đầu chi trả tiền cổ tức cho cổ đông năm 2024 là tháng 7/2025 <p>Về Nội quy lao động: Ủy quyền cho Tổng Giám đốc tổ chức rà soát, đối chiếu, điều chỉnh theo góp ý của HĐQT (phụ lục đính kèm) và ký ban hành theo quy định.</p>	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
6	06/2025/NQ-HĐQT	25/9/2025	<p>1. Thống nhất với Báo cáo tài chính đã được soát xét 6 tháng cho kỳ kế toán 30/6/2025; ghi nhận nội dung báo cáo tình hình hoạt động Công ty 6 tháng đầu năm 2025 của Ban kiểm soát công ty và báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 và phương hướng hoạt động 6 tháng cuối năm của Công ty do Ban điều hành lập; thống nhất với ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty về các giải pháp khắc phục những chỉ tiêu chưa đạt như: tỷ lệ thất thoát, doanh thu sản xuất chính...qua đó:</p> <p>1.1 Giao cho Ban điều hành xây dựng giải pháp giảm tỷ lệ khách hàng không phát hành hóa đơn;</p> <p>1.2 Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản ưu tiên các công trình sửa chữa lớn và các công trình chống thất thoát.</p> <p>2. Thống nhất việc thay đổi con dấu của Công ty, giao cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai, trong quá trình thực hiện, nghiên cứu thay đổi con dấu các đơn vị thành viên nếu thấy cần thiết.</p> <p>3. Thống nhất việc Người công bố thông tin của công ty (Tổng giám đốc Công ty) thực hiện ủy quyền cho ông Bùi Hoàng Trường Vĩ, chức vụ Kế toán trưởng, kiêm trưởng phòng Tài chính-Kế toán là Người công bố thông tin của Công ty thay cho Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.</p> <p>4. Giao Ban điều hành công ty nghiên cứu, xây dựng đề án áp dụng AI vào quản trị sản xuất kinh doanh của Công ty để nâng cao hiệu quả hoạt động, duy trì năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững và hội nhập với xu thế quản trị hiện đại</p>	100%

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
II	Quyết định			
1	01/2025/QĐ-HĐQT	11/02/2025	Thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ 2025	
2	02/2025/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Thành lập Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông/đại biểu dự ĐHĐCĐ 2025	
3	03/2025/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Thành lập Ban Phục vụ công tác kiểm phiếu ĐHĐCĐ 2025	
4	04/2025/QĐ-HĐQT	18/06/2025	Về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2024	
5	05/2025/QĐ-HĐQT	09/09/2025	Cử người tham gia khóa đào tạo về "Quản trị công ty" do Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh (HUREDIN) tổ chức	



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU (*)	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	1.200	0,00%
2	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	12.502.601	19,67%
3	Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	-	-

(*) Căn cứ Danh sách cổ đông tại ngày: 31/12/2025

LÝ LỊCH BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ MỸ VÂN

Trưởng Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Thạc sĩ ngân hàng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: 1.200 cổ phiếu (0,00% vốn điều lệ).
- Đại diện: không có.

Thời gian	Quá trình công tác
2004- 06/2017	Kế toán Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
07/2017 - 06/2018	Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng.
06/2018 - nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng.



Ông PHẠM VĂN KHOA

Thành viên Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có.

Thời gian	Quá trình công tác
12/1998 - 12/2009	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa Kinh tế, Phó Trưởng Phòng Đào tạo Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm, Bộ Nông nghiệp
01/2010 - 12/2010	Kinh tế viên Phòng Tổ chức Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, Bộ Giao thông vận tải
01/2011 - 09/2012	Cán bộ đầu tư Ban Đầu tư 1 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
10/2012 - nay	Cán bộ đầu tư Chi nhánh miền Tổng Công ty đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước
09/2024 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần công trình giao thông Bình Thuận
27/05/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng



Bà NGUYỄN THY PHƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Cá nhân: không có.
- Đại diện số hữu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Thủy Anh: 12.502.601 cổ phiếu, chiếm 19,67% VDL.

Thời gian	Quá trình công tác
2011 - 2012	CBNV Công ty CPSX Nhựa Duy Tân
2012 - 2014	CBNV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
2014 - 2018	CBNV Ngân hàng TMCP Quân đội
2018 - nay	CBNV Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư Hoàng Gia Việt Nam
27/05/2023 - nay	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng
06/2022 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Du lịch Việt Nam Hà Nội
04/2023 - nay	Trưởng BKS Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Minh
06/2023 - nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN BKS TRONG NĂM 2025: Không có.

BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Báo cáo đánh giá kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của toàn Công ty.
- Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024.
- Báo cáo kết quả hoạt động của công ty; Kết quả hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành năm 2024.
- Lựa chọn 03 đơn vị kiểm toán trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý 4 năm 2024 và quý 1,2,3 năm 2025.
- Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025 của toàn Công ty.
- Trình ĐHCĐ chương trình hoạt động của BKS năm 2025. Phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS.
- Thực hiện kiểm tra trực tiếp một số hoạt động tại khu vực các phường Đà Lạt và 06 nhà máy trực thuộc (các khoản thu chi, tiền lương, xây dựng cơ bản, quản lý khách hàng, công nợ phải thu, phải trả, kho...)

Trong suốt năm qua, Ban Kiểm soát đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao với tinh thần trách nhiệm cao và chuyên nghiệp. Ban đã thực hiện đầy đủ các cuộc kiểm tra định kỳ và đột xuất theo kế hoạch, kịp thời phát hiện và cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn trong hoạt động kinh doanh. Thông qua công tác giám sát chặt chẽ, Ban đã đóng góp quan trọng vào việc đảm bảo tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Các kiến nghị và đề xuất của Ban đều mang tính xây dựng và khả thi cao, được Ban Giám đốc đánh giá cao và triển khai thực hiện hiệu quả. Với những kết quả đạt được, Ban Kiểm soát đã khẳng định vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của cổ đông và các bên liên quan, đồng thời góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 06 cuộc họp theo kế hoạch. Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp, đồng thời phân công đại diện tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị nhằm kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động và công tác quản trị của Công ty.

Ban Kiểm soát đã thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Kế toán và các văn bản pháp lý có liên quan; đồng thời giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, các quy chế quản trị nội bộ và việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2025.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Hội đồng Quản trị, theo dõi sát sao tình hình sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và các hoạt động trọng yếu của Công ty. Đặc biệt, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát việc triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch được Hội đồng Quản trị phê duyệt, cũng như rà soát việc ký kết các hợp đồng kinh tế nhằm đảm bảo tính tuân thủ, minh bạch và hiệu quả.

Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện các quy định liên quan đến công tác tài chính – kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý khách hàng và công tác quản lý công nợ, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và kiểm soát rủi ro trong toàn Công ty.

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, khách quan và trách nhiệm, Ban Kiểm soát đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện đầy đủ quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Những hoạt động giám sát chủ động và hiệu quả của Ban Kiểm soát đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao tính minh bạch, đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông cũng như các bên liên quan, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của LAWACO trong thời gian tới.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	THÀNH VIÊN BKS	CHỨC VỤ	SỐ BUỔI HỌP BKS THAM DỰ	TỶ LỆ THAM GIA	GHI CHÚ
1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	06/06	100%	-
2	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	06/06	100%	-
3	Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	06/06	100%	-

NỘI DUNG CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	SỐ BIÊN BẢN	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2025/BC-BKS	18/1/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, nộp ngân sách; Đầu tư xây dựng cơ bản; Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ quý 4/2024
2	02/2025/BC-BKS	11/3/2025	Báo cáo kết quả tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024
3	3,4,5/2025/BC-BKS	15/4/2025	Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2025
4	06/2025/BC-BKS	17/4/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, nộp ngân sách; Đầu tư xây dựng cơ bản quý 1/2025
5	07/2025/BC-BKS	15/5/2025	Báo cáo kết quả tình hình hoạt động 06 tháng đầu năm 2025
6	08/2025/BC-BKS	17/10/2025	Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, nộp ngân sách; Đầu tư xây dựng cơ bản; Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ quý 3/2025

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	2025 (*)	2024
-----	-----------	---------	----------	------

Thù lao, thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

1	Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	617.519.975	639.791.875
2	Ông Nguyễn Hùng Cường	TV HĐQT kiêm TGD	1.764.459.352	1.547.634.552
3	Ông Nguyễn Văn Dũng	TV HĐQT kiêm Phó TGD	1.070.833.890	973.446.562
4	Ông Trần Quốc Hùng	TV HĐQT không điều hành	250.511.984	243.907.126
5	Ông Đỗ Văn Hạ	TV HĐQT	250.511.984	195.079.156
6	Ông Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng	798.464.762	649.691.188
TỔNG			4.752.301.947	4.249.550.459

Thù lao, thu nhập của Ban Kiểm soát

1	Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	567.026.151	592.228.344
2	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên	147.179.993	121.262.982
3	Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	147.179.993	121.262.982
TỔNG			861.386.137	834.754.308

*Số thưởng của người quản lý được tính theo thực chi năm 2025 (từ 1/1/2025- 31/12/2025)

GIAO DỊCH GIỮA LAWACO VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA LAWACO VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ:

Không có.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO	THƯỞNG (**)	LƯƠNG + KHÁC	TỔNG THU NHẬP
1	Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	480.000.000	275.039.950		755.039.950
2	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	168.000.000	600.021.968	1.078.949.368	1.846.971.336
3	Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	168.000.000	398.699.968	586.645.906	1.153.345.874
4	Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT không điều hành	168.000.000	165.023.968		333.023.968
5	Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	168.000.000	165.023.968		333.023.968
6	Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban KS		123.767.976	505.142.163	628.910.139
7	Nguyễn Thy Phương	Thành viên ban KS	112.800.000	68.759.986		181.559.986
8	Phạm Văn Khoa	Thành viên ban KS	112.800.000	68.759.986		181.559.986
9	Bùi Hoàng Trường Vĩ	Kế toán trưởng		233.676.000	564.788.762	798.464.762

(**) Thưởng của người quản lý được tính theo số thực tế năm 2025 (thưởng đợt 2 được chi vào tháng 1 năm 2026)

GIAO DỊCH GIỮA LAWACO VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TGD VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC ĐÃ VÀ ĐANG LÀ THÀNH VIÊN SÁNG LẬP HOẶC TV HĐQT, TGD ĐIỀU HÀNH TRONG THỜI GIAN 03 NĂM TRỞ LẠI ĐÂY:

Không có.

GIAO DỊCH GIỮA LAWACO VỚI CÔNG TY MÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TGD VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC LÀ TV HĐQT, TGD ĐIỀU HÀNH:

Không có.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU NGƯỜI NỘI BỘ:

Không có.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA LAWACO CÓ THỂ MANG LẠI LỢI ÍCH VẬT CHẤT HOẶC PHI VẬT CHẤT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	NỘI DUNG GIAO DỊCH	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH
1	Điện lực Lâm Đồng	Số 2 đường Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Lâm Đồng	Cung cấp điện	Thường xuyên
2	Công ty CP Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Phường Lang biang, Lâm Đồng	Cung cấp nước thành phẩm	Thường xuyên
3	Học viện lục quân	Số 01 Lý Thường Kiệt, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Lâm Đồng	Cung cấp nước thô hồ Chiến Thắng	Thường xuyên
4	Trung tâm đầu tư & khai thác công trình thủy lợi Lâm Đồng	Tầng 4, khu B, Trung tâm Hành Chính tỉnh, 36 Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng	Cung cấp nước thô hồ Phát Chi, Đankia, Đa Tẻh, Madaguoi	Thường xuyên
5	Trung tâm quản lý đầu tư & khai thác công trình thủy lợi Đà Lạt Nay là: Ban QLDA Đầu tư xây dựng khu vực Đà Lạt	Số 29 Đường ¾, Phường 3, TP Đà Lạt, Lâm Đồng Tầng trệt khu Quảng trường Lâm Viên, đường Trần Quốc Toản, phường Xuân Hương - Đà Lạt	Cung cấp nước thô hồ Đa Thiện	Thường xuyên
6	Ban quản lý đầu tư xây dựng và khai thác công trình công cộng Khu vực Đa Huoai	TT Madaguoi, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp nước thô hệ thống nước tự chảy Đa M'ri	Thường xuyên
7	Nhà máy hóa chất Biên Hòa - CN Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam.	Đường 5, KCN Biên Hòa 1, P.Trần Biên, tỉnh Đồng Nai	Cung cấp hóa chất xử lý nước (Clor và Javel).	Thường xuyên
8	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Trung Lê	177/39 Đường 3/2, Phường Vườn Lài, TP.HCM	Cung cấp hóa chất xử lý nước (phèn, soda)	Từ 01/01/2021 đến nay

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	NỘI DUNG GIAO DỊCH	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Thanh Dung.	A8/16 Mai Bá Hương, Ấp 1, xã Bình Lợi, TP.HCM	Cung cấp ống nước và phụ kiện (HDPE)	Từ 01/01/2021 đến nay
10	Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ thuật.	11/4A Trần Văn Ơn, P.Tân Sơn Nhì, TP. HCM	Cung cấp máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nước (Bơm, biến tần, tủ điện điều khiển).	Từ 01/1/2021 đến nay
11	Cửa hàng điện nước Phúc Lộc.	05 Đào Duy Từ, phường Xuân Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng.	Cung cấp vật tư thi công hệ thống cấp thoát nước và dụng cụ thi công.	Từ 01/1/2021 đến nay
12	Công ty cổ phần Hawaco Miền Nam.	Số 130/29 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM	Cung cấp đồng hồ nước hiệu Itron.	Từ 01/1/2021 đến nay
13	Công ty cổ phần Công nghệ Bách Việt (BAVITECH)	Số 23 Phạm Thái Bường, phường Tân Hưng, TP. HCM	Cung cấp vật tư, thiết bị, phần mềm giám sát mạng lưới cấp nước (hệ thống SCADA, DMA)	Từ 01/1/2021 đến nay
14	Công Ty TNHH Lưu Xuân Thủy	Địa chỉ: 161, Tổ 3, Khu phố 3, Phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai	Chuyên cung cấp các loại vật liệu lọc nước (cát, sỏi, cát mangan, than hoạt tính...)	Từ 01/1/2022 đến nay
15	Công ty TNHH Dịch vụ Khoa học Công nghệ Khuê Nam	Địa chỉ: 2/17 Phạm Văn Bạch, Phường Tân Sơn, TP.HCM	Phân tích mẫu nước ăn uống và sinh hoạt nhóm B QCVN 01-1:2018/BYT (80 chỉ tiêu)	Từ 22/1/2024 đến nay (02 lần/ năm)
16	Công ty TNHH TM-DV-KT Đức Hùng	Địa chỉ: 17/19 Gò Dầu - P.Phú Thọ Hòa -TP.HCM	Cung cấp máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nước (Bơm, biến tần, van nước các loại chịu áp lực cao).	Từ 19/1/2021 đến nay
17	Cửa hàng văn phòng phẩm Phương Lan	Địa chỉ: số 6 Bà Triệu, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp tất cả các loại vật tư, vật dụng văn phòng phẩm (các loại giấy in-photo, bút viết, bìa hồ sơ...)	Từ 15/6/2021 đến nay - Nước thải: 01 lần /03 tháng; - Nước cấp: 01 lần /06 tháng

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA LAWACO CÓ THỂ MANG LẠI LỢI ÍCH VẬT CHẤT HOẶC PHI VẬT CHẤT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KSV, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	NỘI DUNG GIAO DỊCH	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH
18	Công ty TNHH xử lý nước Gia Hưng Phát	Địa chỉ: số 418 Quốc lộ 20, xã Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Lập hồ sơ Môi trường, xin cấp Giấy phép khai thác tài nguyên nước cho các nhà máy nước trực thuộc Công ty	Từ 2021 đến nay
19	Công ty TNHH Nhật Khôi	Địa chỉ: 145/5 Hồ Tùng Mậu, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Lập hồ sơ xin cấp Giấy phép và khoan thăm dò khai thác tài nguyên nước (nước ngầm tại Thạnh Mỹ và Bảo Lâm) cho các nhà máy nước trực thuộc Công ty	Từ 29/6/2023 đến nay
20	Công ty TNHH Lâm Trí Việt	111 Nguyễn Văn Trỗi, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Giấy in nhiệt hóa đơn thu tiền nước (máy in mini), phiếu công tác.	Từ 2020 đến nay
21	Công Ty TNHH Trần Duy Thoại	Số 57 Nguyễn Văn Trỗi, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp, sửa chữa các loại máy móc thiết bị văn phòng, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin	Từ 2020 đến nay
22	Công Ty TNHH Máy văn phòng Quang Minh	Lô 16 KQH Mạc Đĩnh Chi, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp, sửa chữa các loại máy móc thiết bị văn phòng (máy photocopy)	Từ 2020 đến nay
23	Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa	Lô C-1-CN, đường NA4, KCN Mỹ Phước 2, P. Bến Cát, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các loại ống và phụ kiện HDPE, uPVC	Từ 2021 đến nay
24	Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Greenchem	Số 23A, đường An Dương Vương, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Vật tư, thiết bị Phòng thí nghiệm ngành nước	Từ 06/2023 đến nay
25	Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đô Thị Việt (VUCICO)	250 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM	Vật tư ngành nước, các loại đồng hồ đo nước lạnh (Delta)	Từ 2019 đến nay

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	NỘI DUNG GIAO DỊCH	THỜI ĐIỂM GIAO DỊCH
26	Công Ty cổ phần Novo-Việt Tiệp	Thôn Viên Nội, Xã Phúc Thịnh, TP Hà Nội	Vật tư ngành nước, các loại van, vòi và phụ kiện	Từ 10/2023 đến nay
27	Công ty TNHH PCCC Nguyễn Anh Sinh	01 Thông Thiên Học, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp, lắp đặt hệ thống chống sét	Từ 06/2023 đến nay
28	Công ty TNHH MTV Vật tư và thiết bị Kim Hải	Số 16 đường số 6, KDC Hiệp Bình, P.Hiệp Bình Phước, Tp.Thủ Đức, Tp.Hồ Chí Minh	Khóa niêm phong nhựa; Dây cáp niêm phong (niêm cụm đồng hồ nước)	Từ 03/2020 đến nay
29	Doanh nghiệp tư nhân Phong Bích	Thôn Đa Cháy, xã Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng	Cung cấp vật liệu xây dựng: xi măng, cát đá... (thi công, sửa chữa HT CTN)	Từ 03/2023 đến nay
30	Công ty CP Môi trường Khánh Hòa	Thôn Ninh Ích, xã Bắc Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của Công ty	Từ 10/2024 đến nay
31	Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam	Phòng 406, tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội. VPĐD: 54 Trần Khánh Dư, phường Tân Định, quận 1, TP.HCM	Hiệu chuẩn thiết bị phòng thí nghiệm (LAB) của Công ty	Từ 02/2023 đến nay
32	Trung tâm Nghiên cứu và tư vấn môi trường	Địa chỉ: 88 Đồng Nai, phường Hoà Hưng, TP.HCM	Phân tích các thông số môi trường tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung TP.Đà Lạt và các Nhà máy xử lý nước cấp của Công ty (theo quy định của Luật bảo vệ môi trường).	Từ 22/2/2025 đến nay - Nước thải: 01 lần/tháng; - Nước cấp: 01 lần/06 tháng.
33	Công ty cổ phần Đầu tư Quốc tế Sao Kim	368/13 Tân Hương, phường Phú Thọ Hòa, TP.HCM	Cung cấp van và vật tư, thiết bị ngành nước	Từ 16/4/2025 đến nay
34	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Tự Động Phong Niên	Số 8 Đường N17, Khu dân cư Tân Bình, Khu phố Tân Thắng, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sửa chữa, cung cấp tủ điện điều khiển bơm, thiết bị điện....	Từ tháng 04/2024 đến nay



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**
- 2. Báo cáo kiểm toán độc lập**
- 3. Báo cáo tài chính năm 2025**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Tấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hùng Cường - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Tỉnh Lâm Đồng, ngày 10 tháng 3 năm 2026



Lầu 4, tòa nhà Hải Âu TIC, 399 Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
T: (+84 28) 7303 2007

Số: 2345/2026/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 3 năm 2026, từ trang 4 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Phạm Thị Toàn
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2767-2024-072-1

[Handwritten Signature]
Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		98.515.942.483	89.887.963.601
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	44.385.496.387	38.574.107.095
1. Tiền	111		34.184.794.788	38.574.107.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.200.701.599	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.001.096.381	13.839.258.639
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.10	7.001.096.381	13.839.258.639
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.649.843.058	29.838.009.793
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.252.656.098	5.619.374.159
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	9.919.350.240	605.216.406
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	27.769.138.770	27.641.994.229
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.291.302.050)	(4.028.575.001)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	8.479.506.657	7.636.588.074
1. Hàng tồn kho	141		11.673.687.281	11.108.353.507
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.194.180.624)	(3.471.765.433)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.081.164.817.704	1.107.938.472.950
I. Tài sản cố định	220		425.155.640.937	436.786.389.427
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	423.718.104.222	435.150.000.891
- Nguyên giá	222		1.078.328.801.949	1.051.140.694.197
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654.610.697.727)	(615.990.693.306)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.437.536.715	1.636.388.536
- Nguyên giá	228		2.558.591.000	2.558.591.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.121.054.285)	(922.202.464)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.792.902.530	2.583.504.908
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	4.792.902.530	2.583.504.908
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		637.970.000.000	653.220.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	637.970.000.000	653.220.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		13.246.274.237	15.348.578.615
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	8.155.624.614	8.889.010.916
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	825.275.245	759.637.057
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.13	4.265.374.378	5.699.930.642
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.179.680.760.187	1.197.826.436.551

KIỂM TOÁN VIÊN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		208.485.730.510	229.116.313.324
I. Nợ ngắn hạn	310		69.276.098.246	67.129.451.483
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	11.823.383.061	12.559.524.866
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	304.235.314	477.556.514
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	6.709.020.191	8.865.696.549
4. Phải trả người lao động	314		13.246.663.230	9.545.493.678
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	3.350.858.610	3.497.894.566
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.423.625.647	1.622.279.113
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	22.793.678.239	22.793.678.239
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	9.624.633.954	7.767.327.958
II. Nợ dài hạn	330		139.209.632.264	161.986.861.841
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	521.966.354	505.517.706
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	138.687.665.910	161.481.344.135
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		971.195.029.677	968.710.123.227
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	971.195.029.677	968.710.123.227
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		788.000.000.000	788.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		788.000.000.000	788.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.512.122.705	28.512.122.705
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		19.057.709.405	19.057.709.405
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.039.241.420	22.107.785.803
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.255.431.775	99.701.980.942
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		79.255.431.775	99.701.980.942
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		11.330.524.372	11.330.524.372
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.179.680.760.187	1.197.826.436.551

Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vi
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	319.621.707.076	319.686.229.615
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		319.621.707.076	319.686.229.615
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	232.887.009.288	228.189.224.122
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		86.734.697.788	91.497.005.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	47.631.866.739	69.321.134.697
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	11.159.185.190	13.146.708.517
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.159.185.190	12.555.962.887
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	5.394.462.950	4.198.670.709
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	16.169.207.111	18.258.831.871
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		101.643.709.276	125.213.929.093
11. Thu nhập khác	31	VI.7	363.571.185	619.308.666
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.234.281.480	1.161.724.397
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	VI.7	(870.710.295)	(542.415.731)
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		100.772.998.981	124.671.513.362
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	20.469.426.871	25.279.553.884
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	(65.638.188)	(310.021.464)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		80.369.210.298	99.701.980.942
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	682	901
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	682	901

Trần Thị Tuyết Ngọc
 Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường Vi
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	344.704.398.263	345.925.385.987
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(156.917.515.039)	(150.820.547.637)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(49.250.872.716)	(51.009.053.731)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11.327.390.393)	(12.730.507.260)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(23.030.934.910)	(22.959.785.718)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.623.180.441	12.408.781.896
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(70.208.030.478)	(64.399.560.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	40.592.835.168	56.414.712.666
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.456.145.874)	(31.038.388.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	435.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(9.000.000.000)	(615.656.541.938)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	31.655.369.863	555.839.258.639
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	26.435.003.200
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	47.881.108.360	70.254.417.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	36.080.332.349	6.269.248.290
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(22.793.778.225)	(22.793.678.219)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48.068.000.000)	(40.188.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(70.861.778.225)	(62.981.678.219)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.811.389.292	(297.717.263)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.574.107.095	38.871.824.358
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	44.385.496.387	38.574.107.095


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu


Bùi Hoàng Trường Vĩ
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Lâm Đồng (coanh nghiệp 100% vốn Nhà nước), được thành lập theo Quyết định số 2873/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 8 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt cơ cấu vốn khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800000174 ngày 22 tháng 6 năm 2018 do Sở Tài chính (tiền thân là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh Lâm Đồng cấp lần đầu và qua các lần điều chỉnh, trong đó lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 15 tháng 7 năm 2025 do thay đổi địa chỉ của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 788.000.000.000 đồng, được chia thành 78.800.000 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tọa lạc tại số 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Lam Dong Water Supply and Sewerage Joint Stock Company, tên viết tắt là: Lawaco.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang giao dịch tại sàn Upcom thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã cổ phiếu: LDW.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày cuối năm và ngày đầu năm lần lượt là 363 người và 371 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; tư vấn thiết kế công trình xây dựng dân dụng, công trình cấp thoát nước; giám sát thi công công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lập dự án đầu tư xây dựng công trình; thẩm tra dự án đầu tư; đánh giá tác động môi trường; thiết kế dự toán xây dựng công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, cấp thoát nước, thủy lợi; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, khu du lịch, khu nghỉ dưỡng, vườn sinh thái; sản xuất và kinh doanh dịch vụ, vật tư ngành nước; kinh doanh dịch vụ du lịch tham quan, nghỉ dưỡng; quy hoạch xây dựng hệ thống cấp thoát nước; tư vấn lập quy hoạch, xây dựng hệ thống cấp thoát nước, tư vấn lập hồ sơ mời thầu, xét thầu, tư vấn quản lý dự án; khảo sát địa hình, địa chất, thủy văn, môi trường.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt phục vụ đô thị và công nghiệp; xử lý nước thải; thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy nước Đà Lạt	Phường Langbiang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Lâm Hà	Xã Đình Văn Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Bảo Lâm	Xã Bảo Lâm 1, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Tẻh	Xã Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đơn Dương	Xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đạ Huoai	Xã Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng
Nhà máy nước Đam Rông	Xã Đam Rông 2, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xử lý nước thải	Phường Cam Ly - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp tư vấn cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp xây lắp cấp thoát nước	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Xí nghiệp Quản lý thủy lượng kế	Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính tổng hợp

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc là các xí nghiệp, nhà máy nước. Giao dịch và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và chế độ kế toán đang áp dụng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**Hướng dẫn kế toán mới đã được ban hành nhưng chưa có hiệu lực**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày này. Thông tư 99 thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các văn bản có liên quan. Các nội dung liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước như hướng dẫn tại Thông tư 200 vẫn tiếp tục được thực hiện.

Thông tư 99 chưa được áp dụng trong báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đối với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho các kỳ kế toán sau.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Các thiết bị, vật tư, phụ tùng được dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường cho mục đích thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản cố định được ghi nhận là tài sản dài hạn.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	1 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	4 - 25

Một phần tài sản cố định hữu hình của Công ty được đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của chương trình phần mềm, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm hệ thống đường ống nhánh, lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Hệ thống đường ống nhánh

Chi phí Công ty bỏ ra để đầu tư hệ thống đường ống nhánh được ghi nhận như một khoản chi phí trả trước dài hạn, phân bổ theo định mức với đơn giá 244 đồng/m³ ghi thu theo quy định về cơ cấu giá thành sản xuất nước do Sở Tài chính và Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành từ ngày 28 tháng 10 năm 2023.

Đối với phần giá trị tăng thêm của hệ thống đường ống nhánh khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, Công ty thực hiện phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước (tiếp theo)**Công cụ, dụng cụ và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa không quá 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính tổng hợp dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ phải trả về thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính nhưng không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu các khoản này được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các kỳ trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản là số vốn thực tế được Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng cấp phục vụ cho việc đầu tư xây dựng cơ bản các công trình công ích. Khi công trình hoàn thành và nghiệm thu quyết toán, Công ty được ghi tăng tài sản cố định và nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định. Đây là các tài sản mà Công ty vận hành và quản lý thay cho Nhà nước.

Ghi nhận doanh thuDoanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng của Công ty chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước sạch cho người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng với đơn giá nước áp dụng theo Quyết định của Ủy ban Nhân dân tỉnh cho từng thời kỳ. Đơn giá bán nước chỉ được điều chỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ các khoản đầu tư tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận giá vốn**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu**

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Doanh thu của Công ty chủ yếu là từ mảng kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	72.805.111	73.085.690
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.111.989.677	38.501.021.405
Các khoản tương đương tiền (i)	10.200.701.599	-
Cộng	44.385.496.387	38.574.107.095

(i) Số dư cuối kỳ là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Lâm Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu tiền sử dụng nước sinh hoạt Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt Các đối tượng khác	2.377.336.487 2.304.567.807 570.751.804	2.117.470.920 2.550.288.718 951.614.521
Cộng	5.252.656.098	5.619.374.159

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước	9.596.724.179	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Cấp thoát nước Lâm Đồng	274.376.060	164.882.000
Các đối tượng khác	48.250.001	440.334.406
Cộng	9.919.350.240	605.216.406

Khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước để thi công xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng theo hợp đồng thi công xây lắp số 46/2025/HĐ-CTN-WSC ngày 02 tháng 7 năm 2025 đã ký giữa hai bên.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu Ban quản lý dự án thoát nước và xử lý nước thải (i)	23.229.696.218 2.262.265.614	23.478.937.839 2.262.265.614
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát chờ quyết toán (ii)	1.010.240.000	1.010.240.000
Các khoản ký quỹ	206.500.000	221.380.000
Các khoản phải thu khác	1.060.436.938	669.170.776
Cộng	27.769.138.770	27.641.994.229

(i) Số dư thể hiện khoản phải thu phần chi phí quản lý vượt định mức của Ban quản lý dự án thuộc Dự án thoát nước và xử lý nước thải. Dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ giá trị cho khoản phải thu này trong các năm tài chính trước.

(ii) Đây là khoản tạm ứng thù lao trong năm cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát của Công ty. Khoản thù lao này sẽ được giảm trừ vào lợi nhuận sau thuế trong năm sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gia gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Gia gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.029.036.810	-	1.766.309.801	-
Phải thu ngắn hạn khác	2.262.265.240	-	2.262.265.240	-
Cộng	4.291.302.050	-	4.028.575.001	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(4.028.575.001)	(3.961.814.001)
Dự phòng trong năm	(262.727.049)	(66.761.000)
Số dư cuối năm	(4.291.302.050)	(4.028.575.001)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	10.167.765.156	(3.194.180.624)	9.737.232.268	(3.471.765.433)
Công cụ, dụng cụ	1.505.922.125	-	1.341.433.723	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	29.687.516	-
Cộng	11.673.687.281	(3.194.180.624)	11.108.353.507	(3.471.765.433)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	(3.471.765.433)	(3.099.513.166)
Hoàn nhập/(trích lập) dự phòng bổ sung trong năm	277.584.809	(372.252.267)
Số dư cuối năm	(3.194.180.624)	(3.471.765.433)

1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá	217.007.344.042	69.091.947.400	669.182.282.286	52.322.724.414	43.536.396.055	1.051.140.694.197
Số dư đầu năm	2.763.421.448	4.455.524.482	1.968.645.890	2.556.826.106	1.152.868.588	12.897.286.514
Mua trong năm	1.457.666.356	4.209.070.818	6.375.886.711	1.184.612.618	1.063.584.735	14.290.821.238
Xây dựng cơ bản hoàn thành	221.228.431.846	77.756.542.700	677.526.814.887	56.064.163.138	45.752.849.378	1.078.328.801.949
Số dư cuối năm	136.196.613.408	37.952.554.636	389.412.101.658	34.581.623.280	17.847.800.324	615.990.693.306
Giá trị hao mòn lũy kế	6.296.535.584	5.063.445.914	19.815.849.186	5.164.001.158	2.280.172.579	38.620.004.421
Số dư đầu năm	142.493.148.992	43.016.000.550	409.227.950.844	39.745.624.438	20.127.972.903	654.610.697.727
Số dư cuối năm	80.810.730.634	31.139.392.764	279.770.180.628	17.741.101.134	25.688.595.731	435.150.000.891
Giá trị còn lại	78.735.282.854	34.740.542.150	268.298.864.043	16.318.538.700	25.624.876.475	423.718.104.222

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày cuối năm và đầu năm lần lượt là 232.655.741.518 đồng và 222.505.829.621 đồng.

Công ty đã sử dụng một số tài sản để bảo đảm cho các khoản vay theo hiệp định với Bộ Tài chính. Giá trị còn lại của các tài sản thế chấp tại ngày cuối năm và đầu năm lần lượt là 246.610.939.265 đồng và 263.505.731.349 đồng (xem thông tin chi tiết tại *Thuyết minh số V.19*).

Trong năm 2025, Công ty đang triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lìn tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng với tổng giá trị đầu tư đã được Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua là 41 tỷ đồng. Như đã trình bày tại thuyết minh số V.3, Công ty đã ký Hợp đồng thi công xây dựng với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước để triển khai dự án này với giá trị ứng trước đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 9.596.724.179 đồng.

2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	737.591.000	1.821.000.000	2.558.591.000
Số dư cuối năm	737.591.000	1.821.000.000	2.558.591.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	224.117.807	698.084.657	922.202.464
Khấu hao trong năm	14.751.820	184.100.001	198.851.821
Số dư cuối năm	238.869.627	882.184.658	1.121.054.285
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	513.473.193	1.122.915.343	1.636.388.536
Số dư cuối năm	498.721.373	938.815.342	1.437.536.715

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các dự án cải tạo, lắp đặt đường ống cấp nước	2.401.527.985	1.037.602.341
Dự án trạm bơm tăng áp Măng Lin (i)	909.998.382	-
Các dự án khác	1.481.376.163	1.545.902.567
Cộng	4.792.902.530	2.583.504.908

(i) Số dư thể hiện các chi phí ban đầu của dự án đầu tư xây dựng trạm bơm tăng áp Măng Lin tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng (xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số V.7), bao gồm chi phí tư vấn, thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi; tư vấn, thẩm tra thiết kế; tư vấn, thẩm tra hồ sơ thầu ...

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	2.583.504.908	1.476.219.649
Chi phí đầu tư trong năm	24.563.898.542	22.242.627.482
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.290.821.238)	(16.920.439.522)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(4.075.807.798)	(3.096.645.039)
Ghi nhận vào chi phí trong năm	(3.987.871.884)	(1.118.257.662)
Số dư cuối năm	4.792.902.530	2.583.504.908

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	7.001.096.381	7.001.096.381	13.839.258.639	13.839.258.639
Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	637.970.000.000	637.970.000.000	653.220.000.000	653.220.000.000
Tổng cộng	644.971.096.381	644.971.096.381	667.059.258.639	667.059.258.639

Theo nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, tiền thu được từ bán cổ phần được giữ lại để đầu tư phát triển Công ty. Chủ trương này tiếp tục được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019. Các khoản tiền hiện nay đang được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á - Chi nhánh Lâm Đồng với kỳ hạn từ trên 12 tháng đến 84 tháng. Lãi suất tiền gửi áp dụng trong năm dao động trong khoảng từ 4,75% đến 8,0%/năm.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống ống nhánh (i)	4.734.694.365	6.633.775.071
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.566.690.399	2.188.413.314
Chi phí lắp đặt đồng hồ nước và ống nhánh	1.133.411.550	66.822.531
Chi phí trả trước dài hạn khác	720.828.300	-
Cộng	8.155.624.614	8.889.010.916

(i) Đây là giá trị tăng thêm do đánh giá lại hệ thống đường ống nhánh theo hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa. Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 10 năm. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh được 7 năm.

Tình hình biến động các khoản chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	8.889.010.916	10.637.879.499
Phát sinh trong năm	1.327.936.275	1.091.094.163
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.339.995.381	1.116.467.682
Phân bổ chi phí trong năm	(3.401.317.958)	(3.956.430.428)
Số dư cuối năm	8.155.624.614	8.889.010.916

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	759.637.057	449.615.593
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	65.638.188	310.021.464
Số dư cuối năm	825.275.245	759.637.057

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để tính thuế hoãn lại 20%

Công ty ghi nhận chi phí tổn thất của hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ thanh lý hàng tồn kho. Do vậy các khoản dự phòng đã trích lập cho những hàng tồn kho này đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được loại trừ khỏi chi phí tính thuế khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng giá trị là 4.126.376.225 đồng. Công ty có thể sử dụng khoản chi phí này để khấu trừ vào thu nhập tính thuế trong tương lai khi Công ty thực hiện thanh lý các hàng tồn kho này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

13. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị thuần VND	Giá gốc VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	5.766.885.582	(1.501.511.204)	4.265.374.378	6.597.251.524
Tính hình biến động dự phòng thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong năm như sau:				
	Năm nay VND	Năm trước VND		
Số dư đầu năm	(897.320.882)	-		
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	(604.190.322)	(897.320.882)		
Số dư cuối năm	(1.501.511.204)	(897.320.882)		
			Giá trị thuần VND	Giá trị thuần VND
			(897.320.882)	5.699.930.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản nợ phải trả người bán đồng thời cũng là giá trị có khả năng thanh toán. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa Trung tâm Quản lý Đầu tư & Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	9.801.519.412	11.068.017.786
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Thanh Dung	588.870.000	772.672.500
Công ty TNHH Sài Gòn Kỹ Thuật	411.048.000	-
Các đối tượng khác	282.524.400	148.897.100
Cộng	739.421.249	569.937.480
	11.823.383.061	12.559.524.866

Khoản phải trả cho Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa là tiền chi phí mua nước sạch tháng 11 và 12 năm 2025 theo hợp đồng mua bán số 01-01/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHĐ/HĐ-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đã ký giữa hai bên.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Hoàng Gia DL	200.343.892	200.343.892
Khách hàng lắp đặt đường ống nhánh	103.891.422	81.597.911
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Petrolimex Lâm Đồng	-	137.994.613
Các đối tượng khác	-	57.620.098
Cộng	304.235.314	477.556.514

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	35.981.718	7.465.123.279	7.330.855.074	170.249.923
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.817.896.195	20.469.426.871	23.030.934.910	4.256.388.156
Thuế thu nhập cá nhân	186.062.017	1.930.172.175	1.617.264.122	498.970.070
Phí bảo vệ môi trường	1.731.336.006	21.885.109.574	21.927.462.125	1.688.983.455
Thuế tài nguyên	94.420.613	1.133.930.394	1.133.922.420	94.428.587
Tiền thuê đất	-	469.472.377	469.472.377	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	20.475.516	20.475.516	-
Thuế môn bài	-	15.000.000	15.000.000	-
Cộng	8.865.696.549	53.388.710.186	55.545.386.544	6.709.020.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thường và hỗ trợ nhân viên thu phí bảo vệ môi trường và nước thải	2.019.469.731	2.019.967.954
Chi phí lãi vay	1.291.019.408	1.459.224.611
Các khoản chi phí phải trả khác	40.369.471	18.682.001
Cộng	3.350.858.610	3.497.894.566

18. Phải trả khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải trả về cổ phần hóa (i)	887.096.381	839.258.639
Các khoản phải trả khác	536.529.266	783.020.474
Cộng	1.423.625.647	1.622.279.113
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	521.966.354	505.517.706
Tổng cộng	1.945.592.001	2.127.796.819

(i) Số dư cuối kỳ phản ánh khoản phải trả cho các cổ đông phát sinh trong thời gian tài khoản ngân hàng bị phong tỏa phục vụ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Tại thời điểm báo cáo, Công ty đang phối hợp với các cổ đông để thống nhất phương án xử lý và thực hiện hoàn trả khoản tiền này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuế tài chính

	Số cuối năm VND	Vay trong năm VND	Thanh toán trong năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn				
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	22.793.678.239	-	-	22.793.678.239
b. Dài hạn				
Vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (i)	134.653.425.808	-	16.831.678.226	151.485.104.034
Vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng (ii)	26.827.918.341	-	5.961.999.999	32.789.918.340
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	-	-	(22.793.678.239)
Cộng	138.687.665.910	-	-	161.481.344.135
Tổng cộng	161.481.344.149	-	22.793.678.225	184.275.022.374

Tại ngày kết thúc năm tài chính, giá trị ghi số của khoản vay đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán.

(i) *Khoản vay tài trợ dự án cấp nước thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ):*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Lâm Đồng (nay là Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng) ngày 28 tháng 12 năm 2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội Phát triển Quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn để đầu tư xây dựng nâng cấp và mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Đà Lạt thuộc dự án cấp nước và nước thải đô thị. Hạn mức khoản vay tối đa 13.184.521 Đô la Mỹ, tương đương 274.422.627.526 đồng tại thời điểm phê duyệt. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 6,75%/năm, cộng thêm phí 0,2%/năm cho số dư nợ vay tùy từng thời điểm. Tài sản đảm bảo và thế chấp cho khoản vay này bao gồm nhà và văn phòng điều hành tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; trạm bơm tăng áp Hùng Vương, 6 bê chửa (Mộng Mơ, Thái Phiên, Resimair, Măng Lìn, Cao Thắng, Vạn Thành) và hệ thống tuyến ống chuyển tải, phân phối, dịch vụ và thiết bị đầu nối hộ gia đình của dự án nâng cấp mở rộng hệ thống cấp nước và nước thải đô thị thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ).

(ii) *Khoản vay tài trợ tiểu dự án cấp nước tỉnh Lâm Đồng:*

Khoản vay được thực hiện theo hiệp định vay lại giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty ngày 16 tháng 12 năm 2009 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4028-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA. Mục đích là để tài trợ vốn cho tiểu dự án cấp nước sinh hoạt cho 6 thị trấn thuộc địa phận tỉnh Lâm Đồng, bao gồm: Liên Trung, Xã Tân Hà Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng; Thôn Tâm Xã, Xã Nam Ban Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; thôn 6 xã Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng, xã Đa Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng; Thôn Hoà Bình Đ'ran, tỉnh Lâm Đồng; Trung Tâm xã Đam Rông 2, Tỉnh Lâm Đồng trong khuôn khổ Dự án Phát triển Cấp nước Đô thị Việt Nam. Hạn mức khoản vay tối đa 137.96 tỷ đồng. Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất vay áp dụng trong suốt thời gian vay là 3%/năm. Tài sản thế chấp cho khoản vay này bao gồm máy móc thiết bị, tuyến ống, đường ống, đường nội bộ, các công trình phụ trợ và bể nước; nhà hành chính, nhà kho, nhà hóa chất, công trình thu nước (công trình thu, trạm bơm nước thô), trạm bơm tăng áp của 6 nhà máy cấp nước (Tân Hà, Nam Ban, Madaguoi, Đambri, Đ'ran, xã Đam Rông 2) thuộc dự án phát triển cấp nước đô thị Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	22.793.678.239	22.793.678.239
Trong năm thứ hai	22.793.678.239	22.793.678.239
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.381.034.723	68.381.034.723
Sau năm năm	47.512.952.948	70.306.631.173
Cộng	161.481.344.149	184.275.022.374
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(22.793.678.239)	(22.793.678.239)
Số phải trả sau 12 tháng	138.687.665.910	161.481.344.135

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	7.767.327.958	3.681.085.206
Trích lập quỹ trong năm	27.324.925.325	21.679.322.745
Sử dụng quỹ trong năm	(25.467.619.329)	(17.593.079.993)
Số dư cuối năm	9.624.633.954	7.767.327.958

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	6.296.555.117	79.056.153.431	11.330.524.372	932.253.065.030
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	99.701.980.942	-	99.701.980.942
Chia cổ tức	-	-	-	-	(40.188.000.000)	-	(40.188.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(21.679.322.745)	-	(21.679.322.745)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.611.230.686	(15.811.230.686)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1.377.600.000)
Số dư đầu năm nay	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	22.107.785.803	99.701.980.942	11.330.524.372	968.710.123.227
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	80.369.210.298	-	80.369.210.298
Chia cổ tức	-	-	-	-	(48.068.000.000)	-	(48.068.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(27.324.925.325)	-	(27.324.925.325)
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	22.931.455.617	(22.931.455.617)	-	-
Thù lao của Ban Điều hành (i)	-	-	-	-	(1.377.600.000)	-	(1,377,600,000)
Giảm khác (ii)	-	-	-	-	(1.113.778.523)	-	(1,113,778,523)
Số dư cuối năm nay	788.000.000.000	28.512.122.705	19.057.709.405	45.039.241.420	79.255.431.775	11.330.524.372	971.195.029.677

(i) Việc trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển trong năm và quyết toán thù lao cho Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát năm 2024 được thực hiện theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025.

(ii) Đây là khoản phải trả cho Nhà nước theo quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm Công ty (trước đây là Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Lâm Đồng) chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

20

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	31.512.924	39,99%	31.512.924	39,99%
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	12.502.601	15,87%	12.502.601	15,87%
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Mesa	10.735.182	13,62%	10.735.182	13,62%
Công ty Cổ phần Golden Stream	9.000.000	11,42%	9.000.000	11,42%
Bà Trương Thị Mỹ An	-	-	13.975.893	17,74%
Các cổ đông khác	15.049.293	19,10%	150.492.930.000	1,36%
Cộng	78.800.000	100,00%	788.000.000.000	100,00%
			78.800.000	100,00%
			788.000.000.000	788.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	78.800.000	78.800.000
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

d) Cổ tức

Theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 29 tháng 4 năm 2025, cổ tức năm 2024 đã được phê duyệt với tổng số tiền là 48.068.000.000 đồng, tương ứng mức 610 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức này cho các cổ đông.

Cổ tức năm 2025 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ lớn hơn hoặc bằng 4,85%, tương ứng lớn hơn hoặc bằng 485 đồng/cổ phiếu đang lưu hành. Mức chi trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên của năm tiếp theo.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp

a) Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm Ngoại tệ	Số đầu năm Ngoại tệ
Tiền Đôla Mỹ (USD)	67,15	67,15

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công nợ tiền nước từ trước năm 1999	23.958.182	23.958.182
Các khoản phải thu khác	13.578.000	13.578.000
Cộng	37.536.182	37.536.182

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu kinh doanh nước sạch	288.984.252.375	291.335.393.098
Doanh thu xử lý nước thải	19.350.691.055	19.315.104.870
Doanh thu xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	10.326.720.467	7.808.891.099
Doanh thu khác	960.043.179	1.226.840.548
Cộng	319.621.707.076	319.686.229.615

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn kinh doanh nước sạch	206.111.177.391	203.089.436.820
Giá vốn xử lý nước thải	17.440.912.477	16.157.628.384
Giá vốn xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp nước	8.622.727.348	6.675.886.137
Giá vốn khác	385.586.560	996.699.632
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	326.605.512	1.269.573.149
Cộng	232.887.009.288	228.189.224.122

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	47.631.866.739	53.326.393.735
Lãi từ chuyển nhượng đầu tư vào công ty liên kết	-	15.309.740.962
Cổ tức được chia	-	685.000.000
Cộng	47.631.866.739	69.321.134.697

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	11.159.185.190	12.555.962.887
Chi phí chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	590.745.630
Cộng	11.159.185.190	13.146.708.517

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí duy trì đầu nổi	5.342.312.656	4.133.468.134
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	52.150.294	65.202.575
Cộng	5.394.462.950	4.198.670.709

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.243.227.580	3.915.033.610
Chi phí đồ dùng văn phòng	257.471.650	485.550.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	596.810.964	446.533.004
Thuế, phí và lệ phí	170.073.600	260.913.011
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	263.969.385	66.761.000
Chi phí mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	11.637.653.932	13.084.040.464
Cộng	16.169.207.111	18.258.831.871

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

7. Thu nhập và chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định	-	375.818.091
Các khoản thu nhập khác	363.571.185	243.490.575
Cộng	363.571.185	619.308.666
Chi phí khác		
Chi phí khấu hao tài sản không sử dụng	1.044.775.439	1.058.024.024
Các khoản phạt vi phạm hành chính, thuế	34.118.352	3.804.694
Các khoản chi phí khác	155.387.689	100.095.679
Cộng	1.234.281.480	1.161.724.397
Lỗ khác	(870.710.295)	(542.415.731)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.772.998.981	124.671.513.362
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Chi phí không được trừ	1.574.135.375	2.411.256.057
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(685.000.000)
Thu nhập chịu thuế	102.347.134.356	126.397.769.419
Chuyển lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	102.347.134.356	126.397.769.419
Thuế suất thông thường	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.469.426.871	25.279.553.884

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.447.823.549	113.328.462.080
Chi phí nhân công	67.411.358.068	63.767.099.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.774.080.803	39.299.977.841
Chi phí duy trì đầu nối	5.342.312.656	4.133.468.134
Chi phí xăng xe, sửa chữa	4.584.185.633	4.472.658.824
Chi phí dự phòng	590.574.897	1.336.334.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	26.300.343.743	24.308.725.728
Cộng	254.450.679.349	250.646.726.702

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.369.210.298	99.701.980.942
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành	(26.641.749.499)	(28.702.525.325)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.727.460.799	70.999.455.617
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	78.800.000	78.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682	901

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao, khen thưởng ban điều hành năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu là số ước tính dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 mà Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp Đại hội thường niên sắp tới.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng chính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên hội đồng quản trị, kiêm Phó Tổng Giám đốc

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm:

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phan Đình Tân	Chủ tịch HĐQT	617.519.975	639.791.875
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.764.459.352	1.547.634.552
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	250.511.984	243.907.126
Ông Nguyễn Văn Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.070.833.890	973.446.562
Ông Đỗ Văn Hạ	Thành viên HĐQT	250.511.984	195.079.156
Ông Dương Tiến Dũng	Thành viên HĐQT (đã miễn nhiệm)	-	48.827.968
		3.953.837.185	3.648.687.239

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan** (tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm (tiếp theo)

Họ tên	Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ban kiểm soát			
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vân	Trưởng ban	567.026.151	592.228.344
Ông Phạm Văn Khoa	Thành viên	147.179.993	121.262.982
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên	147.179.993	121.262.982
Ông Trần Văn Thuận	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	27.644.988
Bà Vy Thị Bé	Thành viên (đã miễn nhiệm)	-	27.644.988
		861.386.137	890.044.284
Ông Bùi Hoàng Trường VI	Kế toán trưởng	798.464.762	649.691.188

2. Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 134/HD-TD thửa đất tại 50 Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Thời hạn thuê đất là 50 năm kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2014. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.671,91 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra, Công ty còn thực hiện thuê đất của Nhà nước tại các địa điểm khác trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng để sử dụng cho mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh.

Đơn giá tính tiền thuê đất sẽ được xác định và điều chỉnh lại theo từng thời kỳ dựa theo các quy định của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

3. Cam kết không hủy ngang khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã ký các hợp đồng/ cam kết không hủy ngang như sau:

- Hợp đồng mua si nước sạch từ Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa số 01-01/HD-MBNS ngày 30 tháng 12 năm 2010 và phụ lục số 04/2023/PLHD/HD-MBNS ngày 30 tháng 11 năm 2023 về thay đổi đơn giá nước. Đơn giá nước sạch áp dụng từ ngày 01 tháng 12 năm 2023 là 6.132 đồng/m³ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và có hiệu lực đến khi có phụ lục khác thay thế.
- Hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt tập trung thành phố Đà Lạt (địa chỉ cũ) với Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Công trình Thủy lợi Đà Lạt. Đơn giá đặt hàng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 6.261 đồng/m³, trong đó các tổ chức cá nhân đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải chi trả 3.198 đồng/m³ và ngân sách cấp 3.063 đồng/m³.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)

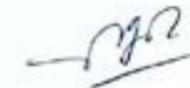
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

5. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính tổng hợp này.


Trần Thị Tuyết Ngọc
Người lập biểu

Bùi Hoàng Trường VI
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2025

Lâm Đồng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Nguyễn Hùng Cường
TỔNG GIÁM ĐỐC



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC LÂM ĐỒNG

 Số 50 đường Hùng Vương, Phường Lâm Viên - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
 (84.26) 3382 2240
 lawacoldg@gmail.com
 www.lawaco.com

